



Everpia Vietnam JSC.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2014

ANNUAL REPORT



MỤC LỤC

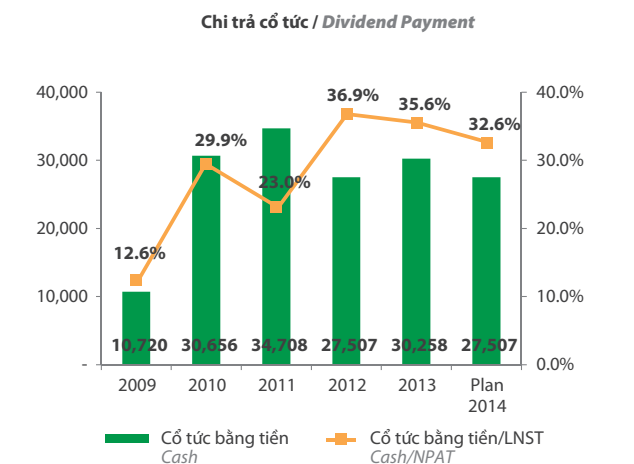
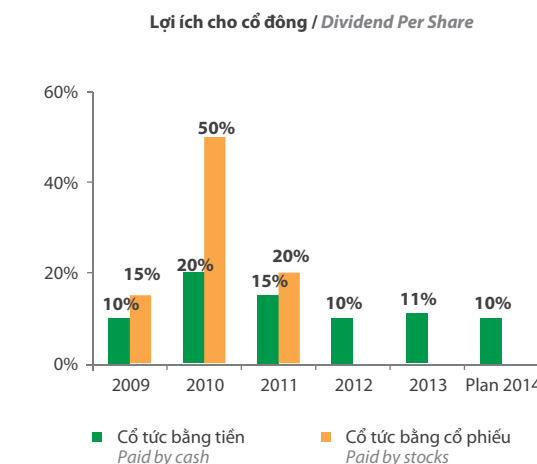
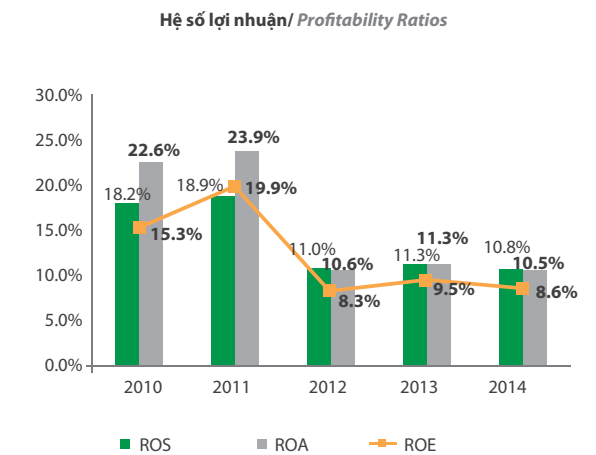
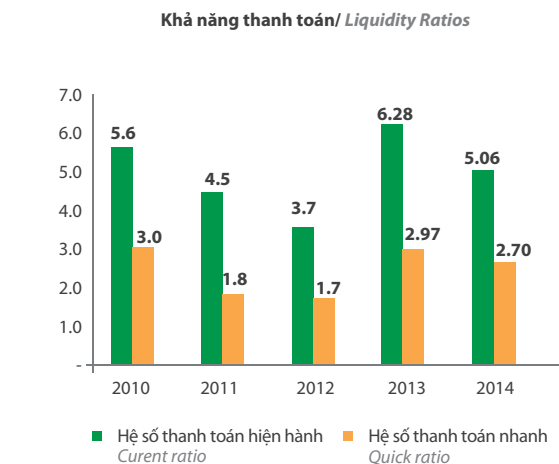
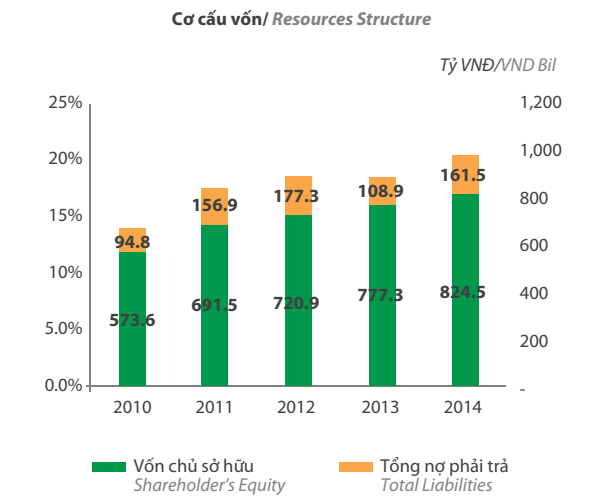
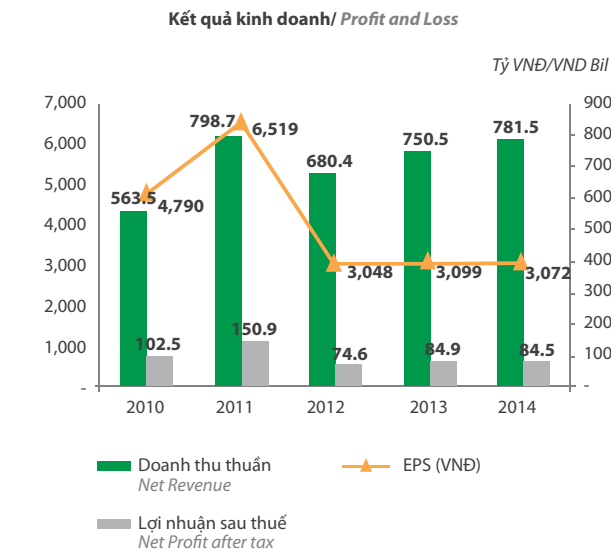
TABLE OF CONTENTS

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN	KEY FINANCIAL INFORMATION	2
GIỚI THIỆU CÔNG TY	CORPORATE PROFILE	5
Triết lý hoạt động	Company's philosophy	5
Quá trình hình thành và phát triển	History of Development	6
Quá trình tăng vốn điều lệ	Charter Capital Increasing process	7
Ngành nghề kinh doanh chính	Business scope	8
Địa bàn kinh doanh, hệ thống phân phối	Business location and Distribution system	16
Thông tin cổ đông và cổ phần	Shareholders structure	18
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	DEVELOPMENT ORIENTATION	21
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	Chairman's message	22
Phân tích S.W.O.T	S.W.O.T analysis	24
Chiến lược phát triển trung và dài hạn	Medium and Long-term development strategies	26
MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	COMPANY STRUCTURE AND MANAGEMENT APPARATUS	28
Danh sách nhà máy, chi nhánh và công ty con	Manufacturing sites, Trading branches and Subsidiaries	30
Sơ đồ tổ chức và cơ cấu lao động	Organization chart & Shareholders structure	32
Giới thiệu Hội đồng Quản trị & Ban Kiểm soát	The Board of Management & The Audit Committee	34
BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	BUSINESS PERFORMANCE REPORT	37
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	Board of Management Report	38
Báo cáo của Ban Kiểm soát	Audit Committee Report	44
Báo cáo Quản trị rủi ro	Risk Management Report	48
Báo cáo của Ban Điều hành	Board of Directors Report	50
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	SUSTAINABLE DEVELOPMENT REPORT	63
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VÀ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	AUDITED FINANCIAL STATEMENTS 2014	75
LƯU Ý NGƯỜI ĐỌC	NOTE TO READERS	128

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN
KEY FINANCIAL INFORMATION

ĐVT: Tỷ đồng/Unit: VND Bil

CHỈ TIÊU/NĂM Item/Year	2010	2011	2012	2013	2014
KẾT QUẢ KINH DOANH <i>Consolidated Income</i>					
Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	563.5	798.7	680.4	750.5	781.5
Lợi nhuận gộp <i>Gross profit</i>	236.9	317.6	233.6	276.2	265.8
Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần <i>Gross profit on revenue ratio</i>	42.0%	39.8%	34.3%	36.8%	34.0%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Operation profit</i>	127.7	190.9	93.8	114.5	109.6
Thu nhập khác <i>Other profit</i>	2.1	0.2	2.2	1.9	1.0
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	129.8	191.1	96.1	116.4	110.7
Lợi nhuận sau thuế <i>Net profit after tax</i>	102.5	150.9	74.6	85.0	84.5
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần <i>Return on sale</i>	18.2%	18.9%	11.0%	11.3%	10.8%
Lãi trên cổ phiếu (đồng) <i>Earning per share</i>	4,790	6,519	3,048	3,099	3,072
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN <i>Consolidated Balance sheet</i>					
Tài sản ngắn hạn <i>Current Assets</i>	519.0	633.9	588.5	594.0	707.7
Tài sản dài hạn <i>Non-current Assets</i>	150.5	215.8	310.8	293.0	278.3
Tổng tài sản <i>Total Assets</i>	669.5	849.7	899.3	887.0	986.0
Nợ ngắn hạn <i>Current Liabilities</i>	92.2	139.4	160.4	94.6	140.0
Nợ dài hạn <i>Long-term Liabilities</i>	2.6	17.5	16.9	14.3	21.6
Tổng nợ phải trả <i>Total Liabilities</i>	94.8	156.9	177.3	109.0	161.5
Vốn chủ sở hữu <i>Shareholders' equity</i>	573.6	691.5	721.0	777.3	824.4
Lợi ích của cổ đông thiểu số <i>Minority Interests</i>	1.1	1.2	1.0	0.8	-
Tổng nguồn vốn <i>Total Resources</i>	669.5	849.7	899.3	887.0	986.0
LƯU CHUYỂN DÒNG TIỀN <i>Consolidated Cashflow</i>					
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	129.8	191.1	96.1	116.4	110.7
Dòng tiền thuần từ kinh doanh <i>Net cash (used in) operation activities</i>	(19.1)	(9.7)	187.0	61.7	40.2
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư <i>Net cash (used in) investing activities</i>	(55.5)	(74.8)	(157.0)	(52.9)	(85.7)
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính <i>Net cash (used in)/from financing activities</i>	139.2	9.0	(42.1)	(64.8)	29.9
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ <i>Cash and cash equivalents at the end of the year</i>	194.8	119.4	107.3	51.4	35.6



- Tên công ty
Company name Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam
Everpia Vietnam Joint Stock Company
- Tên Tiếng Anh
Business name Everpia Vietnam Joint Stock Company
- Tên viết tắt
Short name Everpia Vietnam JSC
- Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp số
Business license 011033000055
011033000055
- Vốn điều lệ
Charter capital 279,865,180,000 tỷ đồng
VND 279,865,180,000
- Trụ sở chính
Head Office Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội
- Điện thoại
Tel (+84-4) 3827 6490
(+84-4) 3827 6490
- Fax
Fax (+84-4) 3678 2030
(+84-4) 3678 2030
- Website
Website www.everpia.vn
- Email
Email info@everpia.vn
- Mã cổ phiếu
Stock code EVE



GIỚI THIỆU CÔNG TY

CORPORATE PROFILE

TRIẾT LÝ HOẠT ĐỘNG

COMPANY'S PHILOSOPHY

Tầm nhìn

Vision

- ❖ Trở thành công ty hàng đầu thế giới
Become the world's best Company

Sứ mệnh

Mission

- ❖ Tối ưu hóa nhu cầu khách hàng
Satisfy customers
- ❖ Kiến tạo giá trị
Create value
- ❖ Phát triển thị trường
Develop markets

Chính sách quản lý

Management policy

- ❖ Minh bạch
Transparency
- ❖ Sáng tạo
Creative thinking
- ❖ Giữ gìn giá trị cốt lõi
Maintain the core value

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

HISTORY OF DEVELOPMENT



1993

Tiền thân là chi nhánh Công ty TNHH Viko Moolsan, công ty Hàn Quốc chuyên về sản xuất và kinh doanh Bông tấm
First established as a branch of Viko Moolsan Co., Ltd, a Korean padding manufacturer

1995

Thiết lập ngành hàng Chăn – ga – gối – đệm
Established a bedding business

1999

Ra mắt thương hiệu EVERON, thương hiệu Chăn – ga – gối – đệm Hàn Quốc đầu tiên tại Việt Nam
Launched EVERON, the first Korean bedding brand in Vietnam

2005

Thành lập chi nhánh Tp Hồ Chí Minh
Established Hochiminh Branch

2006

Được cấp phép sản xuất và kinh doanh sản phẩm bông THERMOLITE của Công ty Invista Hoa Kỳ
Acquired license for the high-grade padding brand THERMOLITE from American Company - Invista

2007

Chuyển đổi sở hữu sang công ty cổ phần, chính thức đổi tên thành Everpia Việt Nam
Converted to a joint stock Company and changed the company name to Everpia Vietnam JSC

2008

Nhận giấy phép sản xuất và kinh doanh sản phẩm bông cho chăn ga mang thương hiệu “DACRON” của công ty Invista
Acquired license for padding brand DACRON from Invista Company - Invista

2010

Thành lập chi nhánh Hưng Yên
Established Hung Yen Branch
 Niêm yết tại HOSE (Mã EVE)
Listed on HOSE (stock code: EVE)
 Ra mắt thương hiệu ARTEMIS – thương hiệu chăn ga gối đệm cao cấp
Launched high-end bedding brand – ARTEMIS
 Nhận giấy phép kinh doanh sản phẩm bông “ADVANSA” của công ty Advansa
Acquired license for padding brand Advansa from Advansa Company - ADVANSA

2011

Thành lập chi nhánh Đồng Nai
Established Dongnai Branch
 Ra mắt thương hiệu Edelin
Launched low-end bedding brand – Edelin

2013

Thành lập công ty con tại Campuchia
Established Everpia Cambodia

2014

Giới thiệu ra thị trường sản phẩm đồ gỗ nội thất bằng gỗ tự nhiên mang thương hiệu Everon Furniture
Launch new product line of nature wood furniture, Everon Furniture brand.
 Nhận giấy phép kinh doanh độc quyền sản phẩm đệm lò xo tiêu chuẩn Úc mang thương hiệu Style Master tại 03 nước: Việt Nam, Campuchia và Lào
Granted the exclusive sub-license for the Style Master mattress brand for Vietnam, Cambodia and Laos

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

CHARTER CAPITAL INCREASING PROCESS

Trong 7 năm qua, Everpia Việt Nam đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ như sau:
Over the past seven years, Everpia Vietnam has issued shares to increase its share capital as follows:

Thời gian phát hành Issue date	Đối tượng phát hành Description	Số cổ phiếu phát hành Number of new shares	Vốn điều lệ sau phát hành Share capital after the new issues (VND)
06/2007	Quỹ đầu tư mạo hiểm Mirae Asset <i>Mirae Asset Maps Opportunity Vietnam Equity Balanced Fund 1</i>	480,000	52,800,000,000
10/2007	Quỹ đầu tư Dream No.7 / <i>Dream No.7 Investment Partnership</i>	200,000	54,800,000,000
08/2008	Cổ phiếu thưởng tỷ lệ 2:1 / <i>Bonus share rate 2:1</i>	2,740,000	82,200,000,000
06/2009	- CTCP CK Bảo Việt / <i>Bao Viet Securities Company</i> - CTCP Chứng khoán NHNN&PTNT Việt Nam / <i>Agriseco JSC.</i> - Ông Trần Ngọc Bê / <i>Mr. Tran Ngoc Be</i>	2,500,000	107,200,000,000
06/2010	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 15%) / <i>Stock dividend (rate 15%)</i>	1,607,996	123,279,960,000
07/2010	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược / <i>Private placement</i> - Quý Red River Holdings / <i>Red River Holdings</i> - Quý thành viên Việt Nhật / <i>Vietnam Japan Fund</i> - CTCP Quản lý quỹ FPT / <i>FPT Capital</i> - CT TNHH Đầu tư FC / <i>FC Capital</i>	3,000,000	153,279,960,000
07/2011	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 50%) / <i>Stock dividend (rate 50%)</i>	7,663,990	229,919,860,000
11/2011	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV chủ chốt / <i>ESOP</i>	410,000	234,019,860,000
07/2012	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 20%) / <i>Stock dividend (rate 20%)</i>	4,584,532	279,865,180,000

Sau cổ phần hóa năm 2007, tốc độ tăng trưởng gộp hàng năm của công ty trung bình đạt 23% về doanh thu và 34% về lợi nhuận. Do nhu cầu sản xuất tăng mạnh, một nhà máy duy nhất đặt tại Dương Xá – Gia Lâm – Hà Nội là không đủ đáp ứng, việc đầu tư mở rộng sản xuất là cấp thiết. Năm 2009 và năm 2010, sau hai lần phát hành cổ phần riêng lẻ thành công cho các đối tác chiến lược, Everpia Việt Nam đã có đủ vốn để đầu tư xây dựng thêm nhà máy mới. Năm 2010, Công ty đã hoàn thành việc mua mới nhà máy tại Khu công nghiệp Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai. Tháng 7 năm 2011, nhà máy tại Hưng Yên được khởi công xây dựng tới tháng 11 năm 2012 nhà máy đã chính thức đi vào hoạt động. Việc đầu tư mua mới đã nâng tổng công suất Công ty lên gấp đôi.

Since converted to a Joint Stock Company in 2007, the Company's average compound annual growth rate has been 23% in revenue and 34% in profit. While production demand increased significantly, one factory in Duong Xa – Gia Lam – Ha Noi was not enough, so the need to expand was imperative. Following two successful private placements in 2009 and 2010, Everpia Vietnam mobilized enough capital to invest in more capacity. In 2010, the Company bought a factory in Bien Hoa I Industrial Zone, Bien Hoa, and Dong Nai. In July, 2011, Everpia Vietnam started breaking ground for a new factory in Hung Yen and began operation in November 2012. With these investments, the production capacity of Everpia Vietnam should be doubled.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Khởi đầu là Công ty chuyên sản xuất nguyên liệu cho các công ty may xuất khẩu. Sau 20 năm hoạt động, Everpia Việt Nam đã xây dựng được thương hiệu và hệ thống phân phối của riêng mình trong cả hai ngành hàng chính là Bông tằm và Chăn – ga – gối – đệm. Với mục tiêu trở thành lựa chọn đầu tiên của khách hàng cho các sản phẩm tại các thị trường mà Công ty hoạt động, trong nhiều năm qua, Everpia Việt Nam luôn duy trì vị trí dẫn đầu thị phần tại cả hai ngành hàng với tỷ trọng lần lượt là 26% và 29%.

Năm 2014, Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh sang mảng nội thất bằng gỗ tự nhiên với thương hiệu Everon Furniture và sản phẩm dành cho các bà nội trợ với thương hiệu Everon Home Décor. Các sản phẩm này bước đầu được trưng bày và phân phối tại các showroom và tổng đại lý của Công ty trong toàn quốc.



NGÀNH HÀNG BÔNG TẮM

Bông tằm là sản phẩm công nghiệp nhẹ, làm từ xơ polyester, chủ yếu dùng làm lớp giữ nhiệt cho áo jacket. Ít được người tiêu dùng biết tới, nhưng Bông tằm là ngành nghề kinh doanh cơ bản của Everpia Việt Nam trong các năm qua, đóng góp từ 35% - 45% doanh thu toàn Công ty. Nhu cầu về các sản phẩm bông tằm ngày một tăng, do sự gia tăng của các đơn hàng sản xuất áo jacket, cho cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Bên cạnh các sản phẩm có Giấy phép sản xuất độc quyền tại Việt Nam, Công ty còn tự nghiên cứu và phát triển là các dòng sản phẩm bông mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đối tác và khách hàng.

Dexfil

Nguyên liệu: xơ polyester

Đặc điểm: Sản phẩm bông Low Denier nhẹ và mỏng, có tính năng giữ nhiệt bằng việc lưu giữ không khí tối ưu, duy trì hình dáng ban đầu sau khi giặt, được phát triển trong nước nên có giá thành rẻ hơn rất nhiều so với các sản phẩm Low Denier thông thường khác. DEXFIL là thương hiệu bông được Everpia Việt Nam nghiên cứu và phát triển.



Thermolite

Nguyên liệu: xơ sợi micro và xơ sợi dạng mềm

Đặc điểm: Sản xuất từ nguyên liệu giữ nhiệt đặc thù của Invista kết hợp giữa xơ sợi Micro và xơ sợi dạng mềm, Thermolite có khả năng giữ ấm hơn tới 30% so với các nguyên liệu giữ nhiệt khác cùng trọng lượng. Everpia Việt Nam là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam nhận được chứng chỉ sản xuất độc quyền các sản phẩm bông THERMOLITE của INVISTA, Hoa Kỳ



BUSINESS SCOPE



Initially, the Company specialized in producing materials for Garment Export Company. After 20 years of operation, Everpia Vietnam has built brand and distribution systems of its own in both industries: Bedding and Padding business. With the goal of becoming the first choice of customers in the market that the Company operates, for many years, Everpia Vietnam maintains leading the market share positions in both industries with the respectively 26% and 29%.

In 2014, the Company has launched two new brands called Everon Furniture (bedroom furniture made of natural wood) and Everon Home Décor (towels and housewives' product). Home furnishing is sold in the Company's retail stores.

PADDING BUSINESS

Padding is a light industrial manufacturing product, is made out of polyester staple fiber and is used as jacket filler. Although Padding has not been well-known by local consumers, it's basic business scope of Everpia Vietnam in recent years, contributes between 35% - 45% of total sales. Demand for padding has been increasing, driven by Vietnam jacket production and exports as Vietnam enjoys undeniable competitive advantages in garment and textile production. The Company not only has exclusive license but also has researched and developed new product to meet the increasing requirements of its customers.



Dexfil

Material: polyester fiber

Characteristic: Low Denier fibers are light and thin, has the ability to retain warmth by optimum air retention and keep its original shape after washing. Due to being locally produced and developed, it costs less than other Low Denier padding. DEXFIL padding brand is researched and developed by Everpia Vietnam.

Thermolite

Material: Micro fiber and soft fiber

Characteristic: Made of Invista's proprietary materials, which are a combination of Micro and soft fibers, this padding can retain warmth 30% better than other thermal materials of the same weight. Everpia Vietnam is the only enterprise in Vietnam which has received an exclusive production license of Thermolite of INVISTA, USA

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

NGÀNH HÀNG CHĂN GA

Ngành hàng chăn ga với thương hiệu Everon đã đưa Everpia Việt Nam là công ty sản xuất Chăn – ga – gối – đệm hàng đầu Việt Nam. Đến nay, Công ty đã phát triển các dòng thương hiệu đáp ứng đa dạng nhu cầu của các đối tượng khách hàng khác nhau bằng những sản phẩm có giá trị sử dụng cao và thiết kế sáng tạo và độc đáo. Everpia Việt Nam tin tưởng rằng, với thương hiệu Chăn – ga – gối – đệm cho thị trường trung cấp - Everon, thương hiệu cao cấp Artemis và các sản phẩm chăn ga thiết kế riêng biệt mang thương hiệu - Edelin & Lovelon đều tạo nên lợi thế cạnh tranh cho Công ty.

CÁC SẢN PHẨM VỎ CHĂN, VỎ GỐI VÀ GA TRẢI GIƯỜNG



Everon

Nguyên liệu: Vải cotton 100%

Đặc điểm: Hai dòng sản phẩm chính: vải in (EP – Everon Print) và vải trơn (ES – Everon Solid). Sản phẩm được thiết kế sáng tạo, phù hợp với khí hậu Việt Nam

Artemis

Nguyên liệu: Vải cotton cao cấp, cotton nhung, satin, lụa

Đặc điểm: Dòng sản phẩm cao cấp Artemis nổi bật với những thiết kế sang trọng, độc đáo, mang đậm phong cách cổ điển Châu Âu

Edelin

Nguyên liệu: Vải cotton

Đặc điểm: Thiết kế đơn giản, tiện dụng. Edelin đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người tiêu dùng về độ bền, sự thoải mái và khả năng chi trả khi mua sản phẩm.

Cutie Everon

Nguyên liệu: Vải 100% cotton

Đặc điểm: Sản phẩm được làm từ chất liệu vải cotton và nhuộm thủ công bằng nguyên liệu tự nhiên nên không gây kích ứng da và tốt cho sức khỏe của bé.

Lovelon

Nguyên liệu: Vải cotton

Đặc điểm: Dòng sản phẩm được thiết kế dành riêng cho kênh bán hàng trực tuyến nhằm phù hợp với thói quen mua hàng mới của người dân nhưng cũng không ảnh hưởng tới doanh thu bán hàng của các đại lý

BUSINESS SCOPE

BEDDING BUSINESS

Bedding business with Everon brand has taken Everpia Vietnam become the leading of bedding production in Vietnam. Until now, the Company has developed various brand to meet all consumer preferences with high value products, innovative design and unique. Everpia Vietnam believe that going to market with one of the middle market – Everon, one of the luxury brands – Artemis and differentiated specialty bedding offerings – Edelin and Lovelon gives the Company a competitive advantage and strengthens the relationship with customers by offering sleep solution to a broad group of consumers.

BLANKET, PILLOW AND BED SHEET



Everon

Material: 100% cotton

Characteristic: Two major product lines: print fabric (EP - Everon Print) and solid fabric (ES - Everon Solid). The products are exquisite design and high compatible with Vietnam's climate.

Artemis

Material: High-grade cotton fabrics, cotton velvet, satin, silk

Characteristic: Artemis made out of luxury materials really stand out due to its sophisticated and unique designs. The essence of the brand and its collection are revealed in the detailed embellishments inspired by European classical style.

Edelin

Material: Cotton

Characteristic: Simple design and useful. Aimed at satisfying the three fundamental needs when purchasing bedding products – durability, comfortable and affordability – each Edelin product made out of quality and soft fabrics at an affordable price.

Cutie Everon

Material: 100% cotton

Characteristic: The children bedding brand made of cotton and handmade dyed using natural materials to not irritate the skin and good for baby's health.

Lovelon

Material: Cotton

Characteristic: The products are designed specifically for online business to accommodate the buying habits of the customers, but did not affect the sales of agents.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

NGÀNH HÀNG CHĂN GA

SẢN PHẨM RUỘT CHĂN, RUỘT GỐI



Ruột Invista

Invista là một trong những công ty lớn nhất thế giới chuyên sản xuất và nghiên cứu các loại bông, xơ, sợi từ polyester. Everpia Việt Nam là nhà sản xuất độc quyền xơ Dacron tại Việt Nam.

Nguyên liệu:

- Xơ Dacron
- Vải 100% cotton satin

Đặc điểm:

- Dacron là dòng xơ dành riêng cho các sản phẩm Chăn – ga – gối với khoảng 20 loại xơ có cấu trúc khác nhau đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dùng.
- Xơ Dacron Quallofil cấu trúc 7 lỗ tạo nên các ống dẫn khí xuyên suốt giúp thông thoáng vượt trội, cách nhiệt hoàn hảo
- Xơ memorelle mang đặc tính mềm, dẻo và co giãn cao giúp làm giảm áp lực tỳ nén tại điểm tiếp xúc
- Xơ Dacron comforel opulent touch cấu trúc hình Omega tạo cảm giác xốp nhẹ và mềm mại như lụa

Ruột Advansa

Trên nền tảng công nghệ gần 100 năm, Advansa là công ty dẫn đầu về công nghệ chế tạo xơ sợi dành riêng cho ruột chăn – ga – gối tại Châu Âu. Everpia Việt Nam là công ty duy nhất tại Việt Nam được phép sản xuất và phân phối dòng sản phẩm tốt cho sức khỏe, thân thiện với môi trường và thoải mái khi sử dụng

Advansa Ultra

Nguyên liệu:

- Xơ Suprelle Ultra
- Vải 100% cotton satin

Đặc điểm: Suprelle Ultra là loại xơ thế hệ mới có chứa các nhân tố hoạt tính giúp ngăn ngừa sự phát triển của các loại nấm mang lại một môi trường ngủ trong lành và khỏe mạnh. Sợi xơ cấu trúc 4 lỗ giúp tăng khả năng giữ nhiệt và duy trì độ bền cao.

Ruột Everon

Trung thành với nguyên liệu xơ polyester đàn hồi cao, giữ nhiệt tốt, có thể giặt máy và an toàn cho sức khỏe, Everpia Việt Nam liên tục nghiên cứu và phát triển thành các dòng sản phẩm ruột mang thương hiệu của riêng mình

Ruột Everon truyền thống

Nguyên liệu:

- Xơ bông ball
- Vải cotton polyester

Đặc điểm: Do cấu trúc quần tròn đặc biệt xơ bông ball có độ đàn hồi cao, giữ nhiệt tốt. Kết hợp cùng vải pha cotton và polyester, tất cả các loại ruột của Everon truyền thống đều có độ bền cao, có thể giặt được và khô nhanh.

Ruột Everon micro expo

Nguyên liệu:

- Xơ bông ball
- Vải cotton polyester

Đặc điểm: Nhẹ xốp, ấm áp mà lại thoáng khí là đặc tính đặc biệt của dòng sản phẩm Everon Micro Expo. Những sợi xơ siêu mảnh, siêu nhỏ nhập khẩu trực tiếp từ Hàn Quốc mang đến cảm giác mềm mại, mịn màng và ấm áp như một bộ lông vũ đích thực

BUSINESS SCOPE

BEDDING BUSINESS

BEDDING INSERT PRODUCTION



Invista Insert

Invista is one of the world's largest companies specializing in producing and researching of all kinds of cotton, fibers from polyester. Everpia Vietnam is the exclusive manufacturer Dacron fiber in Vietnam.

Material:

- Dacron Quallofil fiber
- 100% cotton satin

Characteristic:

- Dacron is a dedicated fiber line for Bedding products with 20 different structure fibers, which satisfy the diverse needs of customers.
- Dacron Quallofil fiber Special: 7-hole fiber technology creates through air duct; provides superior ventilation, excellent thermal insulation and luscious softness.
- Dacron Memorelle fiber: Fiber features soft, flexible and elastic, reduces pressure compressor at the contact point
- Dacron fiber comforel opulent touch: A luxuriou feather like fiber with Omega structure, recreate the feeling of softness and smoothness like silk making it welcoming and comfortable

Advansa Insert

On the technology platform for nearly 100 years, Advansa is a leading company in fiber manufacturing technology for Bedding Insert in Europe. Everpia Vietnam is the only company in Vietnam is allowed to produce and distribute the healthy product line, environmentally friendly and comfortable to use.

Advansa Ultra

Material:

- Suprelle Ultra Fiber
- 100% cotton satin

Characteristic: Suprelle Ultra is a new generation of fibers containing the actived elements to prevent the growth of the fungus, provides a healthy environment and healthy sleep. 4-hole fiber structure helps insulate heat and increase durability.

Everon Insert

Loyal to the polyester fiber material with highly elastic, insulate heat well, machine washable and safe for health, Vietnam Everpia continuous research and development of product bringing its own brand.

Ruột Everon truyền thống

Material:

- Ball fiber
- Cotton polyester

Characteristic: With special structure likes a ball thus this type of fiber is very elastic, and in combination with chief value cotton fabric making Everon Traditional series long lasting, washable and dry quickly.

Ruột Everon micro expo

Material:

- Ball fiber
- Cotton polyester fabric

Characteristic: Light, warm but breathable is special features of Everon Micro Expo. Usage of super-fine micro fibers which is directly imported from Korea creates soft, smooth and warm feeling like real feather.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

NGÀNH HÀNG CHĂN GA

SẢN PHẨM ĐỆM



Đệm bông ép

Nguyên liệu: - Vỏ: Vải gấm jacquard
- Đệm: xơ polyester

Đặc điểm:

- Thoáng khí, thoát ẩm nhanh, có thể giặt được bằng nước
- Độ phẳng cao giúp tuần hoàn máu tốt, không gây cong vồng cột sống
- Đệm gồm 2 hoặc 3 tấm có thể gấp gọn, dễ di chuyển

Đệm lò xo

Nguyên liệu: - Vỏ: Vải gấm jacquard
- Đệm: thép carbon không gỉ

Đặc điểm:

- Hệ thống chống lún trung tâm tạo cảm giác thoải mái cho xương sống
- Vải bọc jacquard có khả năng khử mùi và diệt khuẩn bảo đảm vệ sinh cho người sử dụng

Đệm than hoạt tính

Nguyên liệu: - Vỏ: Vải gấm jacquard
- Đệm: xơ polyester và mút (mousse) than hoạt tính (kết hợp giữa hoạt chất than với mút hoạt tính)

Đặc điểm:

- Sự kết hợp độc đáo giữa sự mềm mại của bông tấm với khả năng khử độc hiệu quả và chống lại tia hồng ngoại của than hoạt tính.
- Mousse hoạt tính còn giúp giảm áp lực tỳ nén ở các điểm tiếp xúc, mở rộng các mao mạch kích thích tăng lưu lượng máu lưu thông

ĐỒ GỖ NỘI THẤT

Nguồn gốc: Everpia Việt Nam phân phối những mẫu thiết kế độc quyền do đối tác sản xuất

Chất liệu: gỗ thông hoặc gỗ sồi

Thị trường mục tiêu: Phân khúc khách hàng cao cấp

Phương thức phân phối: giao hàng tại nhà

Đệm sóng

Nguyên liệu: - Vỏ: Vải gấm jacquard
- Đệm: xơ polyester

Đặc điểm:

- Các đỉnh sóng cách đều nhau 5cm giúp giảm áp lực tại các điểm tiếp xúc, tăng cường lưu thông không khí và tiêu tán nhiệt mang đến một không gian ngủ ôn hòa, thoáng đạt.
- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Chứng nhận Oeko-Tex 100, đảm bảo sản phẩm thoả mãn các yêu cầu về sinh thái và con người áp dụng cho các loại xơ, sợi dùng cho trẻ em và người lớn.

Đệm mát

Chất liệu: - Lớp vải bọc ngoài: Chất liệu chống thấm nước
- Lớp gel bên trong: Chất liệu gel y tế (hoạt chất tương tự như chất gel trên miếng dán hạ sốt cho trẻ nhỏ)

Đặc điểm:

- Chất liệu gel làm mát (sử dụng trong y tế) giúp hấp thụ nhiệt từ cơ thể, điều hòa và làm mát tại điểm tiếp xúc.
- Dễ dàng làm sạch, kiểu dáng nhỏ gọn thuận tiện trong di chuyển và bảo quản



BUSINESS SCOPE

BEDDING BUSINESS

MATTRESS



Polyester mattress

Material: - Cover: Jacquard brocade
- Mattress: polyester fiber

Characteristic:

- Venti-lated, quick drying, washable
- High flatness which is helpful for blood circulation, and is good for spinal protection
- Can be folded, easy to move

Spring mattress

Material: - Cover: Jacquard brocade
- Mattress: stainless carbon steel

Characteristic:

- Centered anti-sagging system which comforts customer's spines
- Covered by jacquard brocade reducing odor and ensures an sanitary environment for customers

Charcoal Memory Foam PE mattress

Material: - Cover: jacquard brocade
- Mattress: polyester fiber and activated carbon mousse (combination of active ingredients charcoal with memory foam)

Characteristic:

- This is a special category which combines the softness of padding with the effective sterilization of activated charcoal.
- Mousse activate charcoal helps reduce pressure point, expanding capillaries and stimulating bloodflow's circulation.

EVERON FURNITURE

The origin: Everpia Vietnam distributes exclusive designs produced by partners

Material: pine wood or oak wood

Target market: high-end customer segment

Distribution method: home delivery



ĐỊA BÀN KINH DOANH VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Hệ thống phân phối của Công ty không ngừng được đầu tư theo chiều sâu và mở rộng phát triển nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng dài hạn của Công ty.



TẠI THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Kênh phân phối hiện đại, Everpia Việt Nam bán hàng trực tiếp đến các siêu thị, trung tâm thương mại lớn tại Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Nhận định đây là kênh phân phối sẽ phát triển trong tương lai, trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối này, đồng thời sản xuất dòng phẩm riêng nhằm phù hợp hơn với nhu cầu mua sắm của người dân.

Kênh phân phối truyền thống, Everpia thiết lập hệ thống gồm 627 đại lý phân phối độc quyền trên toàn quốc. Trong hai năm vừa qua, Công ty đã đầu tư khoảng 20 tỷ đồng để đồng bộ nội thất, biển bảng và mở rộng quy mô diện tích các cửa hàng.

Bên cạnh khách hàng cá nhân, Everpia Việt Nam cũng đang gây dựng cho mình hệ thống mạng lưới kinh doanh thông qua các khách hàng doanh nghiệp, các khách sạn và khu nghỉ dưỡng. Với kênh phân phối này, các dòng sản phẩm của Công ty được thiết kế riêng theo yêu cầu của từng đơn hàng cụ thể.

TẠI THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

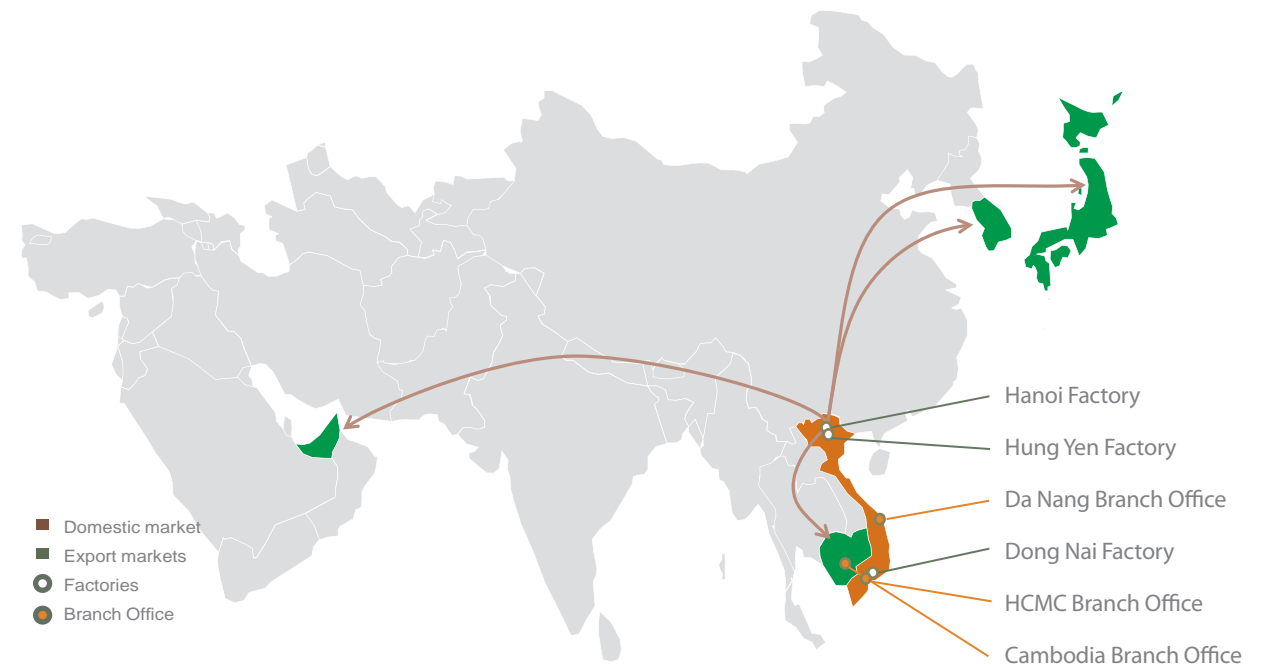
Doanh thu xuất khẩu của Công ty không ngừng tăng trong các năm qua. Đây là thị trường mang lại nguồn thu ổn định cũng như đầu vào ngoại tệ cho nguyên vật liệu nhập khẩu.

Đối với sản phẩm bông tắm: 65% doanh thu đến từ các đơn hàng nước ngoài. EVE ước tính mức tăng trưởng của thị trường này khoảng 8-10%/năm.

Đối với sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm: Công ty hiện tại xuất khẩu tới các thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Dubai theo hướng sản xuất theo đơn đặt hàng OEM. Các thị trường xuất khẩu mục tiêu của Công ty gồm: Mỹ, Đông Nam Á và Châu Âu theo hai hướng: OEM và xuất khẩu nhân hiệu.

BUSINESS LOCATION AND DISTRIBUTION SYSTEM

The Company's distribution system has both deepened and constantly expansion to meet the Company's long-term growth targets.



DOMESTIC MARKET

Modern distribution channel: Everpia Vietnam distributes directly to supermarkets and department stores in Hanoi, Ho Chi Minh City, and Da Nang. Identifying this is potential distribution channel, the Company plans to expand it while producing distinct product lines to satisfy more of people's shopping needs.

Traditional distribution channels: Everpia has successfully set up 627 exclusive distribution agents nationally. 20 billion VND has invested in upgrading their system to synchronize interior, signboards as well as expand store size.

Besides individual customers, Everpia Vietnam is also building up and developing the business network via enterprises, hotels, and resorts. The products are designed according to the requirements of each specific order to suit the needs of this new channel.

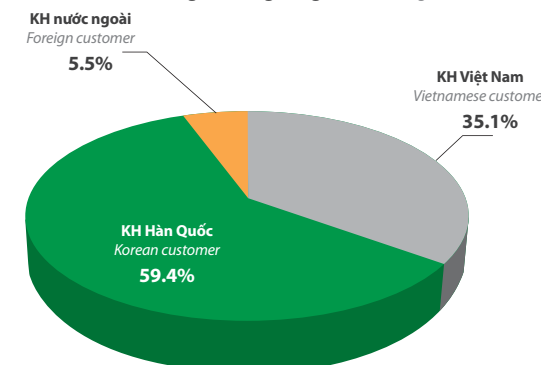
EXPORT MARKET

Revenue from export activities are constantly increasing in recent years. This is considered as a market which brings stable revenue as well as supports the demand for foreign currency to imports raw materials of Everpia Vietnam

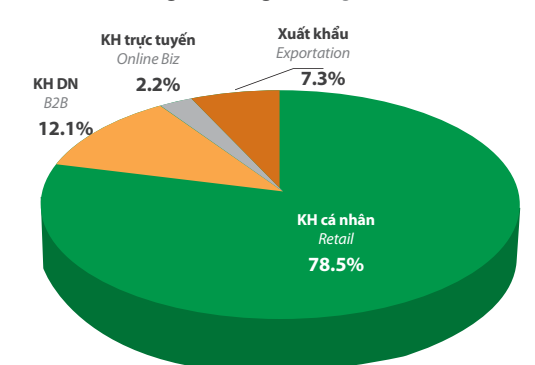
For padding products: 65% of Padding revenue comes from foreign orders. The growth rate of this market is estimated about 8-10% a year.

For Bedding business, currently there are three main export market consisting of Korean, Japan, and Dubai market under OEM orders. The Company takes aim at a number of target markets, including America, Southeast Asia, and Europe, in two directions: OEM and exporting brand.

Cơ cấu doanh thu ngành hàng Bông tắm/ Bedding sales structure



Cơ cấu doanh thu ngành Chăn ga/ Bedding sales structure



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHẦN SHAREHOLDERS STRUCTURE

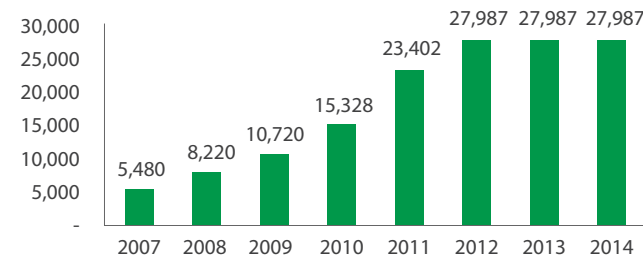
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG / SHAREHOLDERS STRUCTURE

Cổ phần / Shares

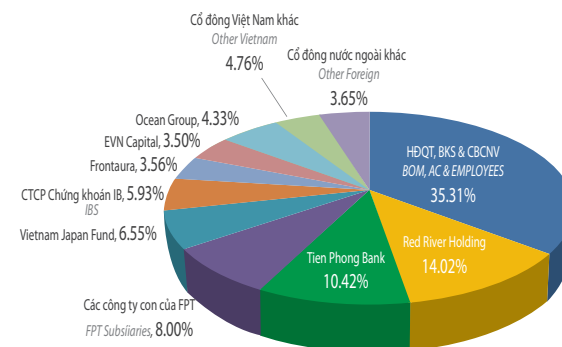
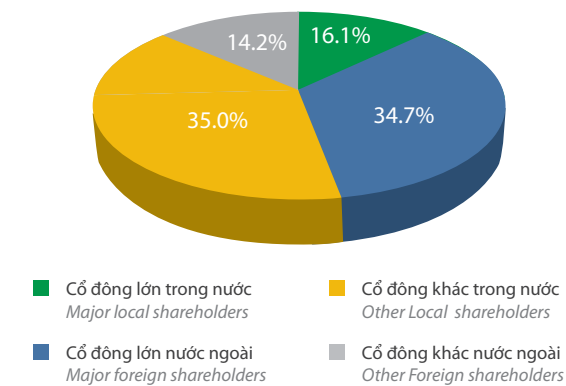
Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty là 27.986.518 cổ phần. Tất cả các cổ phần này đều là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

The number of EVE's outstanding shares is at 27,986,518 shares. All of these shares are unrestricted ordinary shares.

Số lượng cổ phiếu / No. of shares



Tỷ lệ sở hữu / Rate of ownership



Cơ cấu cổ đông là cổ đông lớn và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

Major Shareholders and Professional Securities Investors

STT No.	Đối tượng Type	Số lượng cổ phiếu No. of share	Tỷ lệ sở hữu (%) Rate of ownership	Số lượng cổ đông No. of shareholders							
				Tổ chức Institution	Cá nhân Individual	Cơ cấu cổ đông / Shareholder structure					
2	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN Non-professional major shareholder	4,471,200	15.98%	1	0	1					
							- Trong nước / Local	0	0	0	
							- Nước ngoài / Foreign	4,471,200	1	0	1
3	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên Professional major shareholder	9,736,003	34.79%	4	4	0					
							- Trong nước / Local	4,492,603	2	2	0
							- Nước ngoài / Foreign	5,243,400	2	2	0
4	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% vốn CP Other professional shareholders	6,523,262	23.31%	24	26	0					
							- Trong nước / Local	4,360,030	15	17	0
							- Nước ngoài / Foreign	2,163,232	9	9	0
TỔNG CỘNG / TOTAL		20,730,465	74.07%	29	28	1					

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHẦN SHAREHOLDERS STRUCTURE

Loại hình sở hữu / Type of ownership

Đối tượng Type	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng No. of restricted shares	Số lượng CP chuyển nhượng tự do No. of unrestricted shares	Tổng cộng Total	Tỷ lệ sở hữu Rate (%)
I. Cổ đông đặc biệt Special shareholders	0	8,550,360	8,550,360	30.55%
1. Hội đồng quản trị Board of Management	0	8,211,570	8,211,570	29.34%
2. Ban Giám đốc Board of Director	0	4,768,170	4,768,170	17.04%
3. Ban Kiểm soát Audit Committee	0	12,420	12,420	0.04%
4. Giám đốc Tài chính CFO	0	3,730	3,730	0.01%
5. Kế toán trưởng Chief Accountant	0	2,400	2,400	0.01%
6. Người được ủy quyền CBTT Authorized for disclosure of information	0	320,240	320,240	1.14%
II. Cổ phiếu quỹ Treasury shares	0	479,300	479,300	1.71%
III. Công đoàn công ty Union	0	0	0	0.00%
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi Shareholders owning preferred shares	0	0	0	0.00%
V. Cổ đông khác Other shareholders	0	0	0	0.00%
1. Trong nước Local	0	13,463,879	13,463,879	48.11%
1.1 Cá nhân Individual	0	4,611,246	4,611,246	16.48%
1.2 Tổ chức Institution	0	8,852,633	8,852,633	31.63%
Trong đó nhà nước State	0	0	0	0.00%
2. Nước ngoài Foreign	0	5,492,979	5,492,979	19.63%
2.1 Cá nhân Individual	0	1,529,747	1,529,747	5.47%
2.2 Tổ chức Institution	0	3,963,232	3,963,232	14.16%
TỔNG CỘNG TOTAL	0	27,986,518	27,986,518	100.00%

Ghi chú: Toàn bộ Ban Giám đốc đều thuộc Hội đồng Quản trị
Note: All BOD members are also BOM members

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TRANSACTIONS OF INTERNAL SHAREHOLDERS AND RELATED PEOPLE

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Shareholder	Quan hệ với Công ty Position	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Year beginning		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Year ending		Ghi chú Remark
			Số cổ phiếu No. of stock	%	Số cổ phiếu No. of stock	%	
1	Nguyễn Thị Ngọc Phương	Người liên quan Related person	32,850	0.12%	-	0.00%	Bán Sell
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB - IBSC	Người liên quan Related person	-	0.00%	1,632,198	5.83%	Mua Buy



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
DEVELOPMENT ORIENTATION

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kết thúc năm đầu tiên của chặng hành trình mới, tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế toàn công ty lần lượt đạt 785.9 tỷ đồng và 84.5 tỷ đồng. Mặc dù chưa hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận do cổ đông giao phó nhưng chúng ta đã chứng minh được nội lực phát triển mạnh mẽ thông qua việc duy trì tăng trưởng và mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực mới với nhiều thành tựu ấn tượng.

Chúng ta vẫn giữ vững được thị phần và ổn định doanh thu nhưng tôi biết, chúng ta có thể làm tốt hơn. Chúng ta cần phải tiếp tục dẫn đầu đổi mới, tăng năng suất, củng cố thương hiệu, đổi mới sản phẩm, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu. Các hoạt động này không chỉ góp phần làm tăng doanh số công ty mà còn tạo ra các giá trị bền vững. Tôi đang nghĩ tới hành động cụ thể cho từng mục tiêu:

Công ty của những nhãn hiệu hàng đầu

Với hai ngành nghề kinh doanh cơ bản: Bông tằm và Chăn – ga – gối – đệm chúng ta đã có được cho mình những thương hiệu ở mọi phân khúc thị trường. Mục tiêu của chúng ta là củng cố và xây dựng những thương hiệu này thành các thương hiệu được người tiêu dùng ưa thích cùng các sản phẩm tạo ra giá trị cho khách hàng, được khách hàng tin dùng và trung thành lâu dài. Đối với mỗi thương hiệu, chúng ta cần gây dựng chiến lược cụ thể để tạo ra các giá trị cốt lõi, nhanh chóng tiếp cận thị trường mục tiêu, cung cấp cho khách hàng dịch vụ và trải nghiệm mua sắm hoàn hảo.

Năm 2014, chúng ta đã giới thiệu ra thị trường sản phẩm đồ nội thất bằng gỗ tự nhiên mang thương hiệu Everon Furniture. Năm 2015, dòng sản phẩm đệm lò xo cao cấp mang thương hiệu Style Master cùng các sản phẩm ruột mang thương hiệu Invista sẽ lần lượt được ra mắt. Chính sách giao hàng và lắp đặt tận nơi, dịch vụ bán hàng và hậu mãi chuyên nghiệp là điểm mạnh mà công ty đã, đang và sẽ duy trì.

Mở rộng và phát triển mạng lưới phân phối

Đối với ngành hàng Chăn ga, bên cạnh việc duy trì ổn định số lượng đại lý, chúng ta sẽ tập trung phát triển theo chiều sâu với các gian hàng được thiết kế và lắp đặt nội thất đặc trưng đem lại trải nghiệm mua sắm thú vị và hấp dẫn cho người tiêu dùng. Việc đổi mới này nằm trong mục tiêu gây dựng hệ thống phân phối vững chắc không chỉ ngành hàng chủ lực mà còn làm nền tảng để mở rộng các ngành hàng mới.

Trong năm nay, hoạt động kinh doanh các đơn hàng đặc biệt (B2B) và hoạt động xuất nhập khẩu sẽ được ưu tiên đẩy mạnh. Sau một thời gian triển khai các hoạt động kinh doanh này, chúng ta đã từng bước đạt được tăng trưởng doanh số nhưng so với quy mô thị trường thì sự tăng trưởng này là chưa tương xứng. Tôi tin rằng, cùng kinh nghiệm đã được tích lũy, thực hiện triển khai hoạt động kinh doanh tích cực trên cơ sở thương hiệu đã có, bổ sung nhân lực tại các địa bàn quan trọng, chúng ta có thể đạt được mức tăng trưởng lớn về doanh thu.

Bắt đầu từ năm 2014, để mở rộng thị trường kinh doanh Chăn – ga – gối – đệm và vận hành các dây chuyền sản xuất liên tục, hạn chế rủi ro mùa trái vụ, chúng ta đã tăng cường công tác xuất khẩu và có được các đối tác nước ngoài tương đối ổn định. Trong năm 2015 này, bên cạnh sản xuất các mẫu sản phẩm theo đơn đặt hàng, xuất khẩu các mặt hàng do chính công ty thiết kế tại các thị trường Châu Á, Đông Âu và Mỹ là mục tiêu của chúng ta.

Đối với ngành hàng Bông tằm, ngoài mục tiêu duy trì cơ cấu khách hàng ổn định, với chiến lược tiếp thị thông minh nắm bắt nhu cầu khách hàng một cách tốt nhất chúng ta sẽ có thể tăng tỷ trọng trong đơn hàng từ các khách hàng truyền thống và nhận đơn hàng từ các khách hàng của đối thủ cạnh tranh

Nâng cao năng suất

Trong những năm qua, chi phí tiền lương và các chi phí khác đã ảnh hưởng đáng kể tới lợi nhuận của công ty. Để duy trì lợi nhuận chúng ta cần giảm giá thành sản xuất thông qua việc nâng cao năng suất lao động. Nếu năng suất lao động tăng 10% thì lợi nhuận sau thuế có thể tăng trên 20%. Do đó, đây là hướng đi quan trọng đối với tăng trưởng bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đổi mới quy trình tuyển dụng, chúng ta sẽ tổ chức các chương trình đào tạo nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng và hiệu quả lao động cho cán bộ công nhân viên toàn công ty. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cấp và mua mới các thiết bị sản xuất hiện tại cũng sẽ được thực hiện song song.

Tôi tin rằng, bằng việc cơ cấu hợp lý dây chuyền sản xuất mang tính chuyên nghiệp, thực hiện linh hoạt, đồng bộ các mục tiêu đã nêu chúng ta chắc chắn sẽ đạt được mức tăng trưởng lớn về doanh thu và tạo nên các giá trị bền vững.

Tôi tin rằng với sự đồng hành của Quý cổ đông, khách hàng và đối tác, Everpia Việt Nam sẽ tiếp tục đạt được những thành tựu to lớn và ngày càng khẳng định vị thế của mình.

Xin gửi lời tri ân tới niềm tin của Quý cổ đông đã đặt vào EVE. Chúng tôi đã, đang và sẽ luôn cần sự ủng hộ của Quý vị trên chặng đường phát triển mới nhằm tiếp tục mang lại những giá trị tốt đẹp cho xã hội và cộng đồng.

Tháng 4 năm 2015

Lee Jae Eun



Chủ tịch HĐQT

kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

CHAIRMAN'S MESSAGE

Ending first year of the new journey, the total Revenue and Profit-after-Tax reached 785.9 billion VND and 84.5 billion VND. Although sales and profit target could not be achieved as the expectations of shareholders, we have been seeing strong growth from internal resources of Everpia Vietnam through the continued growth and expansion business into new areas with impressive achievements.

We still maintain stable market share and revenue but I know we can do better. We need to continue to lead innovation, increase productivity, strengthen brand, and promote export activities. These activities not only contribute to the increase of the Company's Sales but also to create sustainable value. I am thinking about specific actions for each objective:

A focused company of leading brands

With two main business lines: Bedding and Padding, our brands have been present in all market segments. Our goal is to consolidate and build consumer-preferred brands that create brand loyalty and long-term value for customers. For each brand, we need to build specific strategies to create core values, rapidly approach the target market, and provide excellent shopping and customer service experience.

New product line of natural wood furniture, Everon Furniture brand, was launched in 2014. The product line of luxury spring Style Master brand and Invista insert products will be in turn launched in 2015. Delivery and installation service along with professional after-sales service are significant competitive advantages that being maintained.

Distribution network expansion and development

For Bedding business, besides maintaining a stable number of agents, we will focus on developing in-depth with booth design and interior installation bringing enjoyable shopping experiences to consumers. This innovation is in the goal to build strongly distribution system not only major industries but also being a foundation to expand new product lines. This innovation not only aims to build a solid distribution system in major business sector but also provide the foundation to expand new product lines.

Special business-to-business and import and export activities will be priority promoted. After a period of deployment of these business activities, it has gradually achieved sales growth but was still not commensurate with the market size. I believe that the implementation of the business based on existing brands in a positive way while using the experience has been accumulated and adding manpower for important areas, we can achieve impressive growth in revenue.

To expand the Bedding business and run bedding production line continuously and smoothly to compensate for idle in the off-season, we have increased exports in 2014 and initially approached by a number of comparative stable foreign partners. In 2015, in addition to producing special orders, we aim to export original existing products to markets in Asia, Eastern Europe, and the US.

For Padding business, in addition to maintaining stable customer structure, with a smart marketing strategy to capture consumer needs in the best way, we can increase traditional customer orders and receive new one from customers of our competitors.

Productivity Improvement

In recent years, salary cost and other expenses were significantly affected company profitability. To maintain company profit, we need to reduce production cost by improving labor productivity. The Profit-after-Tax may increase over 20% if labor productivity increase by 10%. Therefore, this is an important way for sustainable growth and improving competitiveness. Besides the innovative recruitment process, we plan organize training programs to improve skills and efficiency for all employees throughout the Company. Increasing investment in infrastructure, upgrade and buy new and existing production equipment will be done in parallel.

With the logical structure of production line and flexible implementation, we will surely achieve significant growth in revenue and sustainable value.

I believe that with the companionship of the shareholders, the partners and customers, Everpia Vietnam will continue to reach great achievements and enhance its position.

I would like to thank to all shareholders for your faith on EVE. We were, we are and we will be always looking forward to your support in this development path, and will then return good values to both social and community.

April, 2015

Lee Jae Eun



Chairman of BOM – General Director of Everpia Vietnam JSC

PHÂN TÍCH S.W.O.T

S.W.O.T ANALYSIS

ĐIỂM MẠNH

- Công ty có tầm nhìn, chiến lược phát triển dài hạn và rõ ràng.
- Công ty hiện đang nắm thị phần dẫn đầu thị trường Chăn – ga – gối – đệm và bông tấm. Sản phẩm của Công ty vẫn đang tiếp tục chiếm được lòng tin của khách hàng.
- Hệ thống phân phối độc quyền phủ khắp Việt Nam.
- Năng lực sản xuất lớn có thể đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của khách hàng và chiến lược phát triển dài hạn.
- Sở hữu mạng lưới nhà cung cấp nguyên vật liệu lớn, ổn định với giá cả cạnh tranh, luôn có thể đáp ứng kịp thời phục vụ nhu cầu sản xuất.
- Nguồn lực tài chính mạnh giúp Công ty chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mở rộng phục vụ cho chiến lược phát triển của Công ty.
- Ứng dụng công nghệ vào quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh (sử dụng ERP, POS và GPS giúp Công ty có thể quản lý hiệu quả từ khâu sản xuất cho đến lưu thông, phân phối).

STRENGTHS

- Having clear vision and long-term strategy development.
- Holding leading market share in both bedding and padding market. The Company's products continue to gain customer trust.
- National distribution system.
- High production capacity to meet all customer needs and long-term strategy development.
- Owning a huge network of material suppliers offering a good quality products at very keen prices that always meet production needs.
- Strong financial resources to run the production and business activities effectively while expand investment under the strategy development of the Company.
- Application of technology into production and business activities (using ERP, POS, and GPS can help the Company manage production and distribution effectively).

CƠ HỘI

- Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với thế giới (dự kiến trong năm 2015, Việt Nam sẽ tham gia ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU, Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương – TPP...). Đây là cơ hội lớn đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam nói chung và với Everpia Việt Nam nói riêng trong việc mở rộng thị trường và phạm vi hoạt động.
- Kinh tế Việt Nam đang dần hồi phục, sức mua của người dân đang dần tăng trở lại. Thị trường bất động sản phân khúc nhà ở dân cư đang ấm dần lên, đây là cơ hội lớn cho sự phát triển của hoạt động kinh doanh các sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm.
- Việt Nam đang đẩy mạnh các hoạt động đầu tư cho du lịch. Bên cạnh các hoạt động quảng bá, khách sạn, khu nghỉ dưỡng đang được đầu tư xây dựng ngày càng nhiều đi cùng với đó là nhu cầu về các sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm và trang trí cho khách sạn cũng tăng lên nhanh chóng.

OPPORTUNITIES

- Vietnam is toward deeper integration with the world economy (in 2015, Vietnam will participate to sign a free trade agreement Viet Nam - EU, Trans-Pacific Partnership – TPP, etc.). This is a great opportunity for the business community in Vietnam in general and Everpia Vietnam in particular in expanding markets and the scope of abroad activities.
- Vietnam's economy is recovering driving the increase of consumer purchasing power. Real estate market in the residential segment is warming bring a great opportunity for the development of bedding line.
- The investment activities in Vietnam's tourism are being promoted. Besides, the promotional activities, hotels, resorts are developed more which leads to the rapid increasing demand for bedding products and interior decoration.



ĐIỂM YẾU

- Các sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm của công ty hướng đến các đối tượng khách hàng có thu nhập trung bình khá trở lên, vậy nên trong giai đoạn kinh tế khó khăn, công ty bị hạn chế trong cạnh tranh về giá với các đối thủ trên thị trường
- Nguyên vật liệu chính phục vụ cho sản xuất chủ yếu nhập từ nước ngoài (Hàn Quốc, Trung Quốc, Indonesia...) nên Công ty phải chịu rủi ro về biến động tỷ giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Do khá chú trọng vào hoạt động kinh doanh bán lẻ các sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm nên Everpia Việt Nam chưa thực sự mạnh trong mảng hoạt động kinh doanh B2B – cung cấp sản phẩm cho các khách hàng là các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ khách sạn, công ty tiêu dùng.

WEAKNESSES

- Bedding products targeting middle-end customers, thus the Company has less competitive on price in difficult economic period.
- The Company faces the risk of fluctuations in exchange rates mainly due to importing raw materials from abroad (Korea, China, Indonesia, etc.)
- As focusing resources on retailing bedding products, Everpia Vietnam has not developed B2B channel well.


THÁCH THỨC


- Hơn 50% doanh thu của Công ty đến từ hoạt động kinh doanh bán lẻ các sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm. Tuy nhiên đây lại không phải là các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu, vì vậy khi nền kinh tế gặp khó khăn, người dân thắt chặt chi tiêu thì doanh thu của Công ty sẽ bị ảnh hưởng. Nền kinh tế Việt Nam mặc dù đã phần nào ổn định, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn và thách thức trong các năm tới. Đây là thách thức buộc Công ty phải tìm kiếm giải pháp thúc đẩy các hoạt động khác như B2B, xuất khẩu nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trước các biến động kinh tế.
- Đối với hoạt động kinh doanh B2B – hướng tới các khách hàng doanh nghiệp, Everpia Việt Nam mới chỉ gia nhập thị trường nên chưa có nhiều kinh nghiệm.
- Mức độ cạnh tranh trên thị trường Việt Nam ngày càng khốc liệt. Bên cạnh các đối thủ trong nước ngày càng lớn mạnh cũng xuất hiện ngày càng nhiều các đối thủ cạnh tranh đến từ nước ngoài khi các hàng rào thuế quan và các quy định bảo hộ doanh nghiệp trong nước được nới lỏng và xóa bỏ.
- Áp lực là doanh nghiệp dẫn đầu, kỳ vọng của các nhà đầu tư về tốc độ tăng trưởng, tỷ lệ chi trả cổ tức ... đã và đang tạo áp lực không nhỏ lên HĐQT và Ban điều hành.


THREATS


- Over 50% of the Company's revenue comes from bedding retail operation. However, this is not essential consumer products so when the economy is struggling, people tighten their belts the Company's revenue will be affected. Although somewhat stable but the Vietnam economy still has many difficulties and challenges in the coming years. These challenges are forcing Everpia Vietnam to look for solutions to promote other activities such as B2B and export to stabilize production and business operation before the economic upheaval.
- For B2B business, Everpia Vietnam has newly entering the market so has less experience.
- The fierce competition in the market is increasing in Vietnam. Besides the growth of domestic rivals, oversea market appears more competitive because the tariffs and regulations for protection of domestic firms are loosened and removed.
- Being pressure to hold leading position; expectations of investors on growth, dividend payout ratio, etc. have created considerable pressure on the BOM and BOD.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- 

Nâng cao giá trị thương hiệu thông qua việc gia tăng thị phần nội địa, mở rộng xuất khẩu, khai thác hiệu quả hệ thống phân phối
- 

Tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi, nâng cao và tối ưu hóa năng lực sản xuất
- 

Quản trị doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả, lành mạnh và chuyên nghiệp với mục tiêu phát triển bền vững
- 

Thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội, môi trường và người lao động



MEDIUM AND LONG TERM DEVELOPMENT STRATEGIES

- Enhance brand value through increasing domestic market share, expanding exports, exploitation of the distribution system efficiently


- Focus on developing core business, improving and optimizing production capacity


- Corporate governance transparent, efficient, healthy and professional with sustainable development goals


- Have responsibilities to social, environment and employees





MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

COMPANY STRUCTURE
AND MANAGEMENT APPARATUS

DANH SÁCH NHÀ MÁY, CHI NHÁNH VÀ CÔNG TY CON

MANUFACTURING SITES, TRADING BRANCHES AND SUBSIDIARIES

DANH SÁCH NHÀ MÁY / MANUFACTURING SITES

03 nhà máy sản xuất tại Hà Nội, Hưng Yên và Đồng Nai với tổng công suất 7 triệu sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm và 30 triệu yard Bông tằm mỗi năm đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước cũng như mở rộng xuất khẩu. Hoạt động của nhà máy tại Hà Nội chủ yếu là sản xuất bông tằm và bông chần, còn nhà máy tại Hưng Yên sản xuất các sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm.

Everpia Vietnam has three manufacturing plants (one in Hanoi, Hung Yen, and the other in Dong Nai) which distribute products across the country. The manufacturing operations in Ha Noi consist of padding and quilting, and the factory in Hung Yen deals with all kind of bedding items.

Nhà máy Manufacturing sites	Số lượng trang thiết bị máy móc Equipment	Số lượng CBCNV Number of Employees
<p>Nhà máy Hà Nội Ha Noi Factory Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội Duong Xa, Gia Lam, Ha Noi Diện tích: 15,000 m² Factory size: 15,000sqm Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh Bông tằm Main activities: Padding business Công suất hoạt động: 15 triệu yards Bông tằm Production capacity: 15 million yards of padding Tel: (84-4) 3827 6490 Tel: (84-4) 3827 6490 Fax: (84-4) 3827 6492 Fax: (84-4) 3827 6492</p>	<p>03 dây chuyền sản xuất bông tằm. 03 Padding Production lines. 01 dây chuyền sản xuất bông thổi 01 Cotton Blow Production lines. 05 máy đánh suốt. 05 Shuttle machines. 19 máy chần 19 Quilting machines. 01 dây chuyền sản xuất đệm lò xo 01 Spring mattress production line 01 dây chuyền ép méch. 01 bonding lines</p>	<p>218 CBCNV 218 employees: - 14 lao động gián tiếp - 14 officers. - 204 lao động trực tiếp - 204 workers.</p>
<p>Nhà máy Hưng Yên Hung Yen Factory Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên Tan Quang - Van Lam - Hung Yen Diện tích: 17,670 m² Factory size: 17,670sqm Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh Chăn – ga – gối – đệm Main activities: Bedding business Công suất hoạt động: 5 triệu sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm Production capacity: 5 million bedding items Tel: (84-321) 3791 777 Tel: (84-321) 3791 777 Fax: (84-321) 3791 999 Fax: (84-321) 3791 999</p>	<p>01 dây chuyền sản xuất ruột chần 01 Quilt insert (No-resin) production line 01 dây chuyền sản xuất đệm bông ép 01 PE mattress production line 01 máy thổi ruột gối 01 Pillow blowing machine 02 máy suốt chỉ 02 Shuttle machines 04 máy chần chần 04 One-head quilting machines 12 máy thêu (1 máy thêu chạy mẫu) 12 embroidery machines (1 sample machine) 15 máy chần 15 Quilting machines 02 Máy can vải 02 Fabric Intervention Machine 13 Máy vắt sổ 13 Overlock Sewing Machine 02 Máy chém gối 02 Guillotine Pillow Machine 11 Máy bọc viền 11 Wrapped Edging Machine 196 máy may (194 máy một kim, 2 máy 2 kim) 196 Sewing machines</p>	<p>558 CBCNV 558 employees - 106 lao động gián tiếp - 106 officers. - 452 lao động trực tiếp - 452 workers</p>
<p>Nhà máy Đồng Nai Dong Nai Factory Lô 4, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai Lot 4, Bien Hoa 1 Industrial park, Bien Hoa, Dong Nai Diện tích: 37,762 m² Factory size: 37,762sqm Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh Bông tằm, Chăn – ga – gối – đệm Main activities: Padding & Bedding business Công suất sản xuất: 15 triệu yard bông tằm & 2 triệu sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm Production capacity: 15 million yards padding & 2 million bedding items Tel: (84-61) 8869 161 Tel: (84-61) 8869 161 Fax: (84-61) 8869 151 Fax: (84-61) 8869 151</p>	<p>- 01 dây chuyền sản xuất đệm 01 PE mattress production lines 01 dây chuyền sản xuất đệm 01 PE mattress production lines 01 dây chuyền sản xuất ruột chần 01 Quilt insert (No-resin) production line 01 dây chuyền sản xuất đệm lò xo 01 Spring mattress production line 02 dây chuyền sản xuất bông 02 Padding Production lines 06 máy thêu 06 embroidery machines 07 máy chần chần 07 One-head quilting machines 07 máy suốt chỉ 07 Shuttle machines 20 máy chần 20 Quilting machines 160 máy may 160 Sewing machines</p>	<p>367 CBCNV 367 employees - 75 lao động gián tiếp - 75 officers. - 292 lao động trực tiếp - 292 workers.</p>

CHI NHÁNH GIAO DỊCH / TRADING BRANCHES

Chi nhánh giao dịch Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 27-31, đường 9A, khu dân cư Trung Sơn, quận Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
Diện tích: 107m²
Tel: (84-8) 6261 2078
Fax: (84-8) 6261 1541

Hochiminh trading branch

Address: No 27 - 31, 9A street, Trung Son, Binh Chanh district, Hochiminh City
Showroom size: 107sqm
Tel: (84-8) 6261 2078
Fax: (84-8) 6261 1541

Chi nhánh giao dịch Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 439 Hoàng Diệu, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Diện tích: 356m²
Tel: (84-51) 1381 5579
Fax: (84-51) 1381 5679

Danang trading branch

Address: No 439, Hoang Dieu street, Binh Thuan ward, Hai Chau district, Da Nang City
Showroom size: 356sqm
Tel: (84-51) 1381 5579
Fax: (84-51) 1381 5679

Chi nhánh giao dịch Hòa Bình

Địa chỉ: Xã Lâm Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Diện tích: 7,035m²

Hoabinh trading branch

Address: Lam Son commune, Luong Son district, Hoa Binh province
Land size: 7,035sqm

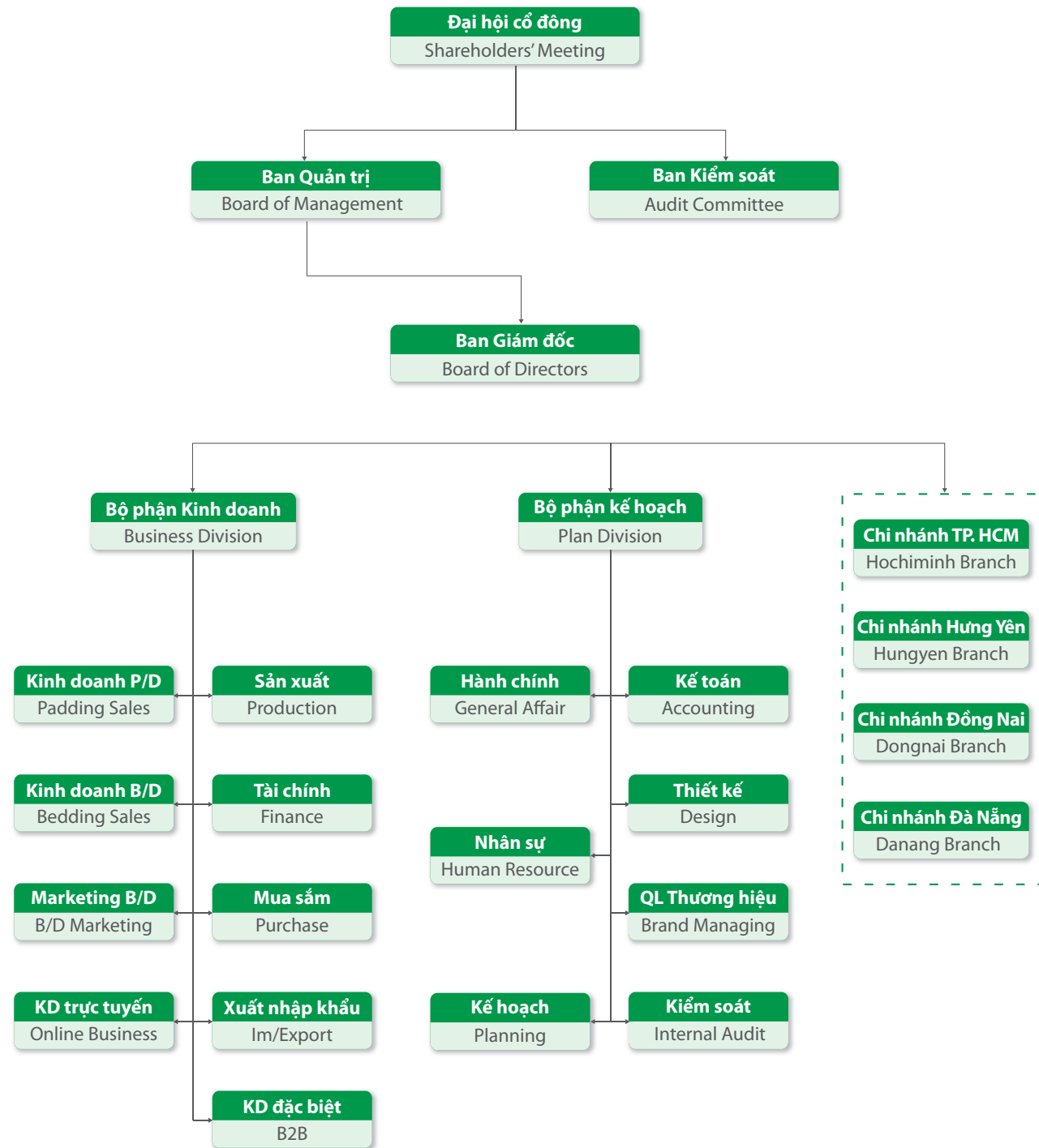
DANH SÁCH CÔNG TY CON / SUBSIDIARIES

STT No.	Tên công ty Subsidiary	Ngành nghề Business scope	Vốn điều lệ Charter Capital	Tỷ lệ sở hữu của Everpia Việt Nam Percentage of ownership	Địa chỉ Address
1	Công ty TNHH Everpia Cambodia Everpia Cambodia Company Limited	Thực hiện quyền phân phối và xuất nhập khẩu các sản phẩm vải không dệt, vải lọc, nỉ, chần, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi sách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định của pháp luật Campuchia Trading and Im-exporting non-woven fabric, filter cloth, felt, blanket, bed cover, pillow, mattress, sleeping bag, kit-bag, handbag, underwear and other garment products in accordance to Cambodia regulation.	10,000,000,000	100%	Monivong Blvd, St. 360, Phnom Penh, Cambodia

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG

ORGANIZATION CHART & SHAREHOLDERS STRUCTURE

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC / ORGANIZATION CHART



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG

ORGANIZATION CHART & SHAREHOLDERS STRUCTURE

CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÔNG TY / LABOR STRUCTURE

Tính đến cuối năm 2014, tổng số lao động tại Công ty là 1.189 người: 948 công nhân và 241 nhân viên văn phòng và nhân viên bán hàng tại các showroom.

As of December 31st, 2014, the Company had approximately 1,189 employees: 948 in production area and 241 in office and showroom operations.



Phân loại lao động Indicators	Số lượng (người) No. of people	Tỷ lệ Rate (%)
Theo trình độ học vấn Education background		
Đại học và trên đại học University and above	178	15.1%
Cao đẳng và Trung cấp College and Intermediate	79	6.7%
Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông Technician and unskilled laborer	932	78.2%
Theo đối tượng lao động Production related		
Trực tiếp Direct	948	79.7%
Gián tiếp Indirect	241	20.3%
Theo giới tính Gender		
Nam Male	497	41.8%
Nữ Female	692	58.2%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT

THE BOARD OF MANAGEMENT & THE AUDIT COMMITTEE

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / THE BOARD OF MANAGEMENT

Hội đồng quản trị (HĐQT) được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT của Công ty hiện gồm 7 thành viên với các quyền hạn và trách nhiệm cơ bản sau:

- ❖ Báo cáo cho ĐHĐCĐ các vấn đề về tình hình kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính, kiến nghị mức cổ tức được trả
- ❖ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty
- ❖ Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty
- ❖ Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác được quy định bởi Luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

The Board of Management (BOM) is appointed at the General Shareholders' Meeting (GSM) and entrusted with the full power to exercise all rights and relegated to the authority of the GSM. The BOM comprises seven members with the following rights and duties

- ❖ Report to the GSM on the Company's business performance, financial statement and propose the rate of dividend
- ❖ Establishing operational goals pursuant to the strategic goals approved by the GSM.
- ❖ Decide the Company's organisational structure and operational rules
- ❖ Other rights and duties in accordance with statutory Building strategies and medium-term development plan and the annual business plan of the Company

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị/ Members of BOM



1. ÔNG LEE JAE EUN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị / Tổng Giám đốc

Ông Lee Jae Eun là người sáng lập và trực tiếp điều hành Everpia Việt Nam. Ông đã đưa Everpia Việt Nam trở thành một trong 20 công ty Hàn Quốc có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tốt nhất tại Việt Nam, một trong 50 doanh nghiệp niêm yết kinh doanh hiệu quả nhất. Cá nhân ông đã được Hiệp hội Thương mại Công nghiệp Hàn Quốc - Korcharm trao giải Doanh nhân xuất sắc

Tốt nghiệp trường Đại học Sung Kyun Kwan với bằng Cử nhân Kinh tế. Trước khi sáng lập EVE, ông từng có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và Đầu tư tại Hàn Quốc.

Everpia Việt Nam tin tưởng sẽ tiếp tục tăng trưởng và phát triển bền vững dưới sự dẫn dắt, khả năng lãnh đạo và tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Lee Jae Eun.

Mr. LEE JAE EUN

Chairman of BOM/ General Director

Mr. Lee Jae Eun is the founder and executive director Everpia Vietnam. He has led Everpia Vietnam to become one of 20 South Korean companies having the best business results in Vietnam and Vietnam's 50 TOP performing listed companies. He won himself the Entrepreneur Excellence awarded by Korea Chamber of Commerce and Industry.

Graduated from Sung Kyun Kwan University with a Bachelor of Economics. Before founding EVE, he had 20 years of experience in the field of Finance and Investment in South Korea.

Everpia Vietnam believes its growth and development have benefited significantly from Mr. Lee's leadership and strategic vision.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT

BOARD OF MANAGEMENT & THE AUDIT COMMITTEE

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị/ Members of BOM



2. Ông Cho Yong Hwan – Thành viên Hội đồng Quản trị
Mr. Cho Yong Hwan – Member of BOM

3. Ông Nguyễn Văn Đào – Thành viên Hội đồng Quản trị
Mr. Nguyen Van Dao – Member of BOM

4. Ông Lee Je Won – Thành viên Hội đồng Quản trị
Mr. Lee Je Won – Member of BOM

5. Bà Lê Thị Thu Hiền – Thành viên Hội đồng Quản trị
Mrs. Le Thi Thu Hien – Member of BOM

6. Ông Ngô Phương Chí - Thành viên Hội đồng Quản trị
Mr. Ngo Phuong Chi – Member of BOM

7. Ông Jean Charles Belliol - Thành viên Hội đồng Quản trị
Mr. Jean Charles Belliol – Member of BOM

BAN KIỂM SOÁT / AUDIT COMMITTEE

Ban Kiểm soát được bầu bởi ĐHĐCĐ và hiện có 3 thành viên. Ban Kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

Giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp Luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Audit Committee is elected by the GSM and has 3 members. Key tasks of the AC include:

Supervise BOM and BOD management and administration practices.

Inspect the validity, legality, transparency, corporate governance and prudence of business operations, important business transactions, accounting and statistical practices, as well as financial reporting.

Evaluate the business report, Financial Statements, reporting on evaluations by the BOM

Other rights and obligations of the AC as described in law, the Group Charter and resolutions of the GSM.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát/ Member of Audit Committee



1. Ông Trương Tuấn Nghĩa – Trưởng Ban Kiểm soát
Mr. Truong Tuan Nghia – Management of Audit Committee.

2. Ông Hong Sun – Thành viên Ban Kiểm soát
Mr. Hong Sun – Member of AC

3. Ông Suh Seung Chul – Thành viên Ban Kiểm soát
Mr. Suh Seung Chul – Member of AC



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**
BUSINESS PERFORMANCE REPORT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2014, HĐQT đã tiến hành 7 phiên họp trong đó gồm có 4 phiên họp thường kỳ hàng quý và 3 phiên họp bất thường. Các thành viên HĐQT đều tích cực tham gia, đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua các quyết định.

Ngoài các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, các cuộc họp trong năm 2014 chủ yếu xoay quanh các vấn đề liên quan đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh do ĐHCĐ đề ra. Bám sát các diễn biến của kết quả kinh doanh trong từng quý để có những quyết sách, chỉ đạo kịp thời phù hợp với các biến động của thị trường. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua dựa trên sự nhất trí cao của các thành viên nhằm bảo đảm lợi ích cao nhất của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Giám sát và đánh giá hoạt động của ban điều hành

Phương pháp giám sát

- Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, HĐQT đã trao đổi và chất vấn Ban điều hành về các hoạt động sản xuất kinh doanh. Nghe báo cáo của đại diện Ban điều hành về các khó khăn vướng mắc, cùng thảo luận bàn bạc và đưa ra các giải pháp tháo gỡ.

- Kết hợp với Ban kiểm soát để nắm bắt tình hình hoạt động thực tế của doanh nghiệp.

- Đưa ra các nghị quyết sau các buổi họp HĐQT để cho Ban điều hành có cơ sở triển khai thực hiện.

- Cử đại diện thay mặt HĐQT (chủ tịch HĐQT) tham dự các cuộc họp với Ban điều hành để nắm bắt và kịp thời chỉ đạo, đôn đốc các hoạt động của Ban điều hành cũng như của Công ty.



Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết của HĐQT:

- Thông qua thời gian địa điểm và nội dung chương trình ĐHCĐ thường niên 2014.

- Thông qua các nội dung chính sẽ trình trong ĐHCĐ thường niên 2014: Kết quả kinh doanh năm 2013; Tỷ lệ cổ tức năm 2013; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2013; Lựa chọn công ty kiểm toán năm tài chính 2014; Thù lao HĐQT và BKS; Kế hoạch kinh doanh năm 2014.

- Đóng cửa công ty con – Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam.

- Đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Kết quả giám sát

Công ty cổ phần Everpia Việt Nam đã kết thúc năm 2014 với kết quả như sau:

Kết quả kinh doanh:

- Doanh thu đạt 781 tỷ đồng đạt xấp xỉ 98% kế hoạch tăng 31 tỷ so với cùng kỳ năm 2013.

- Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 84 tỷ đồng đạt 94% kế hoạch giảm gần 500 triệu so với cùng kỳ năm 2013.

- Thu nhập trên cổ phiếu đạt 3,072 VND/cổ phiếu giảm 0.9% so với năm 2013.

Đầu tư tài sản:

Bên cạnh công tác duy tu bảo dưỡng các nhà xưởng máy móc thiết bị hiện có, Công ty đã đầu tư lắp đặt mới một số thiết bị máy móc để tăng cường năng lực sản xuất. Cụ thể như sau:

- Một dây chuyền sản xuất bông tấm gần 8 tỷ VNĐ.

- Hai máy chần bông trị giá gần 3 tỷ VNĐ.

- Một máy cung cấp bông trị giá hơn 2 tỷ VNĐ.

- Ngoài ra, Công ty còn đầu tư thêm phương tiện và các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng đầu tư trong năm 2014 của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam là 15.3 tỷ VNĐ.

Đánh giá về Ban điều hành

Trong năm 2014, Ban điều hành đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng tinh thần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Nhận định đúng diễn biến thị trường cũng như thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, Ban điều hành đã có những điều chỉnh linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung. Mặc dù các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đã không đạt được kế hoạch đề ra, nhưng dưới sự chỉ đạo của Ban điều hành Công ty vẫn duy trì được tăng trưởng về mặt doanh thu và Công ty vẫn tiếp tục dẫn đầu thị trường ở các mảng hoạt động kinh doanh chính (Chăn – ga – gối – đệm và Bông tấm).

BOARD OF MANAGEMENT REPORT

BOARD OF MANAGEMENT ACTIVITIES

Board of Management (BOM) conducted seven meetings in 2014, including four regular and three extraordinary sessions. Every BOM member was actively involved, commented, and voted to adopt the decisions.

Besides the usual issues under the decision of the BOM, the content of those meetings is mainly discuss around issues related to the implementation of business plan proposed by the Annual General Shareholders' Meeting. It aims to have comprehensive insights into the quarterly business results to make suitable decisions dealing with the fluctuations in market. Resolution and decisions of the BOM are based on the consensus of all members to act in the best interest of shareholder and sustainable development of the Company.

Monitoring and Evaluation of BOD's Activities

Monitoring Method

- In the regular and extraordinary BOM sessions, the BOM discussed and questioned the BOD about business and manufacturing operation; listen to BOD's representative reporting on difficulties and challenges in order to provide solution to solve those problems.

- To cooperate with the Audit Committee to grasp the current business situation of the Company.

- To propose resolutions after BOM's meetings for the implementation of BOD.

- To appoint representatives on behalf of the Chairman of the BOM to attend meetings with the BOD. It aims to capture and timely direct the operation of the BOD as well as the Company on a whole.



The contents have been adopted in the Resolution of the BOM:

- Time, venue, and contents of the Annual General Shareholders' Meeting

- Main contents to be presented in the Annual General Shareholders' Meeting in 2014: Business results in 2013; Dividend in 2013; Profit Distribution 2013, Selection of a financial audit company in 2014; Remuneration for the BOM and the Audit Committee; Business Plan 2014.

- The closure of Mattpia Vietnam Joint Stock Company.

- Registration of additional business.

Monitoring Results

Summary of Everpia Vietnam JSC operations in 2014 as follows:

Business Results

- Sales reached 781 billion VND, an increase of 31 billion VND yoy and achieved 98% of the plan.

- Profit After Tax reached 84 billion VND, a decrease of 500 million yoy and fulfilled 94% of the plan.

- Earnings Per Share is 3,072 VND, a decrease of 0.9% in comparison with the last year.

Investment in Assets

Besides the maintenance of the existing buildings, facilities, and machinery, the Company has invested in some new equipment to increase production capacity. Specifically as follows:

- 1 padding production line: about 8 billion VND.

- 2 quilting machines: about 3 billion VND.

- 1 padding supplying machine: about 2 billion VND.

- Besides Everpia has also invested into many other facilities and equipments to support its manufacturing activities.

The total investment of Everpia Vietnam JSC was 15.3 billion VND in 2014.

Evaluation on BOD

In 2014, the BOD has developed production and business activities in line with the resolutions of the Annual General Shareholders' Meeting, the BOM, and in compliance with the provisions of law and the Charter of the Company. By effectively identifying the market changes as well as advantages and disadvantages of business, the BOD have had the flexible alternatives in the business and manufacturing activities and perform well their role of risk control. Although EVE could not achieve sales and profit target, the Company still keep its growth in revenue and maintain the leading position in the Bedding and Padding market.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2015

Triển vọng tăng trưởng kinh tế 2015

Năm 2015, theo dự báo của một số tổ chức quốc tế tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ đạt từ 5.8-6.2%, CPI cả năm sẽ đạt dưới 7%. Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng năm 2015 ở mức 13-15% và niềm tin của người tiêu dùng (theo khảo sát của Nielsen) đã lên đến mức cao nhất trong vòng 3 năm qua cho thấy nền kinh tế được kỳ vọng sẽ khởi sắc trong năm 2015.



Triển vọng đối với hoạt động của Everpia Việt Nam

Dự báo năm 2015, các ngành kinh tế xuất khẩu sẽ có những bứt phá quan trọng do việc đang và sẽ tham gia các Hiệp định thương mại tự do mang lại tiêu biểu là Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), FTA với EU, Hàn Quốc, Liên minh Hải quan Nga – Belarus – Kazakhstan. Nhiều đối tác đã quyết định chuyển đơn hàng từ những quốc gia không tham gia hiệp định sang Việt Nam. Đây là cơ hội lớn cho Everpia Việt Nam trong việc mở rộng thị trường, tìm kiếm thêm các khách hàng xuất khẩu cho cả mặt hàng chăn ga và bông tấm. Thêm vào đó, để đón đầu cơ hội TPP, hàng loạt doanh nghiệp đã sang Việt Nam đầu tư sản xuất nguyên liệu đầu vào. Như vậy, trong tương lai gần, Công ty hoàn toàn có thể chủ động được nguồn nguyên liệu ở trong nước, không phải chịu rủi ro về tỷ giá và tăng tỷ lệ nội địa hóa của sản phẩm.

Thị trường bất động sản sau thời kỳ trầm lắng đã có dấu hiệu ấm dần lên, số lượng giao dịch đã tăng dần theo từng tháng. Để có được điều đó, ngoài việc giá bất động sản đã giảm tiệm cận với giá trị thực, dư nợ tín dụng bất động sản đã bắt đầu tăng trưởng và các ngân hàng đã bắt đầu nới lỏng các chính sách cho vay đối với bất động sản tạo cho doanh nghiệp và người dân có nhu cầu cơ hội tiếp cận nguồn vốn. Giao dịch thực đối với bất động sản tăng cũng dẫn đến việc gia tăng nhu cầu mua sắm các sản phẩm Chăn ga gối đệm và trang trí nội thất.

Không chỉ có phân khúc nhà ở, phân khúc bất động sản nghỉ dưỡng cũng đang khởi sắc trở lại với hàng loạt các dự án đã và đang được triển khai. Bên cạnh việc Việt Nam đang dần trở thành một điểm đến hấp dẫn của du khách quốc tế, việc chính phủ đã thông qua Luật nhà ở và Luật kinh doanh bất động sản sửa đổi đã cho phép đối tượng người nước ngoài tham gia vào thị trường. Điều này đã mở ra cơ hội phát triển cho mảng kinh doanh B2B của Công ty trong việc cung cấp các mặt hàng Chăn ga gối đệm và nội thất trang trí cho các khách sạn, khu nghỉ dưỡng.

BOARD OF MANAGEMENT REPORT

COMPANY'S DEVELOPMENT ORIENTATION 2015

Economic Prospect for the year 2015

As forecasted by some international institutions, the economic growth of Vietnam will gain from 5.8% to 6.2% and CPI is predictable to reach 7% in 2015. The expected credit growth is at 13% to 15% and consumer confidence, according to the Nielsen survey, has risen to its highest level within this 3 years. All these reveal a thriving economy in 2015.



Outlook of Everpia Vietnam's Operation

2015 is projected to be the year that export activities will have an important breakthrough due to enjoy benefits from joining some free trade agreements, typically, they are Trans-Pacific Partnership (TPP), FTA with the EU, Korea, Customs Union of Belarus, Kazakhstan, and Russia. Many partners have decided to move orders from countries not participating in the agreements to Vietnam. This is a great opportunity for Everpia Vietnam in expanding the market and finding more customers for exporting both Bedding and Padding products. Additionally, catching the opportunities of TPP, a series of business has been entering Vietnam to invest in production inputs. In the near future, it is foreseeable that the Company can fully import raw materials in domestic and not subject to the exposure of exchange rate while increasing the localization of the products.

Signs of warming has emerged Vietnam's property market after the quiet period. Number of transactions is increasing every month. The cause of this phenomenon is because real estate price has fallen close proximity to the true value. Besides, banks have started easing lending policies for real estate, creating favorable conditions for businesses and individual to access to capital. The increase of real estate transactions leads to the increase in demand of purchasing bedding and furnishing products.

Not only housing but also resort properties segment are also thriving with a series of projects have been implemented. Vietnam is gradually becoming an attractive destination of international tourists, along with the new Housing Law and Real Estate Business Law for Vietnam allow foreigners to involve in the market. This has opened up opportunities for the development of B2B in the provision of bedding and interior decoration of hotels, resorts.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Định hướng năm 2015

Trong bối cảnh nền kinh tế và triển vọng các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Everpia Việt Nam như trên, Hội đồng Quản trị đề ra những định hướng chiến lược cho năm 2015 như sau:

Ngành hàng Chăn – ga – gối – đệm

- Đưa ra thị trường các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng (các mẫu mã chăn ga mới, sản phẩm ruột gối, chăn cao cấp mang nhãn hiệu Invista và đệm lò xo túi cao cấp).
- Giữ vững thị phần thông qua việc tăng cường các hoạt động quảng bá và đầu tư cho hệ thống phân phối (cải tạo nâng cấp các đại lý, kênh phân phối mới thông qua các siêu thị, trung tâm thương mại).
- Tăng cường đầu tư nâng cấp và bổ sung các máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất Chăn ga gối đệm để đưa ra thị trường các sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.
- Tận dụng những thuận lợi, cơ hội từ kinh tế vĩ mô để phát triển hoạt động kinh doanh xuất khẩu và B2B.
- Chủ động tìm kiếm nguồn cung cấp vải sản xuất trong nước đáp ứng được yêu cầu chất lượng và số lượng, để Công ty có thể chủ động được nguồn nguyên liệu, giảm rủi ro tỷ giá và được hưởng ưu đãi thuế xuất khẩu sản phẩm dệt may của Hiệp định TPP.

Ngành hàng Bông tằm

- Tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh các loại bông cao cấp có giấy phép độc quyền của Invista (Hoa Kỳ), Advansa (Đức) và thương hiệu bông mỏng chất lượng cao Dexfil của Everpia Việt Nam.
 - Cùng cố vị trí dẫn đầu, duy trì tốc độ tăng trưởng thông qua việc gia tăng tỷ trọng đơn hàng đối với các khách hàng sẵn có, tìm kiếm, thu hút khách hàng mới từ các đối thủ cạnh tranh và mở rộng thị trường.
 - Đầu tư nâng cấp, cải tạo các dây chuyền sản xuất bông nhằm nâng cao năng suất, giảm chi phí và đa dạng hóa sản phẩm nhằm gia tăng sức cạnh tranh.
 - Chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu xơ polyeste sản xuất trong nước để Công ty có thể chủ động được nguồn nguyên liệu, giảm rủi ro tỷ giá và được hưởng ưu đãi thuế khi Việt Nam tham gia ký kết TPP.
- Kinh doanh phân phối nội thất và các sản phẩm khác**
- Đưa các sản phẩm vào trưng bày tại hệ thống đại lý, showroom và gian hàng của Công ty.
 - Thúc đẩy phân phối các sản phẩm nội thất và các sản phẩm khác hướng tới đối tượng khách hàng doanh nghiệp.

Kế hoạch kinh doanh 2015

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô và định hướng hoạt động như trên, Hội đồng quản trị Everpia Việt Nam đã thông qua để xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 với mục tiêu Doanh thu tăng 21.6% (đạt 950 tỷ VNĐ), lợi nhuận trước thuế tăng 11.4% (121.8 tỷ VNĐ) và lợi nhuận sau thuế tăng 13.3% (95 tỷ VNĐ).



Kế hoạch đầu tư

Năm 2015, Công ty dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào các nền tảng nhằm phục vụ nhu cầu kinh doanh hiện tại và thúc đẩy tăng trưởng trong tương lai. Các hạng mục đầu tư dự kiến bao gồm:

Máy móc, thiết bị, nhà xưởng

- Đầu tư dây chuyền sản xuất đệm lò xo cao cấp và hệ thống nhà xưởng đi kèm.
- Đầu tư bổ sung các máy thêu, may công nghiệp cho các xưởng sản xuất chăn ga.
- Đầu tư cải tạo và nâng cấp dây chuyền sản xuất bông tằm.

Hệ thống phân phối

- Đầu tư bổ sung các phương tiện vận chuyển chuyên dụng.
- Tiếp tục đầu tư nâng cấp đại lý theo chiều sâu.
- Đầu tư các showroom, gian hàng phân phối ở các kênh bán lẻ hiện đại như trung tâm thương mại, siêu thị...

BOARD OF MANAGEMENT REPORT

Prospect for the year 2015

In the such context of the economy and prospects for the business sector of Everpia Vietnam, the BOM has set the strategic direction for 2015 as follows:

Bedding Business

- Launching new products to meet the customer needs (new bedding patterns, luxury pillow case, blankets under Invista brand, and pocket spring mattress).
- Maintaining market share through the strength of promotion and investment in the distribution system (upgrading of agents's store and new distribution channels via supermarkets and department stores).
- Increasing investment in upgrading and adding machines and equipment for bedding production to offer high-quality product in the market satisfying the needs of customers.
- Taking advantages and opportunities of macroeconomic condition to develop Export business and B2B.
- Actively seeking domestic fabric suppliers which have good quality and quantity, so that the Company can reduce exchange rate risk and enjoy tax incentives for export textile products of TPP.

Padding Business

- Continuing to maintain production and business activities of luxury padding products which have exclusive license of Invista (USA), Advansa (Germany), and high quality brand of thin padding Dexfil of Everpia Vietnam.
- To consolidate its leading position and sustain growth through an increase in the proportion of orders from existing customers, finding, and attraction new customers from competitors and market expansion.
- Investment to upgrade and renovate padding production lines to improve productivity, reduce costs, and diversify products in order to increase competitiveness.
- Actively seeking domestic fiber suppliers so that the Company can reduce exchange rate risk and enjoy tax incentives of TPP.

Furniture Distribution and Other Products

- Displaying products in agents' store system and showroom of the Company.
- Promoting distribution of furniture and other products aimed at business customers.

Business Plan in 2015

The BOM has approved the business plan in 2015 with the goal of increasing revenue 21.6% (VND 950 billion), profit before tax increased by 11.4% (VND 121.8 billion) and profit after tax increase 13.3% (VND 95 billion).



Investment Plan

In 2015, the Company plans to continue to enhance investment in the platform to serve the needs of current and future business growth. The investment portfolio includes:

Machinery, equipment, buildings

- Investing in luxury spring mattress production line and related factories.
- Additional investment of embroidery and sewing machines for bedding production.
- Investing in the renovation and upgrading padding production line.

Distribution System

- Investing more in dedicated transportation vehicles.
- In-depth upgrade agent system.
- Investing in showroom, modern distribution retail channel like department stores, supermarkets, etc.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (BKS) gồm 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Năm 2014, BKS tiếp tục thực hiện các công tác kiểm tra, giám sát và khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty như sau:

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Chương trình hoạt động của BKS trong năm 2014 cụ thể như sau:

- Kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quyết định của Hội đồng quản trị... đảm bảo công khai, minh bạch.
- Giám sát tình hình hoạt động và tài chính Công ty: BKS đã kiểm tra các báo cáo tài chính Quý, 6 tháng và cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính.
- Phối hợp với bộ phận Kiểm soát nội bộ trong việc thực thi nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty theo định kỳ. Kịp thời ngăn chặn, xử lý những sai sót có thể xảy ra và xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy chế phù hợp với thực tế.



BÁO CÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông 2013:

Trong năm 2014, Everpia Việt Nam đã thực hiện đầy đủ các kế hoạch đề ra và được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tháng 3/2014 và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 7/2014, gồm có:

- Về phân phối lợi nhuận năm 2013: Everpia đã thực hiện đầy đủ việc trích lập các quỹ gồm có Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ quản lý. Bên cạnh đó, công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức của năm 2013 vào ngày 10/09/2014 với tỷ lệ 11% mệnh giá, tương đương 1,100 VNĐ/cổ phiếu. Tổng số tiền trả cổ tức là 30,224,710,450 VNĐ.

- Kết quả kinh doanh 2014: do tình hình kinh tế Việt Nam vẫn

chưa thực sự phục hồi, sức mua giảm sút nên kết quả kinh doanh của Everpia cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Năm 2014, Everpia đã không đạt được kế hoạch đề ra ở cả chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận. Mặc dù doanh thu và tổng tài sản có tăng trưởng so với năm 2013 thì lợi nhuận lại sụt giảm nhẹ.

- Việc chi trả thù lao năm 2014 cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2014:

Trong năm 2014, các thành viên Hội đồng quản trị được chi trả thù lao hơn 7 tỷ đồng (đã bao gồm các khoản lương thưởng cho các thành viên tham gia công tác điều hành). Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
Thành viên HĐQT tham gia điều hành			
1	Lee Jae Eun	Chủ tịch HĐQT	2.835.616.428
2	Cho Yong Hwan	Thành viên HĐQT	1.798.482.652
3	Nguyễn Văn Đào	Thành viên HĐQT	794.259.854
4	Lee Je Won	Thành viên HĐQT	1.554.394.000
Thành viên HĐQT không tham gia điều hành			
5	Jean Charles Belliol	Thành viên HĐQT	51.840,000
6	Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	51.840.000
7	Ngô Phương Chí	Thành viên HĐQT	51.840.000

AUDIT COMMITTEE REPORT

The Audit Committee has three members elected by the General Meeting of Shareholders to perform supervision task in accordance with the law and the Charter of the Company. In 2014, the Audit Committee has continued to perform supervision and recommendations to improve company performance as follows:

AUDIT COMMITTEE ACTIVITIES

Activities of Audit Committee in 2014 includes:

- Checking the implementation of the resolutions of the General Meeting of Shareholders and Decision of the BOM to ensure openness and transparency.
- Monitoring the operations and financial situation of the Company: the Audit Committee examined quarterly financial statements, interim financial statements, and yearly financial statements to assess the reasonableness and accuracy of financial data.
- Coordinating with internal Audit Department in the implementation of inspection tasks, supervising the company operations periodically. Timely prevent and handle any errors that may occur; building and completing the rules and regulations to conform with reality.



REPORT ON AUDIT COMMITTEE ACTIVITIES

The performance of resolution of General Shareholders' Meeting 2013

In 2014, Everpia Vietnam had fully implemented the plan proposed and approved at the General Shareholders' Meeting in March 2014 and the excise of shareholder's voting right in writing in July 2014, namely:

- Profit distribution 2013: Everpia Vietnam has fully implemented the appropriation of funds including Development and Investment Fund, Financial Contingency Fund, Welfare Fund, and Management Fund. In addition, the Company has paid dividends rate of 1,100 VND per share on September 10, 2014. Total dividend amount paid for the investors is 30,224,710,450 VND.

- Business result in 2014: because the Vietnam economic

situation has not really recovered and the decline of consumer purchasing power, it severely affects business results of Everpia Vietnam. In 2014, Everpia Vietnam did not achieve the target in both revenue and profit. Although revenue and total assets grow in comparison with 2013, the profit dropped slightly.

- The distribution of remuneration for the BOM and Audit Committee in 2014.

Remuneration of the BOM in 2014:

The remuneration of BOM members was over 7 billion VND in 2014 (including salary and bonus for administration members). Specifically as follows:

No.	Full name	Position	Remuneration in 2014 (VND)
Executive BOM member			
1	Lee Jae Eun	Chairman	2,835,616,428
2	Cho Yong Hwan	BOM member	1,798,482,652
3	Nguyen Van Dao	BOM member	794,259,854
4	Lee Je Won	BOM member	1,554,394,000
Non-Executive BOM member			
5	Jean Charles Belliol	BOM member	51,840,000
6	Le Thi Thu Hien	BOM member	51,840,000
7	Ngo Phuong Chi	BOM member	51,840,000

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thù lao của Ban kiểm soát năm 2014

Trong năm 2014, BKS đã được chi trả thù lao tổng cộng 155,520,000 VNĐ. Chi tiết cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng BKS	51.840.000
2	Suh Seung Chul	Thành viên BKS	51.840.000
3	Hong Sun	Thành viên BKS	51.840.000

- Hoàn thành việc sửa đổi Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép kinh doanh của Công ty để bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014.
- Hoàn thành các thủ tục đóng cửa của công ty con – Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam.

Giám sát hoạt động tài chính năm 2014:

Năm 2014, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. BKS nhận thấy các báo cáo thể hiện đầy đủ, rõ ràng, phản ánh đúng tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Từ các báo cáo tài chính, BKS đánh giá tình hình tài chính năm 2014 của Công ty rất tốt. Các chỉ số tài chính về thanh khoản, tỷ lệ nợ, hiệu quả sử dụng tài sản và hoạt động đều ổn định và an toàn.



Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý điều hành công ty



BKS ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc cũng như các bộ phận quản lý của Công ty. HĐQT và Ban Giám đốc đã vận hành Công ty hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Công tác hạch toán kế toán của Công ty đã tuân thủ đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Thực hiện các công tác cung cấp và công bố thông tin định kỳ và bất thường theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở GDCK TP HCM.

BKS không nhận được kiến nghị nào từ cổ đông về sai phạm của HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty trong năm 2014

AUDIT COMMITTEE REPORT

Remuneration of the AC in 2014:

Audit Committee was paid the total of 155,520,000 VND:

No.	Full name	Position	Remuneration in 2014 (VND)
1	Truong Tuan Nghia	Chief of AC	51,840,000
2	Suh Seung Chul	AC member	51,840,000
3	Hong Sun	AC member	51,840,000

- Completed the amendment of Investment Certificate and Business License of the Company for additional business.
- Chose Ernst & Young Vietnam Co. Ltd. for auditing financial statements in 2014.
- Completed closure procedures of the subsidiary Mattpia Vietnam JSC.

Supervision of financial activities in 2014:

Financial Statements 2014 of Everpia Vietnam JSC was audited by Ernst & Young Vietnam. These report fully and clearly reflect the financial position and business results of the Company.

The financial statement indicates that the Company has good financial situation in 2014. Liquidity ratio, debt ratio, and efficiency ratio are in stable and safe.



Monitoring the activities of the BOM, BOD and the Executive Management



The Audit Committee had found no abnormal in the activities of BOM and BOD members as well as management departments of the Company. The BOM and BOD have operated company in accordance with the law and the Charter of the Company.

Auditing and accounting of the Company was in compliance with standards and current accounting regime. Disclosing regular and irregular information in accordance with the provisions of the State Securities Commission and Hochiminh Stock Exchange.

No proposals from shareholders for violations of the BOM, the BOD, and managers in 2014.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO



RỦI RO PHÁP LÝ

Ở Việt Nam, luật, các văn bản dưới luật, các quy định của ngành, hướng dẫn về thuế thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ nên có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh cũng như định hướng hoạt động của Công ty. Nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bị các cơ quan quản lý phạt hoàn toàn có thể xảy ra nếu như Công ty không am hiểu và thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật mới.

Để hạn chế những rủi ro về pháp lý, các bộ phận chuyên môn cũng tích cực liên hệ trao đổi, cập nhật với các cơ quan chức năng có thẩm quyền. Bộ phận pháp chế rà soát các hợp đồng và các thỏa thuận của công ty trước khi được ký kết.

RỦI RO CẠNH TRANH VÀ THỊ TRƯỜNG

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Everpia Việt Nam tập trung chủ yếu vào hai lĩnh vực sản xuất kinh doanh Chăn - ga - gối - đệm và sản xuất kinh doanh Bông tấm.

Đối với kinh doanh Bông tấm, thị trường đang có xu hướng bão hòa, các doanh nghiệp gia tăng doanh số bằng cách thu hút khách hàng từ các đối thủ cạnh tranh. Thêm vào đó, các khách hàng lớn đã và đang có kế hoạch đầu tư các dây chuyền sản xuất bông tấm để đáp ứng nhu cầu sản xuất và gia nhập thị trường kinh doanh bông tấm.

Đối với thị trường Chăn - ga - gối - đệm, bên cạnh các đối thủ cạnh tranh chính đang ngày càng lớn mạnh đã xuất hiện thêm nhiều công ty sản xuất nhỏ với các sản phẩm giá rẻ thậm chí là hàng giả, hàng nhái kém chất lượng, cùng với sự xâm nhập của các sản phẩm ngoại nhập đã làm cho cạnh tranh thị trường ngày càng trở nên gay gắt.

Bên cạnh các yếu tố cạnh tranh, tình hình biến động của kinh tế thế giới và Việt Nam cũng có ảnh hưởng quan trọng đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

Vì vậy, để phòng ngừa, hạn chế rủi ro, Công ty thường xuyên cập nhật tình hình biến động, các dự báo về tình hình kinh tế thế giới cũng như Việt Nam và các đối thủ cạnh tranh để có những điều chỉnh cho phù hợp. Về mặt nội bộ, Công ty tích cực thực hiện các chính sách chú trọng tới chất lượng sản phẩm, sản xuất và hiệu quả chi phí để củng cố và gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG LÃI SUẤT, TỶ GIÁ, TÍN DỤNG VÀ THANH KHOẢN

Nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất chính của Công ty là xơ polyester và vải đều được nhập khẩu từ các đối tác nước ngoài, thanh toán bằng đồng Đô la Mỹ - USD. Vì vậy biến động về tỷ giá sẽ tác động mạnh đến chi phí sản xuất của Công ty. Mặc dù năm 2014 được đánh giá là một năm thành công trong bình ổn tỷ giá, nhưng Công ty cũng đã có những giải pháp chuẩn bị để có thể hạn chế rủi ro biến động tỷ giá trong năm 2015 như thường xuyên cập nhật, dự báo biến động tỷ giá thông qua các mối quan hệ với các Ngân hàng; thực hiện các hợp đồng mua nguyên vật liệu thông qua L/C phòng ngừa rủi ro khan hiếm ngoại tệ; có kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, chủ động trong việc tích trữ nguyên vật liệu để hạn chế những thay đổi tỷ giá bất thường.

Rủi ro về lãi suất ảnh hưởng chủ yếu đến thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng. Thêm vào đó, rủi ro về lãi suất cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của khách hàng dẫn đến gây khó khăn cho hoạt động quản lý phải thu khách hàng. Việc sử dụng hệ thống ERP trong thống kê các chỉ tiêu công nợ, theo dõi nhắc nợ hàng ngày, trích dự phòng nợ phải thu khó đòi đã giúp Công ty quản lý tốt các khoản phải thu của khách hàng.

Với tình hình tài chính lành mạnh, các hệ số thanh toán luôn ở mức cao, rủi ro về thanh khoản của Everpia Việt Nam luôn ở mức rất thấp.

CÁC RỦI RO KHÁC

Ngoài các yếu tố rủi ro như trên còn có các yếu tố rủi ro khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, bệnh dịch... sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nếu xảy ra. Vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp có thể để giảm thiểu rủi ro như mua bảo hiểm tài sản của Công ty, đầu tư về cả phương tiện và con người trong công tác phòng cháy chữa cháy, thực hiện đầy đủ các biện pháp vệ sinh an toàn lao động...

RISK MANAGEMENT REPORT



LEGAL RISK

The bylaws, industry regulations, and guidance on taxation in Vietnam are inconsistent and constantly changing. Therefore, this can greatly influence business results as well as the company direction. Risk of litigation, disputes, and fined by the may occur if the Company does not understand and regularly update new law.

To minimize legal risks, those departments also positively exchange and update information with the related competent authorities. Legal Department review contracts and other agreements of the Company before signing.

RISK ON MARKET AND COMPETITIVENESS

Production and business activities of Everpia Vietnam mainly focuses on two areas consisting of Bedding business and Padding business.

For Padding business, this market tends to saturation, so the Company increases sales by attracting customers from competitors. In addition, risks arising from big customers have been planning to invest into padding production line to meet the needs of their own production and access padding market.

For Bedding business, Everpia Vietnam must face tough competition from numbers of major competitors. In addition, problems of low-quality, low-price imitation designs and models as well as the emergence of small companies and foreign products has made the market competition fiercer.

Besides the competitive factors, the fluctuations of the world economy and Vietnam also have an important impact to the Company business operation.

Thus, in order to prevent and mitigate the risks, the Company has regularly update the fluctuations and forecast the future trends of the global and Vietnam market as well as the activities of the competitors in order to have the stable and effective alternatives to maintain its competitiveness. On the internal side, the Company actively implements policies focused on product quality, production, and effective cost management to consolidate and increase its competitiveness in the market.

INTEREST RATE RISK, EXCHANGE RATE RISK, CREDIT RISK, AND LIQUIDITY RISK

The primary materials are fiber and fabric importing from abroad and paid in USD. Thus, the fluctuations in the exchange rates can have strong impacts to the operational costs of the Company. Although 2014 is considered a success year in stabilizing the exchange rate, the Company has prepared measures to limit the risk of fluctuations in exchange rates in 2015. The measures applied are frequently update and forecast exchange rate fluctuations through the relationship with the banks; performing purchasing contract through L/C to hedge foreign currency scarcity; having long-term production and business plan; storing materials to reduce the abnormal change of exchange rate.

Interest rate risk is mainly from bank deposits. In addition, this risk can also affect the operation of customer leading to difficult for management trade account receivables activities. The use of ERP systems in keeping track on debt, daily debt, provision for doubtful debts has helped the Company to manage trade accounts receivable well.

With a healthy financial situation, high liquidity ratios, the liquidity risk of Everpia Vietnam is very sound.

OTHER RISKS

Besides the above risk factors, there are some objective risk factors such as natural disasters, fires, epidemics, etc. would seriously affect the Company business operations in case it happens. Hence, the Company has implemented several possible measures to minimize risks such as buying property insurance, investing in fire prevention and fire fighting system, full implementation of hygiene safety, etc.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

Trong năm 2014, tình hình kinh tế mặc dù có khởi sắc nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) 2014 tăng 5.98% so với năm 2013. Chỉ số CPI bình quân năm 2014 tăng 4.09% so với bình quân năm 2013. Đây là mức tăng khá thấp trong vòng 10 năm trở lại đây. So với tháng 12/2013, sức mua của ngành hàng tiêu dùng năm 2014 đạt 2,945 nghìn tỷ đồng, tăng 10.6% so với năm 2013. Nếu loại trừ yếu tố tăng giá do lạm phát (6.3%) thì mức tăng này chỉ còn 4.3%. Trong khi đó, chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất đã tăng 3.39% so với năm 2013.

Với một năm đầy khó khăn, mặc dù các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra nhưng Everpia đã nỗ lực giữ vững sự tăng trưởng về mặt doanh thu. Cụ thể doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 781 tỷ tăng 4% so với năm trước và đạt 98% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 84.5 tỷ giảm 0.5% so với năm 2013 và chỉ đạt 94% kế hoạch lợi nhuận.

Do trong năm, Công ty thực hiện hàng loạt các chương trình khuyến mại, giảm giá, tặng kèm sản phẩm cho các khách hàng khi mua sản phẩm của Công ty, đồng thời tỷ trọng đơn hàng xuất khẩu và hàng bán cho các doanh nghiệp/khách sạn tăng lên, nên giá vốn hàng bán đã tăng 9% tương đương với hơn 41 tỷ đồng trong khi doanh thu chỉ tăng 4% so với cùng kỳ năm trước. Cũng vì lý do trên, trong các khoản mục chi phí năm 2014, ta thấy tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu tăng (3%) nhưng chi phí bán hàng so với doanh thu lại giảm (2%) so với năm 2013.

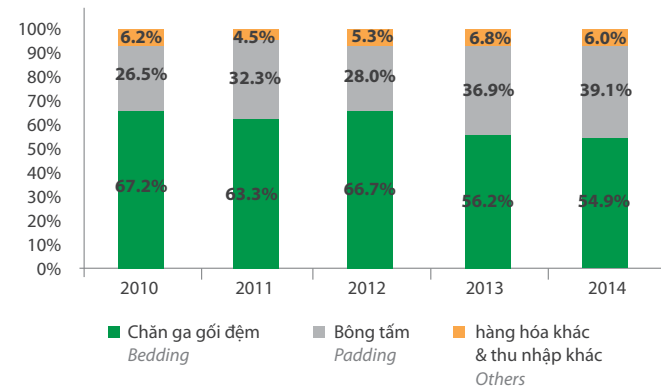
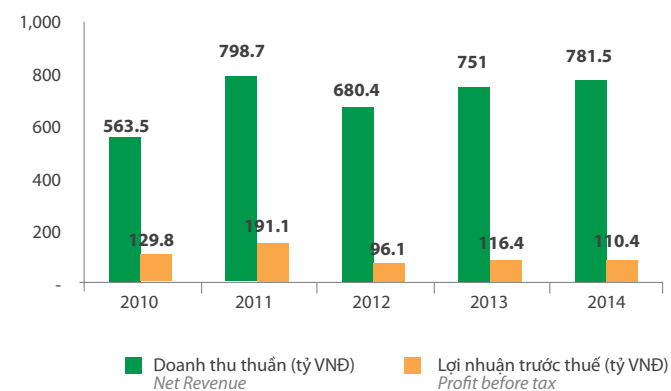
Thu nhập từ kinh doanh Chăn ga gối đệm và Bông tắm vẫn là hai mảng kinh doanh chủ chốt, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của công ty (94%).

Ngành hàng Chăn - ga - gối - đệm

Năm 2014, Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam vẫn tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu tại thị trường Chăn - ga - gối - đệm Việt Nam với thị phần 22% ở các đô thị lớn như Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh...

Mặc dù ảnh hưởng bởi khó khăn chung của thị trường bán lẻ, doanh thu đến từ mảng kinh doanh này đạt xấp xỉ 441 tỷ đồng tăng 2% (tương đương với 10 tỷ đồng) so với năm 2013 do Công ty đã có những chương trình khuyến mại nhằm thúc đẩy doanh số. Tuy nhiên, tỷ trọng đóng góp trong doanh thu toàn Công ty lại sụt giảm nhẹ (1%) xuống mức 56% và lợi nhuận gộp của ngành hàng này lại giảm 15%, chỉ đạt 115 tỷ do phát sinh thêm chi phí sản xuất hàng khuyến mại.

Với chiến lược chú trọng phát triển hệ thống phân phối theo chiều sâu, năm 2014, Công ty đã tập trung nâng cấp hệ thống đại lý hiện có theo hướng mở rộng diện tích cửa hàng và thay đổi nội ngoại thất nhằm đạt chuẩn về trưng bày, có khả năng cung cấp tất cả các sản phẩm của Công ty (như Chăn - ga - gối - đệm, đồ nội thất, các sản phẩm gia dụng, trang trí...). Công ty đã chi gần 6 tỷ đồng cho việc đầu tư nâng cấp hệ thống bảng biển và nội thất cho các đại lý, tổng đại lý. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiến hành đóng cửa một số đại lý kinh doanh không hiệu quả (75 đại lý). Tính đến hết năm 2014, hệ thống phân phối của Công ty hiện có 627 đại lý và tổng đại lý phân bố khắp cả nước.



Bên cạnh hoạt động kinh doanh thông qua hệ thống đại lý, tổng đại lý, Công ty cũng đã đẩy mạnh phát triển mảng kinh doanh khách hàng doanh nghiệp, cung cấp các sản phẩm chăn ga gối đệm Everon đến các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực khách sạn, nghỉ dưỡng. Tuy doanh thu từ mảng kinh doanh này chỉ đóng góp 11% trong doanh thu kinh doanh chăn ga gối đệm và 6% trong tổng doanh thu toàn Công ty nhưng đã tăng trưởng 30% so với năm 2013.

Cũng trong năm 2014, Công ty đã chú trọng mở rộng hoạt động xuất khẩu chăn ga thông qua các đơn hàng gia công cho các đối tác nước ngoài (OEM). Mặc dù chưa chiếm tỷ trọng lớn nhưng trong năm nay doanh thu xuất khẩu mặt hàng chăn ga đạt 35 tỷ VNĐ, tăng trưởng 98% so với năm 2013 và đạt 185% kế hoạch. EVE hiện đang xuất khẩu các sản phẩm chăn ga sang các thị trường Campuchia, Hàn Quốc, Nhật và một số nước Trung Đông... Nhằm đẩy mạnh mảng kinh doanh này, Công ty đã có những hoạt động như mang sản phẩm của Công ty tham gia các hội chợ quốc tế; ký hợp đồng với một công ty tư vấn của Mỹ để hỗ trợ Công ty tìm kiếm khách hàng; hợp tác với các đối tác đã có hàng xuất khẩu sang các thị trường khó tính như châu Âu, Nhật... để cùng phát triển đơn hàng.

BOARD OF DIRECTORS REPORT

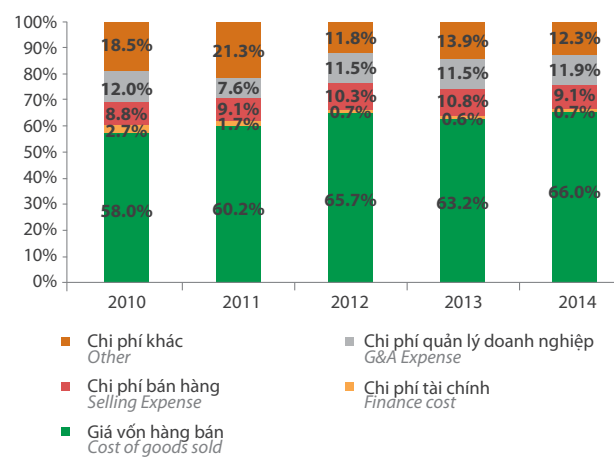
BUSINESS PERFORMANCE IN 2014

Although the economic situation has prospered but it is still very difficult in 2014. Gross Domestic Product (GDP) increased by 5.98% in 2014 in comparison with 2013. The average CPI 2014 increase 4.09% yoy. This is a relatively low growth rate within 10 years. The consumer purchasing power reached VND 2,945 trillion in 2014, an increase of 10.6% yoy. If excluding price increase due to inflation (6.3%), this rate is 4.3% yoy. Meanwhile, the price index of materials for production has increased 3.39% yoy.

Experiencing a difficult year, although the Company did not reach sales and profit target, Everpia Vietnam made an effort to maintain the growth in terms of revenue. Specifically, net revenue reaches VND 781 billion, an increase of 4% yoy and 98% higher than the target. Net profit after tax gained VND 84.5 billion, a decrease of 0.5% yoy and reached only 94% profit plan.

The implementation of a series of promotions, discounts, and product bundling and the proportion of export and B2B orders increased. As a result, the Cost of Goods Sold (COGS) increased 9% yoy (VND 41 billion) while revenue increased by only 4% yoy. This also explains for the proportion of COGS to Revenue increase 3% but the Selling expenses to Sales decreased 2% as compare with 2013.

Revenue from Bedding and Padding business are still two key businesses, occupying the largest proportion of the total company revenue (94%).



Bedding Business

Everpia Vietnam continues to maintain its leading position in the bedding market in Vietnam in 2014 with 22% market share in the big cities like Hanoi, Ho Chi Minh, Hai Phong, Quang Ninh, etc.

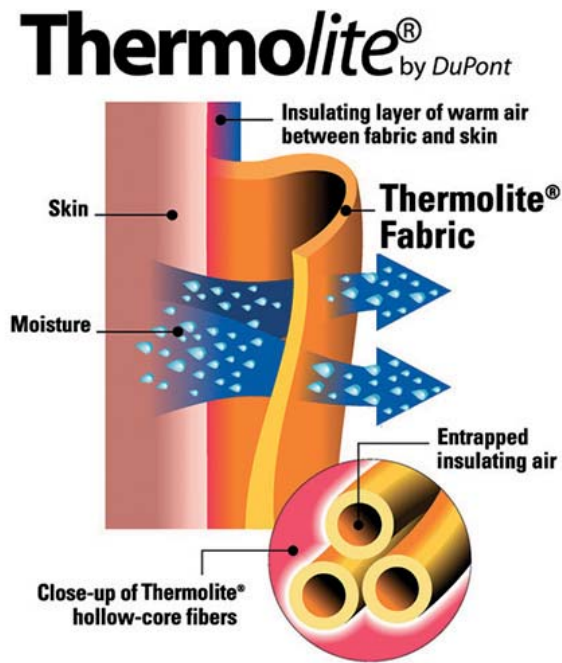
Although being affected by the difficulties of the retail market, revenue from this business line reached approximate VND 441 billion, an increase of 2% (VND 10 billion) as compare with 2013 thanks to a series of promotion activities to boost sales. However, the contribution of this business to the company revenue has dropped slightly 1% down to 56% and the gross profit of this sector decreased by 15%, reaching only VND 115 billion due to additional costs incurred by producing promotional items.

With a strategic focus on developing the distribution system in-depth, the Company has focused on upgrading existing agent system in 2014 in the direction of expansion of the store size and change interior to meet high standards of display also being able to show all the products of the company (including bedding items, blankets, furniture, and household and decorative products). The Company has spent about VND 6 billion for investment in upgrading signboard and interior for all agents. Besides, the Company also closed some ineffective agents (75 agents). By the end of 2014, the distribution system of the Company has a total of 627 agents and general distributors throughout the country.

Besides agents and general agents system, Everpia Vietnam has promoted B2B channel, providing Everon bedding products to hotels and resorts. Even though revenue from this new business channel contributes only 11% of the bedding business revenue and 6% of the total revenue, it has grown 30% as compared with 2013.

In 2014, the Company has also focused on expanding exports of bedding items through processing for foreign partners (OEM). Although it does not have high proportion, revenue from exports has reached VND 35 billion, an increase of 98% as compared with 2013 and reached 185% of the plan. EVE is currently exporting products to Cambodia, South Korea, Japan and some countries in the Middle East. With the aim to promote this business, the Company has participated in international fairs; signed contract with a consulting firm in the US to assist the Company in finding customers; cooperated with partners to enter difficult markets such as Europe, Japan ... to obtain more orders.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



Ngành hàng Bông tằm

Năm 2014, mặc dù thị trường bông tằm đang có sự cạnh tranh gay gắt và ngày càng xuất hiện thêm nhiều công ty nhỏ cung cấp các sản phẩm chăn bông với giá rẻ và dịch vụ nhanh, Everpia vẫn tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu thị trường với 29% thị phần. Ngoài việc duy trì ổn định chất lượng và đa dạng chủng loại sản phẩm, Công ty cũng linh hoạt trong chiến lược kinh doanh để có thể thu hút được khách hàng của các đối thủ cạnh tranh và gia tăng giá trị hợp đồng từ các khách hàng truyền thống.

Doanh thu đến từ bông tằm và chăn bông năm 2014 đạt hơn 313 tỷ đồng chiếm 39% doanh thu toàn công ty, tăng trưởng 11% và đạt 100% kế hoạch. Sự gia tăng này có đóng góp không nhỏ của hoạt động chăn bông khi mà doanh thu từ hoạt động này đã tăng mạnh 32% so với năm 2013 (tương đương với 18 tỷ đồng).

Mặc dù doanh thu đến từ nhóm khách hàng nước ngoài có sụt giảm nhẹ, nhưng hai nhóm khách hàng chủ chốt chiếm tỷ trọng lớn là khách hàng Hàn Quốc (chiếm 59%) và khách hàng Việt Nam (35%) đều tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2013. Hoạt động xuất khẩu bông tằm của công ty chiếm tỷ trọng khá lớn (65% tương đương với gần 10 triệu USD). Tuy nhiên hơn 99% số lượng bông xuất khẩu là xuất khẩu nội địa, chỉ có 0.8% (tương đương với hơn 76 ngàn USD) là xuất trực tiếp ra nước ngoài.

Kinh doanh các sản phẩm khác và đầu tư ngắn hạn

Bên cạnh việc kinh doanh các ngành hàng chủ chốt (chăn ga gối đệm và bông tằm), Everpia Việt Nam cũng mở rộng kinh doanh các sản phẩm khác. Nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, Công ty đã đưa ra thị trường các dòng sản phẩm nội thất và trang trí mang nhãn hiệu Everon Furniture và Everon Home Decor với kiểu dáng, mẫu mã hiện đại phong phú, chất liệu tự nhiên, thân thiện với môi trường. Tuy vậy, do mới triển khai đưa ra thị trường nên tỷ trọng đóng góp vào doanh số chung không đáng kể (khoảng 6%).

Doanh thu đến từ kinh doanh các sản phẩm khác và hoạt động đầu tư ngắn hạn có sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước (giảm 4.2 tỷ đồng tương đương với 8%).

BOARD OF DIRECTORS REPORT



Padding Business

In 2014, despite the fierce competition in padding market and the appearance of more small padding companies providing cheap price products and fast service, Everpia Vietnam continues to maintain its leading position market with 29% market share. In addition to maintaining the stability of product quality and the diversity of categories, the Company is also flexible in business strategy to attract more customers from competitors and increase value of the contracts from traditional customer.

Revenue from padding and quilting products reached more than VND 313 billion, accounted for 39% of the total revenue, an increase of 11% and 100% of the plan in 2014. This increase has contributed mainly by the 32% increase of quilting revenue (equivalent to VND 18 billion).

Despite a slight decline in revenue from foreign customers, revenue from two major group customer including Korea (59%) and Vietnam (35%) have increased as compared to the same period in 2013. The padding export performance has large proportion (65% equivalent to nearly USD 10 million). However, more than 99% of padding export is domestic exports and only 0.8% (equivalent to more than USD 76 thousand) is directly exported to foreign countries.

Other Business and Short-term Investment

Besides two main business lines (Bedding and Padding), Everpia Vietnam has also expanded its business to other products. To meet the needs of customers, the Company has launched two new brands called Everon Furniture and Everon Home Decor with modern design, made of natural materials and environmentally friendly. However, those are new to market so that the contribution to total sales is not significant (approximately 6%).

Revenue from sales of other products and short-term investments has slight decreased as compared to the same period last year (a decrease of VND 4.2 billion equivalents to 8%).

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Hiệu quả kinh doanh

Chỉ tiêu Items	2010	2011	2012	2013	2014
Biên lợi nhuận gộp Gross profit margin	42.0%	39.8%	34.3%	36.8%	34.0%
Biên lợi nhuận trước thuế Profit before tax margin	23.0%	23.9%	14.1%	15.5%	14.2%
Biên lợi nhuận ròng Return on sale (ROS)	18.2%	18.9%	11.0%	11.3%	10.8%
Thu nhập trên vốn cổ phần Return on equity (ROE)	22.6%	23.9%	10.6%	11.3%	10.5%
Thu nhập trên tổng tài sản Return on assets (ROA)	15.3%	19.9%	8.3%	9.5%	8.6%

Biên lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2014 đã giảm nhẹ 10.4 tỷ (tương đương với 3.8%), phần lớn là do trong năm 2014 Công ty đã gia tăng chương trình khuyến mại nhằm thúc đẩy tăng trưởng doanh thu. Chính vì vậy, mặc dù doanh thu, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu đều tăng nhưng do lợi nhuận giảm nhẹ nên các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh đều giảm so với năm 2013.



Tác động của thuế thu nhập doanh nghiệp

Chỉ tiêu Lợi nhuận ròng/Thu nhập trước thuế của Công ty trong năm 2014 đã tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước mặc dù lợi nhuận ròng giảm nhẹ là do từ 1/1/2014 mức thuế thu nhập doanh nghiệp đã giảm từ 25% xuống còn 22%.

Tác động của thu nhập từ lãi

Tại thời điểm 31/12/2014, các khoản tiền và tương đương tiền của Công ty đạt 35.6 tỷ. Nếu bao gồm cả khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng được ghi nhận vào đầu tư ngắn hạn thì tiền và tương đương tiền đạt mức 221 tỷ tăng 41% so với năm 2013. Việc duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng đã giúp cho Công ty chủ động trong duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng quy mô và chủ động nguồn nguyên liệu, tránh được các rủi ro về tỷ giá và khan hiếm nguyên liệu. Thêm vào đó, Công ty còn có thêm khoản thu nhập từ lãi tiền gửi (9.2 tỷ). Mặc dù số dư tiền gửi bình quân tăng mạnh so với năm 2013, nhưng do lãi suất huy động tiền gửi giảm mạnh trong năm 2014 nên thu nhập lãi của Công ty đã giảm nhẹ so với năm 2013 (giảm 254 triệu).

Tác động của lợi nhuận ròng biên

Năm 2014 tỷ số EBIT/Doanh thu thuần của Công ty chỉ đạt 15%, ở mức tương đối ổn định từ năm 2012 đến nay.

Tác động của đòn bẩy tài chính

Chỉ số ROA của năm 2014 giảm so với 2013 là do tổng tài sản tăng (11% tương đương với 98 tỷ) trong khi lợi nhuận lại giảm nhẹ. ROA giảm nhưng nhờ chỉ số đòn bẩy tài chính tăng (do nợ ngắn hạn tăng mạnh 48% tương đương với 45 tỷ) nên đã giữ cho ROE chỉ giảm nhẹ 0.8 điểm phần trăm so với năm 2013.

BOARD OF DIRECTORS REPORT

FINANCIAL SITUATION

Profitability

Chỉ tiêu Items	2010	2011	2012	2013	2014
Lợi nhuận ròng/Thu nhập trước thuế Net profit on EBT	79.0%	78.9%	77.6%	73.0%	76.3%
Lợi nhuận trước thuế/Lợi nhuận trước thuế và lãi suất EBT/EBIT	89.4%	93.3%	95.2%	96.0%	95.4%
Lợi nhuận trước thuế và lãi suất/Doanh thu thuần EBIT / Net sale	25.8%	25.7%	14.8%	16.1%	14.8%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản Net sale/Total assets	84.2%	94.0%	75.7%	84.6%	79.3%
Tổng tài sản/Tổng vốn chủ sở hữu Total assets/Total equity	116.7%	122.9%	124.7%	114.1%	119.6%

Gross profit margin of the Company in 2014 was slightly decreased VND 10.4 billion (equivalent to 3.8 %), because the company has increased promotions to push sales. Therefore, although revenues, total assets and shareholder's equity increased, the business performance targets also decreased compared with 2013 due to profit slightly decreased.



Corporate Income Tax

Net profit on profit before tax of 2014 slightly increased compared with the same period last year although net profit decreased, because corporate income tax rate was reduced from 25 % to 22 %.

Interest Income

On December 31*2014, the Company's cash and cash equivalents was VND 35.6 billion. Including over three months term deposit in short term financial investment, are cash and cash equivalents was VND 221 billion, increased 41 % as compared to 2013. Maintaining deposit balance in bank, the company maintained operation and materials actively to avoid the risk of exchange rate and material scarcity. In addition, the company had interest incomes (VND 9.2 billion). Although average deposit balances increased sharply compared with 2013, deposit interest rate reduced significantly so Company's interest income was slightly lower than in 2013 (reduced VND 254 million).

Return on Sales

In 2014, the ratio of EIBT on Net sale only reached 15%, it was stable from 2012 until now.

Financial Leverage

The ROA ratio of 2014 decreased in comparison with 2013 because of total asset increasing (11 % equivalent to VND 98 billion) and profit decreasing. ROE only decreased slightly 0.8 % from 2013 due to increasing of financial leverage (current liabilities increased 48 % equivalent to VND 45 billion).

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Hiệu suất sử dụng tài sản

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
Số ngày tồn kho bình quân (ngày)	251	222	239	227	217
Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	45	44	54	54	66
Số ngày phải trả bình quân (ngày)	27	23	33	35	31
Vòng quay tiền mặt (ngày)	270	242	260	245	252

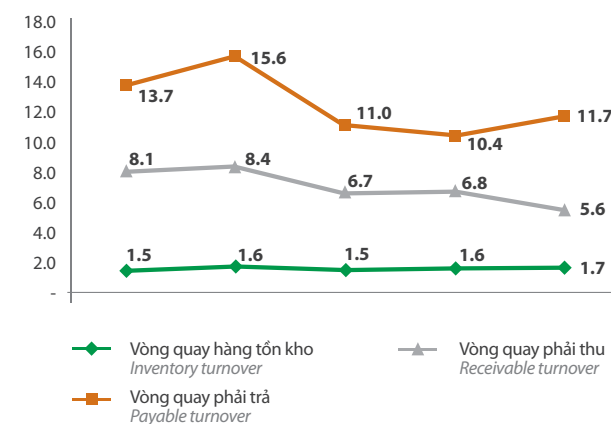
Từ những số liệu về các chỉ số hiệu suất tài sản của Công ty, ngoại trừ kỳ thu tiền bình quân, các chỉ số hiệu quả hoạt động của công ty không có thay đổi đột biến so với các năm trước.

Vòng quay khoản phải thu giảm mạnh trong năm 2014 là do trong những tháng cuối năm 2013 và năm 2014 do khó khăn của thị trường bán lẻ, Công ty đã có những chính sách linh hoạt về công nợ cho các đại lý. Việc kỳ thu tiền bình quân tăng mạnh (22%) kéo theo vòng quay tiền mặt của Công ty đã tăng 3%. Mặc dù việc này cũng có ảnh hưởng đến vốn lưu động của Công ty nhưng đã giúp Công ty có sự tăng trưởng mạnh về doanh số.

Bên cạnh đó, vòng quay hàng tồn kho vẫn được giữ ổn định như các năm trước ở mức 1.7 vòng, thậm chí số ngày tồn kho còn giảm (10 ngày) trong khi giá trị hàng tồn kho tại thời điểm 31.12.2014 tăng 6% so với năm 2013 là một sự tiến bộ đáng ghi nhận trong nỗ lực quản lý hàng tồn kho hiệu quả. Vòng quay khoản phải trả sau khi giảm tốc độ trong năm 2013 (10.4 vòng) đã quay trở lại bằng với mức 11.7 vòng trong năm 2014. Nguyên nhân là do tốc độ tăng của giá vốn hàng bán đã cao hơn so với giá trị các khoản phải trả.

Xét tổng thể, trong năm 2014, việc quản lý hàng tồn kho đã có nhiều tiến bộ đáng ghi nhận. Mặc dù việc thu hồi công nợ chậm hơn các năm trước nhưng cũng đã góp phần tạo nên tăng trưởng doanh thu so với năm 2013.

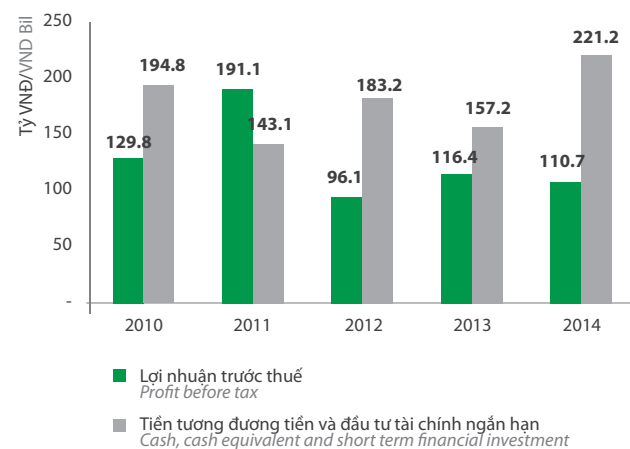
Hiệu suất sử dụng tài sản/ Efficiency Ratios



Khả năng sinh tiền

Tại thời điểm cuối năm 2014, dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh giảm xuống mức 40 tỷ đồng, giảm 35% so với năm 2013 do chính sách linh động bán hàng cho đại lý của công ty. Trong khi đó, dòng tiền chi cho các hoạt động đầu tư lại tăng 62%. Vì vậy, lượng tiền và tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2014 giảm còn xấp xỉ 36 tỷ VNĐ. Nhưng trên thực tế, trong dòng tiền chi cho hoạt động đầu tư có một khoản tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng trị giá 185 tỷ VNĐ. Vì vậy lượng tiền khả dụng của Công ty không giảm mà còn tăng nhẹ lên mức 221 tỷ VNĐ tăng 41% so với 2013.

Tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, lợi nhuận chủ yếu của Công ty đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Dòng tiền thuần thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh luôn dương ở mức cao trong những năm gần đây cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty vẫn đang có hiệu quả và có khả năng tạo ra tiền mặt cao giúp cho Công ty có thể chủ động trong các hoạt động của doanh nghiệp.



BOARD OF DIRECTORS REPORT

FINANCIAL SITUATION

Effectiveness of Resources Use

Items	2010	2011	2012	2013	2014
Average inventory day	251	222	239	227	217
Average receivable day	45	44	54	54	66
Average payable day	27	23	33	35	31
Cash cycle (days)	270	242	260	245	252

From Company' efficiency ratios, except the average account receivable period, others ratio has no change from the previous year.

Because of difficulties in retail market from the last months of 2013 and 2014, the Company had the flexible liability policy for agents so receivable turnover decrease significantly in 2014. Increasing of average account receivable period (22%) led cash cycle longer 3%. Although Company's working capital is affected, it helps the Company to growth in sales.

Inventory turnover remained stable at 1.7 as the previous year, average inventory days even reduced (10 days) while the inventories at December 31st 2014 increased 6% compared with 2013. It was a progress in its efforts to manage inventory effectively. After decreasing in 2013 (10.4), payable turnover was back at 11.7 in 2014 because the increasing of cost of goods sold was higher than account payable.

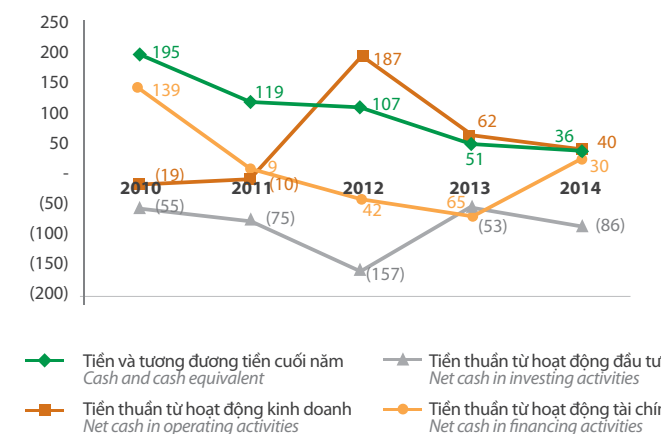
Overall, in 2014, inventory management has made progress. Although account receivable collection was slower than previous years, it also contributed to revenue growth from 2013.



Cash flow

At the end of 2014, net cash from business activities decreased to VND 40 billion, reduced 35% compared to 2013 because of flexible agent sale policy. Cash flow for investments increased 62%. Therefore, cash and cash equivalent at December 31st 2014 decreased to VND 36 billion. In fact that, cash flow for investment activities has an over three months term deposits (VND 185 billion). As a result, total cash available increased to VND 221 billion and increased 41% compared to 2013.

Concentrate to core business, Company's profit mainly comes from the main business. Net cash flow from operating is always positive at high levels in recent years shows that the Company's main business is still effective and has the ability to generate high cash for Company's operation.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
Hệ số thanh toán nhanh	3.0	1.8	1.7	3.0	2.7
Hệ số thanh toán hiện hành	5.6	4.5	3.7	6.3	5.1

Do Công ty đã có khoản vay ngắn hạn gần 2.5 triệu USD nên các chỉ số về khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh của Công ty đã giảm nhẹ (10%) so với năm 2013. Tuy nhiên, mặc dù giảm nhưng tại thời điểm 31/12/2014, nếu chỉ dùng lượng tiền và tương đương tiền hiện có, Công ty đã có thể ngay lập tức thanh toán 25% các khoản nợ ngắn hạn. Còn nếu sử dụng cả các khoản đầu tư ngắn hạn, thực chất là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng thì có thể thanh toán ngay toàn bộ các khoản nợ hiện có. Đây là minh chứng cho thấy EVE hầu như không có rủi ro về thanh khoản trong ngắn hạn. Trong trung hạn, Công ty hoàn toàn có đủ nguồn lực để đầu tư thêm dây chuyền sản xuất đệm lò xo túi cũng như cải tạo và nâng cấp các dây chuyền sản xuất hiện có.

Cấu trúc tài sản và nguồn vốn

Cấu trúc tài sản

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng tài sản của Công ty tăng 11% so với cùng kỳ năm trước, đạt gần 986 tỷ đồng. Về mặt cơ cấu, tỷ trọng tài sản ngắn hạn đã tăng 5%, đóng góp 72% trong tổng tài sản của Công ty (707.7 tỷ).

Tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng bên cạnh nguyên nhân đến từ hàng tồn kho và tiền mặt (tăng 5% và 41%) thì nguyên nhân chủ yếu cũng đến từ giá trị các khoản phải thu tăng lên 12% so với 2013 (33 tỷ).

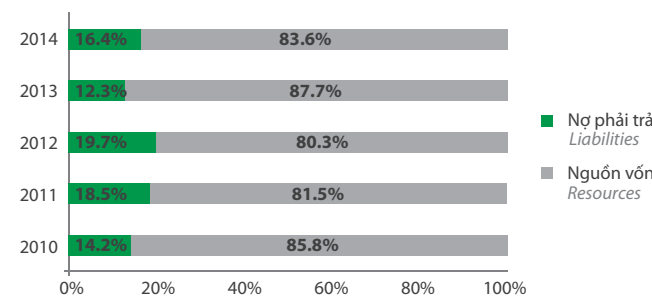
Tài sản dài hạn giảm nhẹ so với năm 2013 chủ yếu là do khấu hao tài sản cố định (giảm 5% tương đương với gần 15 tỷ).

Cấu trúc nguồn vốn

Về phần nguồn vốn, tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn đã giảm nhẹ trong năm 2014. Điều này là do nợ ngắn hạn đã tăng mạnh trong năm 2014 (51 tỷ VNĐ), do nhu cầu vay ngoại tệ để nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

Nhìn chung, cấu trúc tài chính của Everpia Việt Nam luôn ổn định và bền vững qua các năm. Trên 80% tài sản của Công ty được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu. Nợ ngắn hạn của Công ty chủ yếu là các khoản vay bằng đồng USD với lãi suất thấp để phục vụ cho nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất bằng ngoại tệ.

Về nợ dài hạn, mặc dù chiếm tỷ trọng thấp trong tổng nợ phải trả (13%) nhưng cũng đã tăng mạnh 51% (tương đương 7.2 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên khoản vay này phần lớn là vay bằng đồng USD với lãi suất thấp phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.



BOARD OF DIRECTORS REPORT

FINANCIAL SITUATION

Liquidity

Items	2010	2011	2012	2013	2014
Quick ratio	3.0	1.8	1.7	3.0	2.7
Current ratio	5.6	4.5	3.7	6.3	5.1

Because the Company has short-term loans nearly USD 2.5 million, the current and quick ratios decreased slightly (10%) compared to 2013. However, at the end of 2014, if the Company only uses cash and cash equivalent, it can pay immediately 25% of current liabilities. If it uses both cash and cash equivalent and short term financial investments, which is deposits with more than 3 months term, it can cover all liabilities. This is a proof that EVE has no risk of liquidity in short term. In medium term, the Company has enough capital to invest pocket spring mattress production line and upgrading existing production lines.

Assets and Resources Structure



Assets structure

On December 31st 2014, total assets of the Company increased 11%, nearly VND 986 billion, compare with the same time last year. In structure, rate of current assets on total increased 5%, contributing 72% of the company's total assets (VND 707.7 billion).

Besides increasing of inventory and cash & cash equivalent (5% of inventory and 41% of cash & cash equivalent), proportion of current assets increased mainly from receivable raising 12% compare with 2013 (VND 33 billion).

Non current assets went down slightly year on year because of fix assets depreciation (decreased 5% equivalent to nearly VND 15 billion).

Resources structure

In the resources, the rate of shareholders' equity on total resources has decreased slightly in 2014. This was due to that short-term debt has increased sharply in 2014 (VND 51 billion), due to the need of foreign currency loans to import materials for production.

In general, Everpia Vietnam's financial structure is stable and sustainable in over the years. More than 80% of Company assets is covered by equity. The Company's current liabilities are mainly USD loan contracts with low interest rate to import production materials.

Although long term liabilities are low proportion of total liabilities (13%), it increased 51% (equivalent to 7.2 billion) compare with 2013. However, most of these loans are USD loan contracts with low interest rate to import production materials.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG NGUYÊN VẬT LIỆU SẢN XUẤT

Nguyên vật liệu dùng cho sản xuất của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam chủ yếu là xơ bông và vải sợi (chiếm 66% giá thành sản phẩm). Chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài (gần 80%) từ các nhà sản xuất uy tín của Hàn Quốc, Trung Quốc, Malaysia...

Hoạt động mua sắm đã lựa chọn mua và cung cấp đầy đủ kịp thời nguyên vật liệu với giá cả hợp lý góp phần tạo nên sự ổn định cho chất lượng sản phẩm và tiến độ sản xuất. Công tác lưu trữ, bảo quản cũng được chú trọng không để xảy ra tổn thất.



HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

- Theo dõi, kiểm soát và lập các báo cáo về tình hình thực hiện ngân sách toàn Công ty theo tháng, quý và năm giúp cho Công ty có kế hoạch cân đối ngân sách nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Khai thác và sử dụng hiệu quả các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng góp phần tạo sự chủ động và linh hoạt về ngân sách hoạt động cho Công ty.

- Phối hợp với đơn vị kiểm toán thực hiện công tác lập báo cáo tài chính đúng tiến độ, công bố thông tin kịp thời trên thị trường chứng khoán theo quy định.

- Thực hiện công tác quyết toán thuế theo đúng quy định của nhà nước. Kiểm tra, kiểm soát chứng từ hóa đơn hợp lý, hợp lệ, đúng quy định. Phát hiện và điều chỉnh kịp thời những bất hợp lý góp phần hoàn thiện sổ sách chứng từ kế toán.



HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ



Tổng số nhân sự tính đến 31/12/2014 là 1,189 người. Trong đó, đại học và trên đại học là 178 lao động, cao đẳng và trung cấp là 79 người, công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông là 932 người.

Trong năm 2014, Công ty đã tuyển dụng 349 lao động. Tuy nhiên, Công ty Everpia Việt Nam đã ban hành 253 quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, trong đó có 42 trường hợp là do Công ty chủ động chấm dứt hợp đồng (chiếm 17%), còn lại là xuất phát từ lý do các nhân người lao động. Tỷ lệ thôi việc năm 2014 là 21.3% (trong tổng số 1,189 lao động).

Năm 2014, Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CBCNV. Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho CBCNV.

Nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của CBCNV, công ty đã hỗ trợ 100% chi phí cho CBCNV ở một số bộ phận có thành tích xuất sắc đi tham quan du lịch trong và ngoài nước.

Ngoài ra, Công ty cũng đã có hỗ trợ chi phí đào tạo, tham quan công tác để CBCNV có thể nâng cao kỹ năng nghiệp vụ phục vụ cho công việc.

BOARD OF DIRECTORS REPORT

MATERIALS PROCUREMENT ACTIVITIES

Most of materials, which use for the production of Everpia Vietnam, are polyester fibers and fabric (66% of cost of goods sold). They imported mainly from abroad (80%) from reputed suppliers of South Korea, China, Malaysia...

Materials procurement activities purchase and supply in sufficient time and reasonable prices, which contribute to the stability of product quality and production progress. The storage and preservation are attention to prevent damage occurs.



FINANCE AND ACCOUNTING

- Monitoring, auditing and making Company's budget report on monthly, quarterly and annually for budget plans to improve business operation.

- Using effectively banking services for Company's budget plan.

- Coordinate with the auditors to make financial report on schedule and publish in accordance with the stock market rules.

- Tax settlement was made according to regulations. Auditing, detecting and adjusting accounting documents to improve financial report.



HUMAN RESOURCE



On December 31st 2014, total number of employees was 1,189 people. University and above: 178 employees, College and Intermediate: 79 employees, Technician and unskilled laborer 932 employees.

In 2014, the Company has recruited 349 employees. However, Everpia Vietnam has issued 253 decisions to terminate labor contracts, there are 42 cases which the Company wants to stop the contract (17%) and the rest are from employees. Stop working rate in 2014 was 21.3% (of the total 1,189 employees).

The Company holds medical periodically and pays full social insurance, health insurance, unemployment insurance for all employees. To encourage employees, every year, the Company supports 100% of domestic and international travel cost for good performance employees and departments. In addition, the Company also supports training costs to improve working skills and knowledge for employees.



**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**
SUSTAINABLE DEVELOPMENT REPORT

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH TẾ



BÁO CÁO TĂNG TRƯỞNG

(Xem thêm mục Báo cáo của Ban điều hành)

BÁO CÁO QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Công tác quan hệ nhà đầu tư luôn được Công ty chú trọng nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư có thể cập nhật thông tin về Công ty. Năm 2014, Công ty đã có các hoạt động như sau:

- Ngày 28/03/2014, Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên để báo cáo với các cổ đông kết quả đã đạt được trong năm 2013, thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 và các nội dung quan trọng khác.
- Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện các cuộc đón tiếp các quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán đến tham quan

BÁO CÁO ĐÓNG GÓP XÃ HỘI

Với việc kinh doanh hiệu quả, Công ty đã liên tục có đóng góp cho ngân sách. Năm 2014, công ty Everpia Việt Nam đã nộp ngân sách nhà nước 26.2 tỷ đồng, giảm 17% so với năm 2013 (do thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm).

Bên cạnh việc đóng góp cho ngân sách địa phương, Công ty cũng đã giải quyết công ăn việc làm, chăm sóc tốt đời sống cho gần 1,000 lao động địa phương.

Với triết lý hoạt động “Chia sẻ để thành công”, Công ty còn thực hiện trách nhiệm với cộng đồng thông qua việc thường xuyên tham gia các hoạt động nhân đạo từ thiện, đền ơn đáp nghĩa. Hàng năm, Công ty thường trích từ 1-2% lợi nhuận sau thuế để tham gia các hoạt động cộng đồng ở khu vực Công ty có trụ sở và chi nhánh như Hưng Yên, Hà Nội, Đồng Nai... Trong năm 2014, Công ty đã có những hoạt động cụ thể sau:

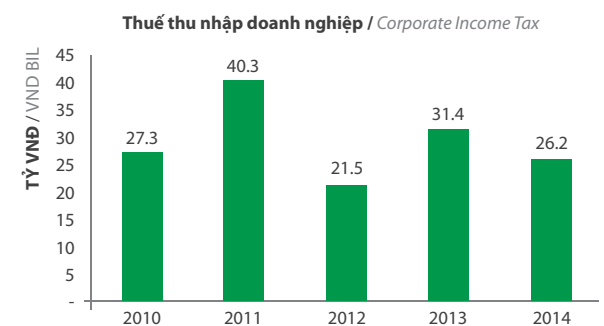
- Tháng 5/2014, mừng ngày truyền thống Hội người cao tuổi Việt Nam, Công ty đã gửi tặng những phần quà đến các cụ già ở xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, Hưng Yên.

và tìm kiếm cơ hội đầu tư vào công ty như Pemberton Investment, Vietnam Holding, Equinox Partners, Frontaura Capital, Global Frontier Funds, ORYX Investment, Optis Fund, Impera Capital, Yuan Asset Management, Endurance Capital...

- Thực hiện các báo cáo tình hình quản trị Công ty và báo cáo thường niên định kỳ theo đúng quy định về công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp HCM. Các thông tin tài chính và phi tài chính được Công ty công bố đầy đủ, kịp thời trên website của Công ty và khi cổ đông có yêu cầu.

- Tháng 11/2014, Công ty đã trao 100 suất học bổng cho các Học sinh nghèo Huyện Khoái Châu và tham gia đóng góp kinh phí xây dựng trường học ở Xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, Hưng Yên.

- Cũng trong tháng 11/2014, Công ty đã trao 50 suất học bổng cho học sinh khuyết tật vượt khó đến trường của tỉnh Đồng Nai.



ECONOMIC ACTIVITIES



ECONOMIC DEVELOPMENTS

(Please, see in Board of Directors Report)

INVESTOR RELATION

The Company always attaches much importance to investor relations, investors can update Company information easily. In 2014, the Company had investor relation activities as follow:

- On March 28th, 2014, Company held General Shareholders' Meeting to report 2013 business results, ratify 2014 business targets and other important issues.
- In 2014, Company organized a lot of meetings with investment funds and securities who had visited and explored investment opportunities, such as Pemberton Investment,

SOCIAL CONTRIBUTIONS

With effective business, the Company has continuously contributed to the national budget. Everpia Vietnam has contributed VND 26.2 billion for the national budget in 2014, decrease 17% in comparison with 2013 (because of decreasing corporate income tax rate).

Beside contributing to the national budget, the Company also provides jobs, and supports for the living standard to nearly 1,000 local workers.



Vietnam Holding, Equinox Partners, Frontaura Capital, Global Frontier Funds, ORYX Investment, Optis Fund, Impera Capital, Yuan Asset Management, Endurance Capital...

- Management report and annual report were made periodically in accordance with regulations of the State Securities Commission and Ho Chi Minh City Stock Exchange on information disclosure. Financial and non-financial information were announced fully on Company's website and investor requests.

With the philosophy “Share to be success”, the Company takes responsibilities for community through participating in charity activities. Every year, the Company has saved from 1-2% of its profit after tax for the community and local government activities in where the Company located such as Hung Yen, Ha Noi, Dong Nai... In 2014, the Company has made some community activities, as follows:

- On May, 2014, celebrating Vietnam Association of the Elderly, the Company has given gifts to elderlies in Tan Quang village, Van Lam District, Hung Yen province.
- On November, 2014, the Company has awarded 100 scholarships to Khoai Chau District poor students and contribute funding for school construction in Minh Hai village, Van Lam district, Hung Yen province.
- Also on November, 2014, the Company has awarded 50 scholarships to disability students in Dong Nai province.

BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG



NGUYÊN, VẬT LIỆU

Với nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất chủ yếu xơ polyester và vải nhập từ nước ngoài, bên cạnh việc lựa chọn nguồn cung cấp uy tín về chất lượng, tiến độ và giá cả hợp lý, Công ty luôn hướng tới việc tìm kiếm và sử dụng các nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn quốc tế về an toàn với môi trường và không gây hại đối với sức khỏe của người sử dụng. Các nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất đều được Công ty khoán theo định mức nhằm giảm hao hụt lãng phí.

NĂNG LƯỢNG

Năm 2014 Công ty đã tiêu thụ hơn 4.1 triệu kWh tương đương với gần 7 tỷ đồng. Ngoài điện năng tiêu thụ Công ty có sử dụng thêm gas và dầu trong các dây chuyền sản xuất bông tằm và đệm bông ép. Trong năm 2014, Công ty đã sử dụng 347 ngàn lít dầu và 593 tấn gas tăng bình quân 12% so với năm 2013.

Nhằm sử dụng một cách hiệu quả và tiết kiệm, Công ty thường xuyên xây dựng và cập nhật các định mức tiêu thụ năng lượng như dầu, gas, điện trong sản xuất kinh doanh. Giáo dục thường xuyên ý thức sử dụng tiết kiệm điện, nước cho CBCNV toàn Công ty thông qua hệ thống các pano, áp phích, bảng hiệu trong khu vực sản xuất và văn phòng.

NGUỒN NƯỚC

Nguồn nước Công ty đang sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh một phần đến từ nguồn nước sạch của các công ty cấp thoát nước địa phương (Nhà máy Hà Nội, nhà máy Đồng Nai) và một phần đến từ hệ thống giếng khoan do Công ty tự đầu tư (nhà máy Hưng Yên).

Công ty đang trong quá trình theo dõi, thống kê xây dựng định mức khoán sử dụng nước trong sản xuất đến từng đơn vị nhằm nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả, giảm chi phí. Công ty định kỳ, kiểm tra, duy tu bảo dưỡng, vệ sinh thường xuyên hệ thống cung cấp nước nội bộ nhằm đảm bảo tránh lãng phí, để sửa chữa khắc phục khi có sự cố xảy ra.

KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI RẮN

Khí thải của Công ty chủ yếu đến từ khu vực sản xuất (phân xưởng bông, đệm bông ép), khí thải thoát ra đều được thu gom và xử lý qua hệ thống xử lý không khí của từng xưởng. Công ty là đơn vị sản xuất nên nguồn điện cung cấp luôn ổn định, máy phát điện chỉ được sử dụng trong những sự cố điện lưới hãn hữu, vì vậy khí thải từ máy phát điện là không đáng kể.

Đối với khí thải phát sinh từ hệ thống điều hòa không khí ở khối văn phòng và xưởng sản xuất, Công ty cũng đã có những quy định về thực hành tiết kiệm nhằm nâng cao ý thức cho CBCNV trong việc sử dụng các thiết bị điều hòa. Vì vậy, khí thải phát sinh từ hệ thống điều hòa không khí đang từng bước được giảm thiểu.

Do đặc thù ngành sản xuất chăn ga gối đệm nên Công ty không có nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tập trung tại hệ thống xử lý nước thải của địa phương. Theo kế hoạch, trong năm 2015, Công ty sẽ đầu tư hệ thống thu gom xử lý nước thải nội bộ trước khi đưa ra hệ thống thoát nước của địa phương.

Chất thải rắn của Công ty bao gồm chất thải không nguy hại (gồm rác thải sinh hoạt và rác thải sản xuất như vải vụn, bông vụn, phế liệu... có thể tái chế được) và chất thải nguy hại (thùng chứa dầu, keo công nghiệp...). Công ty đã ký hợp đồng với công ty xử lý chất thải địa phương để bán những chất thải không nguy hại có thể tái chế được và xử lý theo đúng quy trình, quy định của pháp luật những chất thải nguy hại, không tái chế được.

ENVIRONMENT AND ENERGY



MATERIALS

The materials which use in the manufacture such as polyester fibers and fabrics mainly imported from abroad. Besides choosing reputable supplier of quality, schedule and reasonable price, the Company is always looking and use of materials which achieve international standards for environmental safety and not harmful for the health of customers. The materials which uses in manufacture are follow company norms to reduce waste.

ENERGY

The Company consumed more than 4.1 million kWh equivalents to VND 7 billion in 2014. Besides power consumption; gas and oil are used in padding and mattress production line. The company used 347 thousand liters of oil, 593 tons gas, increased 12% in comparison with 2013.

To using energy in efficient and economical way, the Company regularly develops and updates energy consumption norms such as oil, gas, electricity in production. Rasing awareness saving use of electricity and water for company employees through a system of panels, posters, signs in factories and offices.

WATER SOURCE

Water source which Company used for business activities come from local water supply companies (Hanoi Factory, Dong Nai Factory) and company's drilled well system (Hung Yen Factory).

The Company is in process of monitoring, caculating water using norm in production to raise consciousness of water use, efficiency savings and reduce costs. The Company periodically checks, service and clean internal water supply network to avoid waste, easy to repair.

EXHAUST FUMES, WASTE WATER AND SOLID REFUSE

Exhausts fumes of Company are mainly from production area (padding factory and polyester mattress), exhaust fumes are collected and processed by air systems of each factory. The Company power supply is always stable; the generators are only used with rare problems, thus, exhaust fumes from generators are negligible.

For exhausts fumes from air conditioning systems in offices and factories, the Company also has regulations on saving energy to raise awareness for staff in air conditioner using. Therefore, exhausts fumes from air conditioning systems are being reduced.

Because of bedding production, there is not industrial sewage water from the company. Domestic sewages are collected and handled at local wastewater treatment systems. From planning, in 2015, the Company will invest the internal wastewater collection and treatment system.

There are two kinds of solid refuse such as non-hazardous waste (domestic waste and industrial waste such as: recycled scraps of fabric, scraps of padding...) and hazardous waste (oil tanks, industrial glue tanks...). The Company has signed contract with local waste treatment company to sale the non-hazardous wastes which can be recycled, and handling hazardous waste.

BÁO CÁO XÃ HỘI

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Phúc lợi người lao động

Với nhận định con người là nhân tố chính tạo nên thành công của doanh nghiệp, Everpia Việt Nam luôn chú trọng đầu tư cho người lao động. Bên cạnh chế độ đãi ngộ hấp dẫn, Công ty còn chú trọng đầu tư tạo ra môi trường làm việc đoàn kết, cạnh tranh giúp cho người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình.

Mức lương cơ bản trung bình của người lao động năm 2014 đạt 5,370,151 đồng tăng gần 18% so với năm 2013. Ngoài 12 tháng lương cơ bản, mỗi năm người lao động còn được thưởng thêm bốn tháng lương cơ bản khác vào các dịp Tết Âm lịch, Quốc tế lao động, Quốc Khánh và Ngày thành lập công ty. Hàng năm, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty sẽ trích 10% lợi nhuận sau thuế thưởng cho CBCNV. Năm 2014, mức thu nhập bình quân của CBCNV đạt 9,507,965 đồng tăng 21% so với năm 2013.

Từ năm 2011, sau mỗi 6 tháng, Công ty tổ chức bình chọn các cá nhân có thành tích lao động xuất sắc để trao tặng những phần thưởng có giá trị nhằm ghi nhận những đóng góp và khích lệ, động viên các CBCNV từ văn phòng đến nhà máy. Ngoài ra, Công ty còn có các chế độ phúc lợi khác nhằm hỗ trợ cho CBCNV như phụ cấp xăng xe, điện thoại, phụ cấp hỗ trợ tay nghề, hỗ trợ thâm niên, hỗ trợ chuyên cần.

Đã thành thông lệ, vào tháng 3 hàng năm, Công ty tổ chức Đại hội thể dục thể thao, thi đua văn nghệ với sự tham gia của tất cả các CBCNV trong Công ty nhằm rèn luyện sức khỏe cũng như tăng cường tinh thần đoàn kết và gắn bó tập thể; tháng 8 hàng năm cũng là dịp Công ty tổ chức cho toàn thể CBCNV cùng gia đình đi tham quan du lịch.

Quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động

Tuân thủ quy định của pháp luật, Công ty cổ phần Everpia Việt Nam đã cam kết thực hiện các chế độ, chính sách lương thưởng, đãi ngộ và môi trường làm việc đối với người lao động thông qua thỏa ước lao động tập thể được ký kết hàng năm. Ngược lại người lao động cũng cam kết đảm bảo tuân thủ các quy định làm việc và nội quy của Công ty.

Các chính sách đối với người lao động (đặc biệt là với lao động nữ) được thực hiện và tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động và các quy định của nhà nước.

Đánh giá cao những ý kiến đóng góp của người lao động, tháng một hàng năm, Công ty định kỳ tổ chức Hội nghị tổng kết toàn Công ty. Đây là dịp để các bộ phận đóng góp ý kiến cải thiện hoạt động sản xuất kinh doanh và đồng thời cũng là cơ hội để ban lãnh đạo lắng nghe các nguyện vọng của các bộ phận để có những biện pháp hỗ trợ kịp thời, đáp ứng những quyền lợi, nhu cầu chính đáng của từng bộ phận.



SOCIAL RESPONSIBILITIES

RESPONSIBILITIES FOR EMPLOYEES



Welfare policies for employees

Understanding that human resource is a main factor of business success, Everpia Vietnam has always focused on employee investment. Besides attractive remuneration, the Company also focuses on creating solidary and competitive working environment where employees can promote their abilities.

The average basic salary of the employees in 2014 was VND 5,370,151 increased 18% in comparisons with 2013. In addition to the twelve months basic salary, every year, employees are entitled to have another payment equivalent to four months basic salary paid on occasion of Tet Holiday, the National day, the Labor day, and the Company establishment day. Every year, depend on business performance, the Company will also extract 10% from its profit after tax to pay employees as special bonus. In 2014, the average income of each employee was VND 9,507,965 increased by 21% in comparisons with 2013.

Since 2011, every 6 months, excellent employees will be chosen and rewarded with the valuable awards to recognize their contributions and encourage, motivate the working spirit of the employees, from the office departments to the manufacturing departments. Besides these, the Company also has the regular welfare policies to support employees such as the allowances for competences, veteran allowances, diligence allowances, and fuel fees, telephone fees.

As common practice, in March every year, the Company organizes Sport and Arts Festival with the participation of all employees in order to improve health, solidarity and community. In August every year, the Company organizes to go holiday for all employees and their families.

Employee and Employer relationship

To comply with the law, Everpia Vietnam has committed to implement the regime, remuneration policies and working environment for employees by collective agreements which are signed annually. In contrast, employees have also committed to comply with Company rules and regulations.

The policies for employees (especially female workers) are implemented and comply with the provisions of the Labor Code and the regulations of the state.

Appreciate the comments of workers, in January every year, the Company organize workshop regularly. This is an opportunity for all the departments, factories contributing ideas to improve business operations and also an opportunity for top management listening and understanding the desires of the departments to have solution supporting and increasing the legitimate needs of each department.



BÁO CÁO XÃ HỘI

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hoạt động chăm lo sức khỏe người lao động

Trong năm, Ban lãnh đạo và công đoàn Công ty luôn quan tâm chăm lo sức khỏe cho người lao động. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách BHXH, BHYT, BHTN, chế độ bồi dưỡng độc hại, chế độ thai sản cho lao động nữ...

Hàng năm, Công ty đều thực hiện đầu tư trang thiết bị và tổ chức các khóa huấn luyện bảo hộ lao động. Công ty đã tích cực thực hiện các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, cụ thể như sau:

Biện pháp kỹ thuật

Trong thiết kế, xây dựng các công trình, nhà xưởng, Công ty đã chú trọng loại trừ các yếu tố tác nhân có thể dẫn đến tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp bằng các biện pháp kỹ thuật:

- Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa, hệ thống xử lý bụi, hệ thống chiếu sáng đầy đủ cho những khu vực làm việc có nhiệt độ cao, phát sinh nhiều khói bụi và cần nhiều ánh sáng như xưởng chần, xưởng sản xuất chăn ga, xưởng dệt và xưởng bông.

- Đầu tư các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ khu vực nhà máy và văn phòng.

Đào tạo và tuyển dụng

Đào tạo và huấn luyện

Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo cho CBCNV mới gia nhập Công ty. Đối với khối văn phòng, một khóa huấn luyện kéo dài 5 – 7 ngày để nhân viên mới có thể nhận biết được các hoạt động chung của Công ty, quy trình hoạt động của các đơn vị sản xuất và sự phối kết hợp giữa các phòng ban, bộ phận. Đối với khối sản xuất, tại tất cả các xưởng đều có dây chuyền phụ dành riêng cho công nhân mới, công nhân chưa có tay nghề làm quen và đào tạo. Sau khi vững tay nghề, những công nhân mới này mới được tham gia dây chuyền sản xuất chính.

Do các chính sách và quy định thường xuyên thay đổi và cập nhật, nên các cán bộ chuyên môn luôn được cử tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ như thuế, kiến thức pháp luật, nghiệp vụ kế toán, kiểm toán...

Với nhu cầu nhân lực tăng cao do việc mở rộng trong hoạt động sản xuất và kinh doanh (nhằm gia tăng các đơn hàng xuất khẩu và kinh doanh B2B), trong năm 2014, Công ty đã tổ chức 12 khóa đào tạo hội nhập, đào tạo nghề cho các CBCNV mới.

Các phong trào đóng góp đề xuất, ý kiến cải tiến, sáng tạo

Hàng năm Công ty có tổ chức phong trào đóng góp ý tưởng, sáng kiến cải tiến hoạt động góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động cho Công ty.

Là Công ty chuyên tự thiết kế và sản xuất các mẫu sản phẩm chăn ga của riêng mình, công tác thiết kế - sáng tạo luôn được

Biện pháp y tế

- Chỉ tuyển dụng những lao động có đầy đủ hồ sơ liên quan đến sức khỏe các nhân.

- Định kỳ tổ chức thăm khám sức khỏe để CBCNV có thể sớm phát hiện và điều trị các bệnh nghề nghiệp.

- Duy trì các phòng y tế với đội ngũ nhân viên y tế thường trực ở trụ sở và các chi nhánh của Công ty.

Trang bị phương tiện bảo hộ lao động cá nhân

Các phương tiện bảo hộ lao động cá nhân được đáp ứng đầy đủ theo đúng các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, mục đích sử dụng và thẩm mỹ. Người lao động được yêu cầu phải sử dụng các phương tiện bảo hộ cá nhân theo đúng quy định nơi làm việc.

Tổ chức làm việc an toàn

Tổ chức lao động, sắp xếp bố trí máy móc thiết bị một cách hợp lý, phù hợp với quy trình sản xuất và người lao động.

Xây dựng, ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy, lắp đặt các biển báo, hướng dẫn đầy đủ. Đội bảo vệ định kỳ tổ chức kiểm tra vận hành đối với các phương tiện thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Tổ chức huấn luyện, phổ biến kiến thức phòng cháy chữa cháy cho CBCNV toàn công ty. Hàng năm, Công ty đều phối hợp với lực lượng PCCC địa phương tổ chức các cuộc diễn tập PCCC định kỳ.

Công ty coi trọng. Từ năm 2014, Everpia Việt Nam quyết định tổ chức định kỳ hàng năm các cuộc thi Ý tưởng sáng tạo, thiết kế các sản phẩm chăn ga dành cho CBCNV công ty và các nhà thiết kế - sinh viên mỹ thuật trên toàn quốc. Đây là cách mà Công ty có thể lựa chọn thêm các ý tưởng sáng tạo cho sản phẩm và cũng là cơ hội tuyển dụng được những thiết kế tài năng cho Công ty.

Chính sách tuyển dụng

Với nguyên tắc Công khai – Công bằng – Bình đẳng, Everpia Việt Nam trao cho các ứng viên cơ hội nghề nghiệp ngang nhau. Gia nhập Công ty, mọi CBNV đều được tạo điều kiện tối đa để thể hiện năng lực bản thân và mọi ý tưởng sáng tạo đều được ghi nhận và đánh giá cao.



SOCIAL RESPONSIBILITIES

RESPONSIBILITIES FOR EMPLOYEES

Employee healthcare activities

Board of Directors and labor union always care about employees' health. Inspecting and supervising implementation of policies such as: social insurance, health insurance, unemployment insurance, maternity leave, noxious allowance...

Every year, Company invests in safety equipments and organize labor safety training courses. The company has implemented measures to prevent occupational accidents and occupational diseases, as follows:

Technical measures

In the design and construction of buildings and factories, the Company has focused on eliminating factors, which can lead to occupational accidents and occupational diseases, by technical measures:

- Installation of ventilation, air conditioning, dust handling system, lighting system for the work area with high temperatures, a lot of dust and require light as quilting workshop, bedding workshop, mattress workshop and padding workshop.

- Invested fire protection equipments for offices and factories.

Training and Recruitment

Training

The Company always organizes training courses for new employees. For the offices, a training course lasts 5-7 days for new employees to understand the Company's overall operations, production processes and the coordination between these departments, divisions. For production, all factories have extra lines for new workers acquainted and training. After that, these new workers can be participated in the production line.

The policies and regulations are constantly changing and updating, so the staffs are always taken part in training courses such as business tax, legal, accounting, auditing ...

Increasing employees demand to the business expansion (in order to increase the export orders and B2B business), in 2014, the Company has organized 12 training courses for new employees.

The movements of Innovation and creative ideas contribution

Annually, the Company organizes the movement of contributed ideas and innovations to improve the performance of the company.

As bedding design and manufacture company, Everpia Vietnam always attaches much importance to design and innovative. From 2014, the Company decided to hold Creative

Health care

- Only employees who have full personal health records are employed.

- Health examinations are held periodically for employees so they can early detect and treatment of occupational diseases.

- Health clinics with medical staffs are ready at the head office and branches of the Company.

Providing labor safety equipments

Labor safety equipments are fully provided in accordance with the requirements of quality standards, using purpose and aesthetics. Employees are required to use personal protective equipments in workplace.

Working safety

Organizing labor and production line logically and suitable with employees and production.

Developing and promulgating rules of fire protection, installing of instruction billboards. The security guards periodically check the operation of fire protection equipments.

The Company always organizes training courses of fire protection to all employees. Every year, company coordinates with the local Fire protection to hold the Fire protection practices periodically.

Ideas and Bedding Design competitions for Company's employees and designers – art students. This is the way that the Company can collect creative ideas for products and a chance for Company to employ good designers.

Recruitment Policy

With Publicity – Justice – Equality principle, Everpia Vietnam offers candidates the equal job opportunities. In the Company, all employees are facilitated to show their abilities and all creative ideas are recognized and appreciated.



BÁO CÁO XÃ HỘI



TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Cung cấp sản phẩm vì cộng đồng

Kinh doanh sản phẩm chăm sóc sức khỏe người tiêu dùng, Everpia Việt Nam luôn đặt tiêu chí chất lượng và an toàn sản phẩm lên hàng đầu. Tất cả các sản phẩm của Công ty ở mọi phân khúc đều hướng tới an toàn cho người sử dụng và thân thiện với môi trường.

Hỗ trợ thông tin người tiêu dùng

Nắm bắt được tâm lý muốn tìm hiểu thông tin về sản phẩm trước khi mua của người tiêu dùng, bên cạnh những kênh cung cấp thông tin của doanh nghiệp như hệ thống đại lý, website, đường dây nóng; Everpia Việt Nam đã kết hợp với Hiệp hội chống hàng giả hàng nhái và một số công ty truyền thông tổ chức các chương trình với mục đích chia sẻ những thông tin, kiến thức về an toàn sản phẩm và cách phân biệt các sản phẩm chính hãng do Công ty cung cấp với hàng giả hàng nhái trên thị trường. Điều này đã góp phần bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng và uy tín của Công ty.



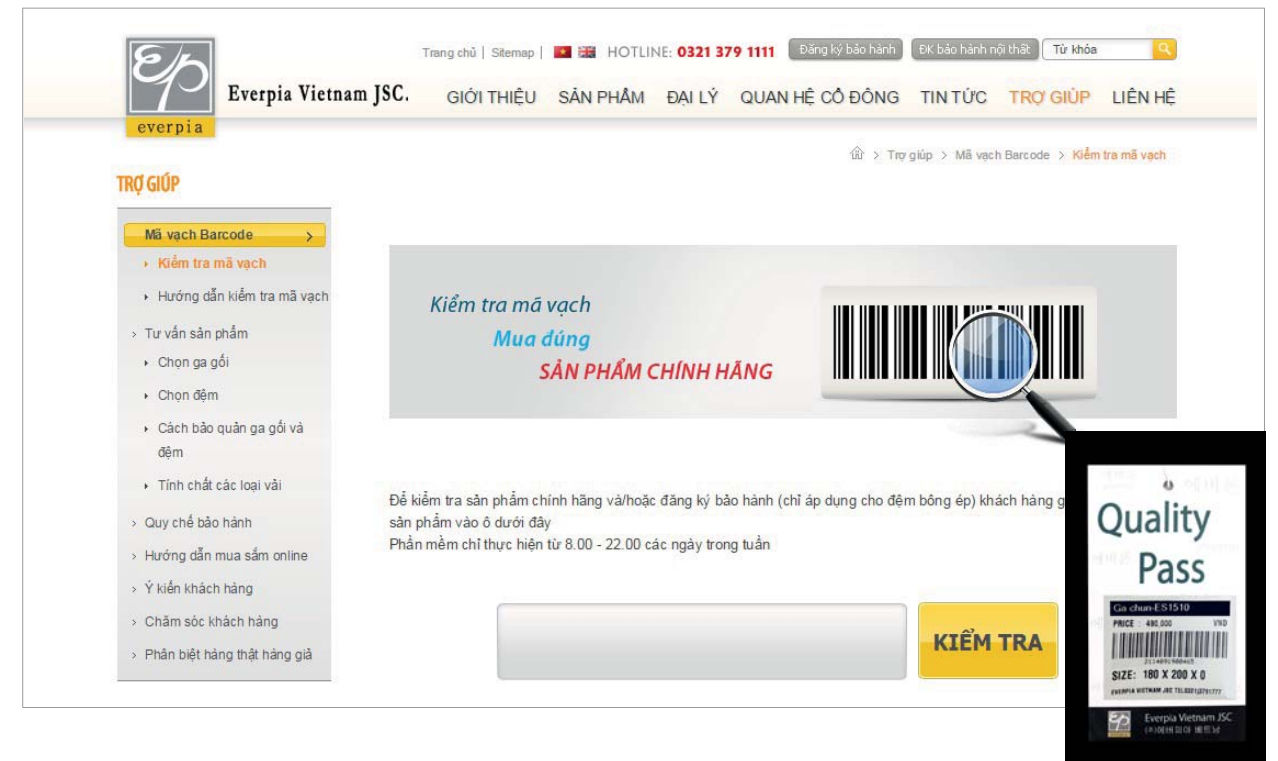
Dịch vụ hậu mãi

Đối với hoạt động kinh doanh Bông tấm (ngành công nghiệp nhẹ) và hoạt động kinh doanh Chăn ga gối đệm (ngành hàng tiêu dùng), dịch vụ hậu mãi là rất cần thiết để gia tăng mối liên hệ gắn kết với các khách hàng truyền thống và cũng là một lợi thế để thu hút khách hàng mới. Vì vậy để nâng cao uy tín của Công ty và bảo vệ lợi ích người tiêu dùng, Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ hậu mãi.

Quy trình tiếp nhận và xử lý thắc mắc, khiếu nại về sản phẩm:

- Thông thường, Công ty tiếp nhận các thắc mắc, khiếu nại về chất lượng sản phẩm thông qua hai kênh chính là qua đường dây nóng và qua mạng lưới đại lý, nhân viên bán hàng.
- Khi nhận được các phản hồi từ khách hàng, Công ty sẽ cử đại diện đến tiếp xúc với khách hàng để tìm hiểu.
- Nếu xác minh được nguyên nhân gây ra lỗi sản phẩm không phải từ phía khách hàng thì Công ty sẽ tiến hành thủ tục thu hồi sản phẩm lỗi và đổi hoặc bảo hành sản phẩm cho khách hàng
- Nếu nguyên nhân gây ra lỗi sản phẩm đến từ khách hàng, Công ty sẽ có những chính sách hỗ trợ sửa chữa, bảo hành sản phẩm cho khách hàng.

SOCIAL RESPONSIBILITIES



RESPONSIBILITIES FOR CONSUMERS

Supplying products for the community

To sell bedding products which relate to customer health, Everpia Vietnam always attaches much importance to customer safety and product quality. Company's products in all sections are oriented to user safety and environmental friendly.

Information supports

With understanding that customers are always looking for product information before buying, besides Company providing information channels such as agents, website, hotline; Everpia Vietnam has cooperate with Vietnam Association for Anti – counterfeiting and Trademark protection and media companies to share the information and knowledge regarding product safety, methods to distinguish the genuine product of Vietnam and the counterfeits in the markets. These are contributed to protect customer interests and improve Company' reputation.

After sale services

For Padding business (in light industries) and Bedding business (consumer goods), after sale services are essential to increase relationship with traditional customers and also are advantages to attract new customers. Therefore, the Company has improved the after sale services continuously to protect customer interests and improve Company' reputation.

Receiving and handling inquiries and complaints process:

- As normal, Company receives inquiries and complaints through two channels such as agents, sale staffs and hotline.
- When receives the response from customers, the Company will appoint a representative to contact with customers.
- If the faults of product do not come from customers, the Company will recall the faulty product and fix or change the new one to customer.
- If the faults of product do come from customers, the Company will support to fix for customer.



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VÀ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
AUDITED FINANCIAL STATEMENTS 2014

Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty gồm: Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính Công ty mẹ. Toàn văn hai báo cáo này đã được công bố trên website của Công ty theo đường dẫn: <http://www.everpia.vn/everon/ir/thong-tin-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh.aspx>

The Company audited financial statement includes consolidated financial statement and separate financial statement. These financial statements were published on the Company website, as follow: <http://www.everpia.vn/everon/ir/thong-tin-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh.aspx>

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, là Công ty TNHH Everpia Việt Nam, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh với lần điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 29 tháng 9 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai và Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch
Ông Cho Yong Hwan	Ủy viên
Ông Lee Je Won	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đào	Ủy viên
Bà Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên
Ông Jean - Charles Belliol	Ủy viên
Ông Ngô Phương Chí	Ủy viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Suh Seung Chul	Thành viên
Ông Hong Sun	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Văn Đào	Giám đốc Hành chính
Ông Lee JeWon	Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Ông Park Sung Jin	Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lee Jae Eun.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

GENERAL INFORMATION

THE COMPANY

Everpia Vietnam Joint Stock Company (“the Company”) is a joint stock company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam following a change in its legal form, from a 100% foreign-owned company, Everpia Vietnam Co., Ltd., in pursuant to the Investment Certificate No. 011033000055 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on 27 April 2007, and the subsequent amended investment certificates, with the latest is the 13th Amended Investment Certificate, being granted on 29 September 2014.

The shares of the Company have been officially listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange from 17 December 2010 under Decision No. 247/2010/QĐ-SGDHCM by the Director of the Ho Chi Minh City Stock Exchange dated 30 November 2010.

The principal activities of the Company are to produce non-knitting cloth, filter cloth, wool, blanket, bedding, padding, pillow, knapsacks, bags, underclothes and other garment products.

The Company has its head office located at Duong Xa Commune, Gia Lam District, Hanoi and five branch offices located in Hung Yen, Ho Chi Minh City, Hoa Binh, Dong Nai and Da Nang.

BOARD OF DIRECTORS

Members of the Board of Directors during the year and at the date of this report are:

Mr Lee Jae Eun	Chairman
Mr Cho Yong Hwan	Member
Mr Lee Je Won	Member
Mr Nguyen Van Dao	Member
Ms Le Thi Thu Hien	Member
Mr Jean - Charles Belliol	Member
Mr Ngo Phuong Chi	Member

BOARD OF SUPERVISION

Members of the Board of Supervision during the year and at the date of this report are:

Mr Truong Tuan Nghia	Head of Board of Supervision
Mr Suh Seung Chul	Member
Mr Hong Sun	Member

MANAGEMENTS

Member of Management during the year and at the date of this report are:

Mr Lee Jae Eun	General Director
Mr Cho Yong Hwan	Deputy General Director
Mr Kwon Sung Ha	Finance Director
Mr Nguyen Van Dao	Administration Director
Mr Lee Je Won	Ho Chi Minh City Branch Director
Mr Park Sung Jin	Dong Nai Branch Director

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and at the date of this report is Mr Lee Jae Eun

AUDITOR

The auditor of the Company is Ernst & Young Vietnam Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2015

REPORT OF MANAGEMENT

Management of Everpia Vietnam Joint Stock Company is pleased to present its report and the consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries ("the Company") for the year ended 31 December 2014.

MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Management is responsible for the consolidated financial statements of each financial year which give a true and fair view of the consolidated financial position of the Company and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year. In preparing these consolidated financial statements, management is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgements and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements; and
- Prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue its business.

Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the consolidated financial position of the Company and its subsidiaries and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

Management confirmed that it has complied with the above requirements in preparing the accompanying consolidated financial statements.

STATEMENT BY MANAGEMENT

Management does hereby state that, in its opinion, the accompanying consolidated financial statements give a true and fair view of the consolidated financial position of the Company and its subsidiaries as at 31 December 2014 and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of consolidated financial statements.



Lee Jae Eun
General Director
27 March 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 18 tháng 3 năm 2014.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Lê Đức Trường
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2013-004-1

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: The Shareholders of Everpia Vietnam Joint Stock Company

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Everpia Vietnam Joint Stock Company ("the Company") as prepared on 27 March 2015 and set out on pages 5 to 38, which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2014, and the consolidated income statement and consolidated cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

Management's responsibility

Management is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of consolidated financial statements, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation and presentation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of the Company as at 31 December 2014, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of consolidated financial statements.

Other matter

The Company's consolidated financial statements for the year ended 31 December 2013 were audited by another audit firm which expressed an unmodified opinion on those consolidated financial statements on 18 March 2014.

Ernst & Young Vietnam Limited

Bùi Anh Tuấn
Deputy General Director

Audit Practising Registration
Certificate: No. 1067-2013-004-1

Hanoi, Vietnam
27 March 2015

Le Duc Truong
Auditor

Audit Practising Registration
Certificate: No. 0816-2013-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

ĐVT/ Unit: VND

TÀI SẢN ASSETS	MÃ SỐ CODES	THUYẾT MINH NOTES	Số đầu năm Beginning balance	Số cuối năm Ending balance
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) "CURRENT ASSETS (100=110+120+130+140+150)"	100		707.703.620.303	593.967.907.207
I. Tiền và các khoản tương đương tiền Cash and cash equivalents	110	4	35.570.707.087	51.350.127.079
1. Tiền 1. Cash	111		27.870.707.087	14.754.381.616
2. Các khoản tương đương tiền 2. Cash equivalents	112		7.700.000.000	36.595.745.463
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn Short-term financial investments	120		185.629.759.578	105.858.839.889
1. Đầu tư ngắn hạn 1. Short-term financial investments	121	6	185.629.759.578	105.858.839.889
III. Các khoản phải thu ngắn hạn Short-term receivables	130		156.924.515.106	124.033.760.783
1. Phải thu khách hàng 1. Trade accounts receivable	131		139.778.008.253	115.960.859.621
2. Trả trước cho người bán 2. Advances to suppliers	132		21.188.660.266	11.442.644.376
3. Các khoản phải thu khác 3. Other receivables	135		3.195.610.638	2.707.245.475
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 4. Provision for short-term doubtful debts	139		(7.237.764.051)	(6.076.988.689)
IV. Hàng tồn kho Inventories	140	7	316.366.626.491	297.338.629.707
1. Hàng tồn kho 1. Inventories	141		320.976.777.747	297.338.629.707
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho Provision for obsolete inventories	149		(4.610.151.256)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác Other short-term assets	150		13.212.012.041	15.386.549.749
1. Chi phí trả trước ngắn hạn 1. Short-term prepayments	151		3.109.363.796	2.311.288.608
2. Thuế GTGT được khấu trừ 2. VAT deductibles	152		7.733.463.663	11.687.366.607
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước 3. Taxes and other receivables from the State budget	154		150.000.000	150.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác 4. Other short-term assets	158		2.219.184.582	1.237.894.534
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260) NON-CURRENT ASSETS (200=220+250+260)	200		278.281.224.139	293.020.598.883
I. Các khoản phải thu dài hạn Long-term receivables	210	8	304.092.883	-
1. Phải thu dài hạn khác 1. Other long-term receivables	218		304.092.883	-
II. Tài sản cố định Fixed assets	220		261.250.466.095	274.868.721.212
1. Tài sản cố định hữu hình 1. Tangible fixed assets	221	9	237.483.913.479	250.736.009.032
- Nguyên giá - Cost	222		420.575.124.472	407.449.034.689
- Giá trị hao mòn lũy kế - Accumulated depreciation	223		(183.091.210.993)	(156.713.025.657)
2. Tài sản cố định thuê tài chính 2. Finance lease assets	224	10	105.986.308	-
- Nguyên giá - Cost	225		113.556.756	-
- Giá trị hao mòn lũy kế - Accumulated amortisation	226	11	(7.570.448)	-
3. Tài sản cố định vô hình 3. Intangible fixed assets	227		14.415.566.308	16.887.712.180
- Nguyên giá - Cost	228	12	38.023.647.876	38.048.647.876
- Giá trị hao mòn lũy kế - Accumulated amortisation	229		(23.608.081.568)	(21.160.935.696)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang 3. Construction in progress	230		9.245.000.000	7.245.000.000
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn Long-term financial investments	250		2.638.200.000	2.638.200.000
1. Đầu tư dài hạn khác 1. Other long-term investments	258		2.638.200.000	2.638.200.000
VI. Tài sản dài hạn khác Other long-term assets	260		14.088.465.161	15.513.677.671
1. Chi phí trả trước dài hạn 1. Long-term prepayments	261		13.522.120.786	14.266.301.313
2. Tài sản dài hạn khác 2. Other long-term assets	268		566.344.375	1.247.376.358
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) TOTAL ASSETS (270=100+200)	270		985.984.844.442	886.988.506.090

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

ĐVT/ Unit: VND

NGUỒN VỐN RESOURCES	MÃ SỐ CODES	THUYẾT MINH NOTES	Số đầu năm Beginning balance	Số cuối năm Ending balance
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) LIABILITIES (300=310+330)	300		161.537.589.068	108.966.147.483
I. Nợ ngắn hạn Current liabilities	310		139.985.513.858	94.649.416.456
1. Vay và nợ ngắn hạn 1. Short-term loans and liabilities	311	15	52.277.884.779	1.311.440.000
2. Phải trả người bán 2. Trade accounts payable	312		42.305.408.549	45.627.379.899
3. Người mua trả tiền trước 3. Advances from customers	313		5.790.882.558	2.963.363.219
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 4. Taxes and amounts payable to the State budget	314	16	24.103.962.848	29.456.478.013
5. Phải trả người lao động 5. Payables to employees	315		9.335.291.977	8.242.182.443
6. Chi phí phải trả 6. Accrued expenses	316		289.832.104	2.149.275.855
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác 7. Other current payables	319	17	5.882.251.043	4.899.297.027
II. Nợ dài hạn Long-term liabilities	330		21.552.075.210	14.316.731.027
1. Phải trả dài hạn khác 1. Other long-term payables	333	18	3.618.669.499	3.306.471.536
2. Dự phòng phải trả dài hạn khác 2. Other long-term provision	334	19	10.196.802.661	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ 3. Scientific and technological development fund	339	20	7.736.603.050	11.010.259.491
B. NGUỒN VỐN (400=410) EQUITY (400=410)	400		824.447.255.374	777.271.965.443
I. Vốn chủ sở hữu Shareholders' equity	410	21	824.447.255.374	777.271.965.443
1. Vốn điều lệ 1. Charter capital	411	21.3	279.865.180.000	279.865.180.000
2. Thặng dư vốn cổ phần 2. Share premium	412	21.2	191.000.000.000	191.000.000.000
3. Cổ phiếu quỹ 3. Treasury shares	414		(10.491.434.356)	(10.491.434.356)
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu 4. Other shareholders' funds	416		(72.374.361)	32.749.178
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 5. Retained earnings	419		8.227.907.722	11.033.838.777
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 6. Retained earnings	420		355.917.976.369	305.831.631.844
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ MINORITY INTERESTS	439	22	-	750.393.164
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) TOTAL RESOURCES (440=300+400)	440		985.984.844.442	886.988.506.090

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU ITEM	Số cuối năm Ending balance	Số đầu năm Beginning balance
1. Ngoại tệ các loại 1. Foreign currencies		
- Đô la Mỹ (USD) - United States dollar (USD)	674.230	45.369
- Euro (EUR) - Euro (EUR)	184	196



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc
General Director

Ngày 27 tháng 3 năm 2015 / 27 March 2015

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
Deputy General Director in charge of Finance

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Preparer

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

ĐVT/ Unit: VND

CHỈ TIÊU ITEMS	MÃ SỐ CODES	THUYẾT MINH NOTES	NĂM NAY CURRENT YEAR	NĂM TRƯỚC PREVIOUS YEAR
1. Doanh thu bán hàng <i>1. Revenue from sale of goods</i>	01	24.1	785.922.789.956	752.596.898.265
2. Các khoản giảm trừ doanh thu <i>2. Deductions</i>	02	24.1	(4.469.540.961)	(2.094.168.369)
3. Doanh thu thuần về bán hàng <i>3. Net revenue from sale of goods</i>	10	24.1	781.453.248.995	750.502.729.896
4. Giá vốn hàng bán <i>4. Cost of goods sold</i>	11	25	(515.660.179.836)	(474.281.220.963)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng <i>5. Gross profit from sale of goods</i>	20		265.793.069.159	276.221.508.933
6. Doanh thu hoạt động tài chính <i>6. Finance income</i>	21	24.2	13.568.173.374	10.358.555.465
7. Chi phí tài chính <i>7. Finance expenses</i>	22	26	(5.382.945.285)	(4.841.580.094)
Trong đó: Chi phí lãi vay <i>In which: Interest expenses</i>	23		(2.120.543.071)	(1.716.445.439)
8. Chi phí bán hàng <i>8. Selling expenses</i>	24		(76.117.573.818)	(80.686.627.259)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>9. General and administrative expenses</i>	25		(88.224.337.382)	(86.576.596.525)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh <i>10. Operating profit</i>	30		109.636.386.048	114.475.260.520
11. Thu nhập khác <i>11. Other income</i>	31	27	2.557.162.188	3.046.540.013
12. Chi phí khác <i>12. Other expenses</i>	32	27	(1.534.352.759)	(1.162.567.960)
13. Lợi nhuận khác <i>13. Other profit</i>	40	27	1.022.809.429	1.883.972.053
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế <i>14. Profit before tax</i>	50		110.659.195.477	116.359.232.573
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành <i>15. Current corporate income tax expenses</i>	51	29	(26.177.573.872)	(31.402.253.359)
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN <i>16. Net profit after tax</i>	60		84.481.621.605	84.956.979.214
Trong đó: <i>In which:</i>				
-Lỗ thuộc về các cổ đông thiểu số <i>- Minority interests</i>	61	22	(33.880.902)	(297.581.191)
-Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ <i>- Equity holders of the parent</i>	62	21.1	84.515.502.507	85.254.560.405
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu <i>17. Earnings per share</i>	70	31		
-Lãi cơ bản <i>- Basic</i>			3.072	3.099
-Lãi suy giảm <i>- Diluted</i>			3.072	3.099



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc
General Director

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
Deputy General Director in charge of Finance

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Preparer

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

ĐVT/ Unit: VND

CHỈ TIÊU ITEMS	THUYẾT MINH CODES	MÃ SỐ CODES	NĂM NAY CURRENT YEAR	NĂM TRƯỚC PREVIOUS YEAR
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <i>I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</i>				
Tổng lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>		01	110.659.195.477	116.359.232.573
Điều chỉnh cho các khoản: <i>Adjustments for:</i>				
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định <i>Depreciation and amortisation</i>		02	30.434.760.927	29.598.980.470
Các khoản dự phòng <i>Provisions</i>		03	5.770.926.618	213.013.246
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện <i>Unrealised foreign exchange losses/(gains)</i>		04	1.095.563.545	(95.625.937)
Lãi từ hoạt động đầu tư <i>Profit from investing activities</i>		05	(12.453.846.564)	(8.456.449.700)
Chi phí lãi vay <i>Interest expenses</i>	26	06	2.120.543.071	1.716.445.439
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động <i>Operating profit before changes in working capital</i>		08	137.627.143.074	139.335.596.091
Tăng các khoản phải thu <i>Increase in receivables</i>		09	(29.268.703.195)	(40.826.949.523)
Tăng hàng tồn kho <i>Increase in inventories</i>		10	(23.786.515.585)	(4.923.454.142)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả <i>(Decrease)/increase in payables</i>		11	(7.452.293.585)	7.967.792.261
(Tăng)/giảm chi phí trả trước <i>(Increase)/decrease in prepaid expenses</i>		12	(145.023.491)	6.184.498.496
Tiền lãi vay đã trả <i>Interest paid</i>		13	(2.016.144.306)	(2.088.101.036)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp <i>Corporate income tax paid</i>	29	14	(27.645.558.723)	(41.820.498.444)
Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh <i>Other cash outflows from operating activities</i>		16	(7.085.437.841)	(2.110.781.189)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Net cash flows from operating activities</i>		20	40.227.466.348	61.718.102.514
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ <i>II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</i>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác <i>Purchase, construction of fixed assets and other long-term assets</i>		21	(16.542.024.657)	(31.511.087.893)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác <i>Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets</i>		22	300.000.000	-
Tiền chi cho vay, đầu tư ngắn hạn <i>Cash outflow for short-term investments</i>		23	(79.770.919.689)	(119.449.434.096)
Tiền thu hồi cho vay, thu từ đầu tư ngắn hạn <i>Cash inflow from short-term investments</i>		24	-	89.494.340.371
Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác <i>Payments for investments in other entities</i>		25	-	(1.241.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <i>Proceeds from sale of investments in other entities</i>		26	1.442.712.951	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia <i>Interest and dividend received</i>		27	8.892.451.188	9.828.778.615
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư <i>Net cash flows used in investing activities</i>		30	(85.677.780.207)	(52.878.403.003)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

CHỈ TIÊU ITEMS	THUYẾT MINH CODES	MÃ SỐ CODES	NĂM NAY CURRENT YEAR	NĂM TRƯỚC PREVIOUS YEAR
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được <i>Drawdown of borrowings</i>		33	175,800,781,683	87,013,746,241
Tiền chi trả nợ gốc vay <i>Repayment of borrowings</i>		34	(115,687,963,094)	(123,743,270,906)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính <i>Payment of finance lease liabilities</i>		35	(11,603,195)	-
Cổ tức đã trả cho cổ đông <i>Dividends paid to equity holders of the parent</i>		36	(30,199,520,621)	(28,090,496,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính <i>Net cash flows from/(used in) financing activities</i>		40	29,901,694,773	(64,820,021,165)
Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong năm <i>Net decrease in cash and cash equivalents</i>		50	(15,548,619,086)	(55,980,321,654)
Tiền và tương đương tiền đầu năm <i>Cash and cash equivalents at beginning of year</i>		60	51,350,127,079	107,330,448,733
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ <i>Impact of exchange rate fluctuation</i>		61	(230,800,906)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm <i>Cash and cash equivalents at end of year</i>	4	70	35,570,707,087	51,350,127,079



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc
General Director
Ngày 27 tháng 3 năm 2015 / 27 March 2015

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
Deputy General Director in charge of Finance

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Preparer



**THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**
NOTES TO THE CONSOLIDATED
FINANCIAL STATEMENTS

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, là Công ty TNHH Everpia Việt Nam. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 29 tháng 9 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (mã chứng khoán: EVE) kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.198 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.083 người).

Cơ cấu tổ chức

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam

Công ty con này là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 051033000003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp ngày 30 tháng 7 năm 2008. Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam có trụ sở chính tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam là sản xuất các loại nệm và các sản phẩm liên quan và nhập khẩu các nguyên vật liệu để sản xuất các loại nệm và sản phẩm liên quan. Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 58% tổng số vốn điều lệ của công ty con, tương đương 5.568.000.000 VNĐ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty con này đã hoàn tất thủ tục giải thể theo Quyết định của Hội đồng Quản trị ban hành ngày 3 tháng 6 năm 2014 và theo quyết định thu hồi Giấy Chứng nhận Đầu tư trước thời hạn số 1630/QĐ - UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên ngày 2 tháng 10 năm 2014.

Công ty TNHH Everpia Cambodia

Công ty con này là một công ty TNHH được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 554/BKHĐT - ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 26 tháng 9 năm 2012. Công ty TNHH Everpia Cambodia có trụ sở chính tại Số 360, đại lộ Monivong, thành phố Phnom Penh, Campuchia. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Cambodia là kinh doanh vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi sách, đồ lót và các mặt hàng khác; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi sách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu các sản phẩm vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi sách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định pháp luật của Campuchia.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

1. CORPORATE INFORMATION

Everpia Vietnam Joint Stock Company (“the Company”) is a joint stock company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam following a change in its legal form, from a 100% foreign-owned company, Everpia Vietnam Co., Ltd., in pursuant to the Investment Certificate No. 011033000055 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on 27 April 2007, and the subsequent amended investment certificates, with the latest is the 14th Amended Investment Certificate, being granted on 29 September 2014.

The shares of the Company have been officially listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange from 17 December 2010 under Decision No. 247/2010/QĐ-SGDHCM by the Director of the Ho Chi Minh City Stock Exchange dated 30 November 2010.

The principal activities of the Company are to produce non-knitting cloth, filter cloth, wool, blanket, bedding, padding, pillow, knapsacks, bags, underclothes and other garment products.

The Company has its head office located at Duong Xa Commune, Gia Lam District, Hanoi and five branch offices located in Hung Yen, Ho Chi Minh City, Hoa Binh, Dong Nai and Da Nang.

The number of the Company’s employees as at 31 December 2014 is 1,198 (31 December 2013: 1,083).

Corporate structure

Details of the subsidiaries and the percentage of the Company’s voting and interests in its subsidiaries as at 31 December 2014 are as follows:

Mattpia Vietnam Joint Stock Company

This is a joint stock company established in pursuant with the Investment Certificate No. 051033000003 issued by Hung Yen People’s Committee on 30 July 2008. Mattpia Vietnam Joint Stock Company is located at Tan Quang commune, Van Lam District, Hung Yen Province. Principal activities of Mattpia Vietnam Joint Stock Company are to produce mattresses and related products and import of raw materials for the manufacture of mattresses and related products. Under this subsidiary’s Investment Certificate, the Company holds 58% of the total charter capital of Mattpia Vietnam Joint Stock Company, equivalent to VND 5,568,000,000.

As at 31 December 2014, this subsidiary has completed the liquidation process following the Decision of the Board of Directors dated 3 June 2014 and the Decision No. 1630/QĐ-UBND of Hung Yen People’s Committee dated 2 October 2014 on the withdrawal of the investment certificate and the closure of this company.

Everpia Cambodia Co., Ltd

This is a limited liability company established in pursuant with the Investment Certificate No. 554/BKHĐT – ĐTRNN issued by the Ministry of Investment and Planning of Vietnam on 26 September 2012. Everpia Cambodia Co., Ltd is located at No. 360, Monivong, Phnom Penh City, Kingdom of Cambodia. The principal activities of Everpia Cambodia Co., Ltd are to produce non-woven, filter cloth, felt, quilt bedspread, pillows, mattresses, sleeping bags, backpacks, handbags, lingerie and other items; consulting and technology transfer in the field of manufacturing and trading of non-woven fabrics, filter fabrics, felts, blankets, bed sheets, pillows, mattresses, sleeping bags, backpacks, handbags, lingerie and items other garments; perform the import and export of non-woven products, filter fabrics, felts, blankets, bed sheets, pillows, mattresses, sleeping bags, backpacks, handbags, underwear and other garments under the laws of the Kingdom of Cambodia.

As at 31 December 2014, the Company holds 100% ownership interest in this subsidiary.

2. BASIS OF PREPARATION

2.1 Accounting standards and system

The consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries, which are expressed in Vietnam dong (“VND”), are prepared in accordance with Vietnamese Enterprise Accounting System and Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance as per:

- Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying consolidated balance sheet, consolidated income statement, consolidated cash flow statement and related notes, including their utilisation are not designed for those who are not informed about Vietnam’s accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the financial position and results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

2.2 Applied accounting documentation system

The Company’s applied accounting documentation system is the General Journal system.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (TIẾP THEO)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu

- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2. BASIS OF PREPARATION (CONTINUED)

2.3 Fiscal year

The Company's fiscal year applicable for the preparation of its financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

2.4 Accounting currency

The consolidated financial statements are prepared in Vietnam Dong (“VND”) which is also the Company's accounting currency.

2.5 Basis of consolidation

The consolidated financial statements comprise the financial statements of the parent company and its subsidiaries for the year ended 31 December 2014.

Subsidiary is fully consolidated from the date of acquisition, being the date on which the Company obtains control, and continued to be consolidated until the date that such control ceases.

The financial statements of the subsidiaries are prepared for the same reporting period as the parent company, using consistent accounting policies.

All intra-company balances, income and expenses and unrealised gains or losses resulting from intra-company transactions are eliminated in full. Minority interests represent the portion of profit or loss and net assets not held by the Company and are presented separately in the consolidated income statement and within equity in the consolidated balance sheet, separately from parent shareholders' equity.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

3.1 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash at banks and short-term, highly liquid investments with an original maturity of less than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

3.2 Inventories

Inventories are stated at the lower of cost incurred in bringing each product to its present location and condition, and net realisable value.

Net realisable value represents the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs to complete and the estimated costs necessary to make the sale.

The perpetual method is used to record inventories, which are valued as follows:

Raw materials

- cost of purchase on a weighted average cost basis.

Finished goods, work in progress

- cost of direct materials and labour plus attributable manufacturing overheads based on the normal operating capacity on a weighted average basis.

Provision for obsolete inventories

An inventory provision is created for the estimated loss arising due to the impairment of value (through diminution, damage, obsolescence, etc.) of raw materials, finished goods, and other inventories owned by the Company, based on appropriate evidence of impairment available at the balance sheet date.

Increases and decreases to the provision balance are recorded into the cost of goods sold account in the consolidated income statement.

3.3 Receivables

Receivables are presented in the consolidated financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents amounts of outstanding receivables at the balance sheet date which are doubtful of being recovered. Increases and decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expense in the consolidated income statement.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Thương hiệu, kênh phân phối

Giá trị thương hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo giá mua trên các hợp đồng chuyển nhượng thương hiệu và kênh phân phối.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 30 năm
Máy móc thiết bị	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	20 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định khác	4 năm

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

3.4 Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises of its purchase price and any directly attributable costs of bringing the tangible fixed asset to working condition for its intended use.

Expenditures for additions, improvements and renewals are added to the carrying amount of the assets and expenditures for maintenance and repairs are charged to the income statement as incurred.

When tangible fixed assets are sold or retired, their costs and accumulated depreciation are removed from the balance sheet and any gain or loss resulting from their disposal is included in the income statement.

3.5 Leased assets

The determination of whether an arrangement is, or contains a lease is based on the substance of the arrangement at inception date and requires an assessment of whether the fulfilment of the arrangement is dependent on the use of a specific asset and the arrangement conveys a right to use the asset.

A lease is classified as a finance lease whenever the terms of the lease transfer substantially all the risks and rewards of ownership of the asset to the lessee. All other leases are classified as operating leases.

Assets held under finance leases are capitalised in the balance sheet at the inception of the lease at the fair value of the leased assets or, if lower, at the net present value of the minimum lease payments. The principal amount included in future lease payments under finance leases are recorded as a liability. The interest amounts included in lease payments are charged to the income statement over the lease term to achieve a constant rate on interest on the remaining balance of the finance lease liability.

Capitalised financial leased assets are depreciated using straight-line basis over the shorter of the estimated useful life of the asset and the lease term, if there is no reasonable certainty that the Company will obtain ownership by the end of the lease term.

Rentals under operating leases are charged to the income statement on a straight-line basis over the lease term.

3.6 Intangible assets

Intangible assets are stated at cost less accumulated amortisation.

The cost of an intangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of preparing the intangible fixed asset for its intended use.

Expenditures for additions, improvements are added to the carrying amount of the assets and other expenditures are charged to the income statement as incurred.

When intangible assets are sold or retired, their costs and accumulated amortisation are removed from the balance sheet and any gain or loss resulting from their disposal is included in the income statement.

Trade mark, distribution channels

Trade mark and distribution channels are recognised as intangible assets at purchase price as indicated in the purchase contract.

3.7 Depreciation and amortisation

Depreciation of tangible fixed assets and amortisation intangible fixed assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Buildings and structures	25 - 30 years
Machinery and equipment	6 - 15 years
Office equipment	6 - 8 years
Means of transportation	9 - 10 years
Others tangible fixed assets	4 - 10 years
Trade mark	20 years
Distribution channels	15 years
Computer software	4 years
Other intangible fixed assets	4 years

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm và các khoản tiền gửi ngắn hạn. Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các loại cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết có thời gian đầu tư dự kiến trên một năm.

Dự phòng cho các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tài Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.12 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

3.8 Borrowing costs

Borrowing costs consist of interest and other costs that an entity incurs in connection with the borrowing of funds.

Borrowing costs are recorded as expense during the year in which they are incurred, except to the extent that they are capitalized as explained in the following paragraph.

Borrowing costs that are directly attributable to the acquisition, construction or production of an asset that necessarily take a substantial period of time to get ready for its intended use or sale are capitalized as part of the cost of the respective asset.

3.9 Payables and accruals

Payables and accruals are recognised for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Company.

3.10 Investments in securities and other investments

Investments in securities and other investments are stated at their acquisition costs.

Short-term investments include quoted and non-quoted securities which are expected to be held in less than one year, and short-term bank deposits. Long-term investments include quoted and non-quoted securities, which are expected to be held for more than one year.

Provision for diminution in value of investments

Provision is made for any diminution in value of the investments at the balance sheet date in accordance with the guidance under the Circular No. 228/2009/TT-BTC dated 7 December 2009 and Circular No. 89/2013/TT-BTC dated 26 June 2013 issued by the Ministry of Finance. Increases and decreases in the provision balance are recorded as finance expense in the consolidated income statement.

3.11 Scientific and technological development fund

Scientific and technological development fund is appropriated for scientific and technological activities of the Company in accordance with Circular No. 15/2011/TT-BTC dated 09 February 2011 issued by the Ministry of Finance. The annually appropriated amount is approved by the Board of Directors based on the annual budget proposed for scientific and technological activities and will not exceed 10% of taxable income. The appropriated amount is charged to the income statement for the year.

The amount appropriated to scientific and technological development fund is eligible for corporate income tax deduction. For the subsequent 5 years from the year the fund is appropriated, if scientific and technological development fund is unused or used up to 70% or used for improper purposes, the Company will have to pay the corporate income tax on the balance of the fund which is unused, or un-used up to 70%, or used for improper purposes, as well as the interest arising from such tax amount.

3.12 Accrual for severance pay

The severance pay to employee is accrued at the end of each reporting year for all employees who have more than 12 months in service up to 31 December 2008 at the rate of one-half of the average monthly salary for each year of service up to the balance sheet date in accordance with the Labour Code, the Law on Social Insurance and related implementing guidance. Commencing 1 January 2009, the average monthly salary used in this calculation will be revised at the end of each reporting year following the average monthly salary of the 6-month period up to the reporting date. Any increase to the accrued amount will be taken to the consolidated income statement.

This accrued severance pay is used to settle the termination allowance to be paid to employee upon termination of their labour contract following Article 48 of the Labour Code.

3.13 Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than the Company's reporting currency (VND) are recorded at the exchange rates ruling at the date of the transaction. At the end of the year, monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies are translated at buying exchange rate announced by the commercial bank where the Company maintains its bank accounts at the balance sheet date. All realised and unrealised foreign exchange differences are taken to the income statement.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.14 Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo của cơ sở nước ngoài hoạt động độc lập

Việc chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo cho mục đích kế toán được xử lý dựa trên các nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả (gồm cả các khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) đều được quy đổi theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày lập báo cáo tài chính (tỷ giá quy đổi 1 đô la Mỹ sang đồng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 21.246; tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21.036);
- Khoản mục vốn chủ sở hữu được quy đổi theo tỷ giá hối đoái thực tế ngày phát sinh giao dịch; và
- Các khoản mục về thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình của kỳ báo cáo (tỷ giá trung bình quy đổi 1 đô la Mỹ sang đồng Việt Nam trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 21.141, và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 20.932).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo được ghi nhận như một phần riêng biệt của vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư trong cơ sở nước ngoài hoạt động độc lập.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

- Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo hợp nhất.

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

3.14 Foreign exchange differences arising from the conversion of reporting currency of a foreign entity

Foreign exchange differences arising from the conversion of reporting currency for accounting purposes are treated in accordance with the following principles:

- Assets and liabilities (both monetary and non-monetary items) are translated at the interbank exchange rate ruling at the balance sheet date (the exchange rate between USD and VND at 31 December 2014: 21,246; and at 31 December 2013: 21,036);
- Owners' contributed capital are translated at the exchange rate ruling at the date of the transactions; and
- Income and expenses are recorded at the average exchange rate during the reporting year (the average exchange rate between USD and VND during the year ended 31 December 2014: 21,246; and during the year ended 31 December 2013: 21,036).

All foreign exchange differences arising from the conversion for reporting purposes are taken to equity in the balance sheet until disposal.

3.15 Treasury shares

Own equity instruments which are reacquired (treasury shares) are recognised at cost and deducted from equity. No gain or loss is recognised in profit or loss upon purchase, sale, issue or cancellation of the Company's own equity instruments.

3.16 Appropriation of net profits

Net profit after tax (excluding unrealised exchange gains as at the balance sheet date) is available for appropriation to shareholders after approval in the annual general meeting, and after making appropriation to reserve funds in accordance with the Company's Charter and Vietnam's regulatory requirements.

The Company maintains the following reserve funds which are appropriated from the Company's net profit as proposed by the Board of Directors and approved at the annual general shareholders' meeting.

- Financial reserve fund

This fund is set aside to protect the Company's normal operations from business risks or losses, or to prepare for unforeseen losses or damages for objective reasons and force majeure, such as fire, economic and financial turmoil of the country or elsewhere.

- Investment and development fund

This fund is set aside for use in the Company's expansion of its operations or in-depth investments.

- Bonus and welfare fund

This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouraging, common benefits and improvement of the employees' benefits and presented as a liability on the consolidated balance sheet.

- Other fund belonging to owner's equity

This fund is set aside for other purposes of the Company's operations following the decision at the general shareholders' meeting.

3.17 Revenue recognition

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received or receivable, excluding trade discount, rebate and sales return. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:

Sale of goods

Revenue is recognised when the significant risks and rewards of ownership of the goods have passed to the buyer, usually upon the delivery of the goods.

Interest

Revenue is recognised as the interest accrues (taking into account the effective yield on the asset) unless collectability is in doubt.

Dividends

Income is recognised when the Company's entitlement as an investor to receive the dividend is established.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nộp khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

3.18 Taxation

Current income tax

Current income tax assets and liabilities for the current and prior years are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Company to set off current tax assets against current tax liabilities and when the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

Deferred tax

Deferred tax is provided using the liability method on temporary differences at the balance sheet date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purposes.

Deferred tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences, except:

- where the deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the related transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss;
- in respect of taxable temporarily differences associated with investments in subsidiaries and associates, and interests in joint ventures where timing of the reversal of the temporary difference can be controlled and it is probable that the temporary difference will not reverse in the foreseeable future.

Deferred tax assets are recognised for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilised, except:

- where the deferred tax asset in respect of deductible temporary difference which arises from the initial recognition of an asset or liability which at the time of the related transaction, affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss;
- in respect of deductible temporarily differences associated with investments in subsidiaries, associates, and interests in joint ventures, deferred tax assets are recognised only to the extent that it is probable that the temporary differences will reverse in the foreseeable future and taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised.

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred tax asset to be utilised. Previously unrecognised deferred tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are recognised to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

Deferred tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the year when the asset is realised or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.

Deferred tax is charged or credited to the income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Company to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority on

- either the same taxable entity; or
- when the Company intends either settle current tax liabilities and assets on a net basis or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously, in each future year in which significant amounts of deferred tax liabilities or assets are expected to be settled or recovered.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.19 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác và các khoản vay và nợ.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	403.892.158	651.947.729
Tiền gửi ngân hàng	27.466.814.929	14.102.433.887
Các khoản tương đương tiền (*)	7.700.000.000	36.595.745.463
	35.570.707.087	51.350.127.079

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 5%/năm đến 5,6%/năm.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn (*)	185.014.000.000	105.858.839.889
Cho vay bên liên quan (**) (Thuyết minh số 30)	615.759.578	-
	185.629.759.578	105.858.839.889

(*) Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất từ 5%/năm đến 7%/năm.

(**) Đây là khoản cho cá nhân ông Cho Yong Hwan (Phó Tổng Giám đốc) vay không có tài sản đảm bảo với thời hạn 1 năm và lãi suất 8%/năm.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

3.19 Financial instruments

Financial instruments – initial recognition and presentation

Financial assets

Financial assets within the scope of Circular No. 210/2009/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 6 November 2009 providing guidance for the adoption in Vietnam of the International Financial Reporting Standards on presentation and disclosures of financial instruments (“Circular 210”) are classified, for disclosures in the notes to the financial statements, as financial assets at fair value through profit or loss, held-to-maturity investments, loans and receivables or available-for-sale financial assets as appropriate. The Company determines the classification of its financial assets at initial recognition.

All financial assets are recognised initially at cost plus directly attributable transaction costs.

The Company’s financial assets include cash and short-term deposits, trade and other receivables, and other investments.

Financial liabilities

Financial liabilities within the scope of Circular 210 are classified, for disclosures in the notes to the consolidated financial statements, as financial liabilities at fair value through profit or loss or financial liabilities measured at amortised cost as appropriate. The Company determines the classification of its financial liabilities at initial recognition.

All financial liabilities are recognised initially at cost plus directly attributable transaction costs.

The Company’s financial liabilities include trade and other payables, loans and borrowings.

Financial instruments – subsequent re-measurement

There is currently no guidance in Circular 210 in relation to subsequent re-measurement of financial instruments. Accordingly, the financial instruments are subsequently carried at cost.

Offsetting of financial instruments

Financial assets and financial liabilities are offset and the net amount reported in the consolidated balance sheet if, and only if, there is a currently enforceable legal right to offset the recognised amounts and there is an intention to settle on a net basis, or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously.

4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	Currency: VND	
	Ending balance	Beginning balance
Cash on hand	403,892,158	651,947,729
Cash in banks	27,466,814,929	14,102,433,887
Cash equivalents (*)	7,700,000,000	36,595,745,463
	35,570,707,087	51,350,127,079

(*) Cash equivalents comprise deposits with terms of less than 3 months and which earn interest at rates ranging from 5% to 5.6% per annum.

5. SHORT-TERM INVESTMENTS

	Currency: VND	
	Ending balance	Beginning balance
Short-term investments (*)	185,014,000,000	105,858,839,889
Loans to related parties (**) (Note 30)	615,759,578	-
	185,629,759,578	105,858,839,889

(*) Short-term investments include deposits with maturity over 3 months to 1 year, which earn interest from 5% to 7% per annum.

(**) This is the unsecured loan to Mr. Cho Yong Hwan (Deputy General Director), with a term of 1 year and earns interest at 8% per annum.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	139.778.008.253	115.960.859.621
139.778.008.253	115.960.859.621	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.962.437.255)	(4.801.661.893)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	57.834.336	-
Lãi tiền gửi	1.230.614.156	962.018.628
Cho thuê máy móc	893.491.200	893.491.200
Cho vay xơ	252.051.882	252.051.882
Phải thu nhân viên	98.599.640	98.599.640
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	389.809.964	109.456.224
Phải thu khác	273.209.460	391.627.901
3.195.610.638	2.707.245.475	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(1.275.326.796)	(1.275.326.796)

8. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	135.023.368.534	136.792.109.781
Nguyên liệu, vật liệu	172.643.134.209	148.273.840.909
Hàng mua đang đi đường	1.227.767.840	5.458.723.124
Hàng hóa	10.887.345.939	5.927.434.861
Hàng gửi đi bán	-	587.751
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.195.161.225	874.533.281
Công cụ, dụng cụ	-	11.400.000
320.976.777.747	297.338.629.707	

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	4.610.151.256	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	4.610.151.256	-

6. TRADE RECEIVABLES

	Currency: VND	
	Ending balance	Beginning balance
Short-term trade receivables	139,778,008,253	115,960,859,621
139,778,008,253	115,960,859,621	
Provision for short-term doubtful debts	(5,962,437,255)	(4,801,661,893)

7. OTHER RECEIVABLES

	Currency: VND	
	Ending balance	Beginning balance
Shortage of assets awaiting for resolution	57,834,336	-
Interest receivable	1,230,614,156	962,018,628
Rental of machineries	893,491,200	893,491,200
Fabric receivable	252,051,882	252,051,882
Receivable from employees	98,599,640	98,599,640
Import tax	389,809,964	109,456,224
Other receivables	273,209,460	391,627,901
3,195,610,638	2,707,245,475	
Provision for other short-term receivables	(1,275,326,796)	(1,275,326,796)

8. INVENTORIES

	Currency: VND	
	Ending balance	Beginning balance
Finished goods	135,023,368,534	136,792,109,781
Raw materials	172,643,134,209	148,273,840,909
Goods in transit	1,227,767,840	5,458,723,124
Merchandise	10,887,345,939	5,927,434,861
Goods on consignment	-	587,751
Work in process	1,195,161,225	874,533,281
Tools and supplies	-	11,400,000
320,976,777,747	297,338,629,707	

Movements of provision for obsolete inventories:

	Currency: VND	
	Current year	Previous year
Beginning balance	-	-
Add: Provision created during the year	4,610,151,256	-
Less: Utilisation and reversal of provision during the year	-	-
Ending balance	4,610,151,256	-

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	156.119.943.822	202.694.200.931	11.468.909.243	18.966.649.229	18.199.331.464	407.449.034.689
Phân loại lại	-	-	7.787.313.599	(7.787.313.599)	-	-
Mua trong năm	115.172.999	13.631.433.268	714.545.455	-	161.715.962	14.622.867.684
Tăng khác (*)	18.899.889	3.210.879	-	1.432.200	550.305	24.093.273
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(412.461.182)	-	-	(412.461.182)
Giảm khác (**)	-	(1.108.409.992)	-	-	-	(1.108.409.992)
Số cuối năm	156.254.016.710	215.220.435.086	19.558.307.115	11.180.767.830	18.361.597.731	420.575.124.472
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	26.654.431.199	111.502.096.736	7.742.660.555	6.347.655.162	4.466.182.005	156.713.025.657
Phân loại lại	-	-	(1.593.201.789)	1.593.201.789	-	-
Khấu hao trong năm	6.069.609.517	15.969.440.810	2.134.664.773	1.517.013.867	2.131.573.083	27.822.302.050
Tăng khác (*)	1.023.744	1.072.806	-	457.537	344.728	2.898.815
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(247.476.707)	-	-	(247.476.707)
Giảm khác (**)	-	(1.199.538.822)	-	-	-	(1.199.538.822)
Số cuối năm	32.725.064.460	126.273.071.530	8.036.646.832	9.458.328.355	6.598.099.816	183.091.210.993
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	129.465.512.623	91.192.104.195	3.726.248.688	12.618.994.067	13.733.149.459	250.736.009.032
Số cuối năm	123.528.952.250	88.947.363.556	11.521.660.283	1.722.439.475	11.763.497.915	237.483.913.479

(*) Tăng khác là khoản tăng do chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính từ đô la Mỹ sang Việt Nam đồng của Công ty TNHH Everpia Cambodia, công ty con.

(**) Giảm khác chủ yếu là do giải thể Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam, công ty con, trong năm 2014.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND
Thiết bị văn phòng

Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Thuê trong năm	113.556.756
Số cuối năm	113.556.756
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	7.570.448
Số cuối năm	7.570.448
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	105.986.308

Đây là tài sản máy photo thuê tài chính theo hợp đồng số No.B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

9. TANGIBLE FIXED ASSETS

Currency: VND

	Buildings and structures	Machineries and equipment	Office equipment	Motor vehicles	Others	Total
Cost:						
Beginning balance	156,119,943,822	202,694,200,931	11,468,909,243	18,966,649,229	18,199,331,464	407,449,034,689
Reclassification	-	-	7,787,313,599	(7,787,313,599)	-	-
Newly purchased	115,172,999	13,631,433,268	714,545,455	-	161,715,962	14,622,867,684
Other additions (*)	18,899,889	3,210,879	-	1,432,200	550,305	24,093,273
Disposals	-	-	(412,461,182)	-	-	(412,461,182)
Other decreases (**)	-	(1,108,409,992)	-	-	-	(1,108,409,992)
Ending balance	156,254,016,710	215,220,435,086	19,558,307,115	11,180,767,830	18,361,597,731	420,575,124,472
Accumulated depreciation:						
Beginning balance	26,654,431,199	111,502,096,736	7,742,660,555	6,347,655,162	4,466,182,005	156,713,025,657
Reclassification	-	-	(1,593,201,789)	1,593,201,789	-	-
Depreciation for the year	6,069,609,517	15,969,440,810	2,134,664,773	1,517,013,867	2,131,573,083	27,822,302,050
Other increases (*)	1,023,744	1,072,806	-	457,537	344,728	2,898,815
Disposal	-	-	(247,476,707)	-	-	(247,476,707)
Other decreases (**)	-	(1,199,538,822)	-	-	-	(1,199,538,822)
Ending balance	32,725,064,460	126,273,071,530	8,036,646,832	9,458,328,355	6,598,099,816	183,091,210,993
Net carrying amount:						
Beginning balance	129,465,512,623	91,192,104,195	3,726,248,688	12,618,994,067	13,733,149,459	250,736,009,032
Ending balance	123,528,952,250	88,947,363,556	11,521,660,283	1,722,439,475	11,763,497,915	237,483,913,479

(*) Other additions represent the exchange difference upon conversion of the USD denominated financial statements of Everpia Cambodia Co., Ltd., a subsidiary.

(**) Other decreases pertain mainly to the liquidation of Mattpia Vietnam Joint Stock Company, a subsidiary, in 2014.

10. FINANCE LEASE ASSETS

Currency: VND
Office equipment

Cost:	
Beginning balance	-
Addition	113,556,756
Ending balance	113,556,756
Accumulated depreciation:	
Beginning balance	-
Depreciation for the year	7,570,448
Ending balance	7,570,448
Net carrying amount:	
Beginning balance	-
Ending balance	105,986,308

This is the photocopy machine leased under the Contract No. B140301607 dated 24 March 2014 between the Company and Chailease International Leasing Co., Ltd., with the term of 48 months and bears interest at 1.83%/month.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Thương hiệu	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	23.494.500.000	7.831.500.000	6.035.754.189	686.893.687	38.048.647.876
Giảm khác (*)	-	-	(25.000.000)	-	(25.000.000)
Số cuối năm	23.494.500.000	7.831.500.000	6.010.754.189	686.893.687	38.023.647.876
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	12.458.267.773	5.766.049.155	2.350.838.448	585.780.320	21.160.935.696
Hao mòn trong năm	1.226.248.025	516.362.695	612.796.797	101.113.367	2.456.520.884
Giảm khác (*)	-	-	(9.375.012)	-	(9.375.012)
Số cuối năm	13.684.515.798	6.282.411.850	2.954.260.233	686.893.687	23.608.081.568
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	11.036.232.227	2.065.450.845	3.684.915.741	101.113.367	16.887.712.180
Số cuối kỳ	9.809.984.202	1.549.088.150	3.056.493.956	-	14.415.566.308

(*) Đây là khoản giảm tài sản do công ty con là Công ty TNHH Mattpia Việt Nam đã giải thể trong năm

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Đây là tài sản trên đất được mua trong năm 2013 nhằm phục vụ cho mục đích hoạt động của chi nhánh Công ty tại Hòa Bình. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa hoàn tất quá trình đăng ký, chuyển giao các tài sản này.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 cổ phiếu, và với giá trị là 2.638.200.000 đồng.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê mặt bằng (*)	8.288.275.325	8.742.325.475
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất	2.591.175.984	2.263.186.852
Thiết bị quản lý văn phòng	1.865.591.945	2.181.874.323
Khác	777.077.532	1.078.914.663
	13.522.120.786	14.266.301.313

(*) Đây là khoản trả trước tiền thuê mặt bằng tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại theo Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty.

11. INTANGIBLE FIXED ASSETS

Currency: VND

	Trade mark	Distribution channel	Computer software	Others	Total
Cost:					
Beginning balance	23,494,500,000	7,831,500,000	6,035,754,189	686,893,687	38,048,647,876
Other decreases (*)	-	-	(25,000,000)	-	(25,000,000)
Ending balance	23,494,500,000	7,831,500,000	6,010,754,189	686,893,687	38,023,647,876
Accumulated amortisation:					
Beginning balance	12,458,267,773	5,766,049,155	2,350,838,448	585,780,320	21,160,935,696
Amortization for the year	1,226,248,025	516,362,695	612,796,797	101,113,367	2,456,520,884
Other decreases (*)	-	-	(9,375,012)	-	(9,375,012)
Ending balance	13,684,515,798	6,282,411,850	2,954,260,233	686,893,687	23,608,081,568
Net carrying amount:					
Beginning balance	11,036,232,227	2,065,450,845	3,684,915,741	101,113,367	16,887,712,180
Ending balance	9,809,984,202	1,549,088,150	3,056,493,956	-	14,415,566,308

(*) These are the reductions due to the liquidation of Mattpia Vietnam Joint Stock Company, a subsidiary, in 2014.

12. CONSTRUCTION IN PROGRESS

Construction in progress represents the assets on land purchased in 2013 for the Company's branch in Hoa Binh. As at 31 December 2014, the Company has yet completed the necessary procedures for the transfer and registration of those assets.

13. OTHER LONG-TERM INVESTMENTS

Other long term investments represent the investment in the shares of Bac Ninh Pharmaceutical Joint Stock Company, with 172,000 shares at the cost of VND 2,638,200,000.

14. LONG-TERM PREPAID EXPENSES

Currency: VND

	Ending balance	Beginning balance
Prepaid rentals (*)	8,288,275,325	8,742,325,475
Tools and dies for production	2,591,175,984	2,263,186,852
Office equipment	1,865,591,945	2,181,874,323
Others	777,077,532	1,078,914,663
	13,522,120,786	14,266,301,313

(*) Prepaid rentals represent the payment for the long-term lease of retail area at Keangnam Building, Pham Hung street, Hanoi for a period of 45 years commencing from 2012. Prepaid land rentals are allocated to the income statement on a straight-line basis over 32 years from 2012, which corresponds to the remaining period of the Company's Investment Certificate.

15. VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	41.642.631.735	-
Ngân hàng Woori, chi nhánh Hà Nội	8.510.653.044	-
EP International Co., Ltd.	2.124.600.000	1.311.440.000
	52.277.884.779	1.311.440.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất /năm	Hình thức đảm bảo
	VND	(Nguyên tệ USD)			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	41.642.631.735	1.952.303	6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là ngày 17 tháng 6 năm 2015	2,73%	Vay tín chấp bằng thư bảo lãnh của ông Lee Jae Eun, Tổng Giám đốc
Ngân hàng Woori, chi nhánh Hà Nội	8.510.653.044	397.601	6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 24 tháng 1 năm 2015	2,73%	Vay tín chấp bằng thư bảo lãnh của ông Lee Jae Eun, Tổng Giám đốc
EP International Co Ltd.	2.124.600.000	100.000	29 tháng 11 năm 2015	5%	Không
	52.277.884.779	2.449.904			

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	95.127.000	3.946.312.171
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29)	23.233.565.792	24.701.550.643
Thuế thu nhập cá nhân	772.724.526	789.932.744
Các loại thuế khác	2.545.530	18.682.455
	24.103.962.848	29.456.478.013

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	4.236.487.616	3.666.662.144
Bảo hiểm xã hội	187.029.364	351.387.717
Phải trả cổ tức	25.189.829	101.534.500
Doanh thu chưa thực hiện	587.599.234	195.636.362
Kinh phí công đoàn	30.039.037	808.800
Phải khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	815.905.963	583.267.504
	5.882.251.043	4.899.297.027

15. SHORT-TERM LOANS AND BORROWINGS

	Currency: VND	
	Ending balance	Beginning balance
Shihan Bank Vietnam Limited	41,642,631,735	-
Woori Bank, Hanoi Branch	8,510,653,044	-
EP International Co., Ltd.	2,124,600,000	1,311,440,000
	52,277,884,779	1,311,440,000

Details of the short-term loans from banks are as follows:

Bank	Ending balance		Principal repayment term	Interest rate per annum	Description of collateral
	VND	Original currency (USD)			
Shinhan Vietnam One Member Limited Bank	41,642,631,735	1,952,303	6 months since loan drawdown date. Final principal repayment on 17 June 2015	2,73%	Guarantee Letter by Mr Lee Jae Eun, General Director
Woori Bank, Hanoi Branch	8,510,653,044	397,601	6 months since loan drawdown date. Final principal repayment on 24 January 2015	2,73%	Guarantee Letter by Mr Lee Jae Eun, General Director
EP International Co., Ltd.	2,124,600,000	100,000	29 November 2015	5%	None
	52,277,884,779	2,449,904			

16. STATUTORY OBLIGATIONS

	Currency: VND	
	Ending balance	Beginning balance
Value added tax	95,127,000	3,946,312,171
Corporate income tax (Note 29)	23,233,565,792	24,701,550,643
Personal income tax	772,724,526	789,932,744
Other taxes	2,545,530	18,682,455
	24,103,962,848	29,456,478,013

17. OTHER PAYABLES

	Currency: VND	
	Ending balance	Beginning balance
Surplus assets awaiting resolution	4,236,487,616	3,666,662,144
Social insurance	187,029,364	351,387,717
Dividends payable	25,189,829	101,534,500
Unearned revenue	587,599,234	195,636,362
Trade union fee	30,039,037	808,800
Others	815,905,963	583,267,504
	5,882,251,043	4,899,297,027

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.301.801.499	2.484.603.536
Phải trả dài hạn khác	316.868.000	821.868.000
	3.618.669.499	3.306.471.536

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn từ ngân hàng	10.094.849.100	-
Nợ thuê tài chính (*)	101.953.561	-
	10.196.802.661	-

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất /năm	Hình thức đảm bảo
	VND	(Nguyên tệ USD)			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	10.094.849.100	473.270	Ngày 28 tháng 7 năm 2019	2,93%	Vay tín chấp bằng thư bảo lãnh của ông Lee Jae Eun, Tổng Giám đốc
	10.094.849.100	473.270			

(*) Đây là khoản nợ thuê máy photo theo theo hợp đồng Số B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Chaillease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	11.010.259.491	14.400.000.000
Tăng trong năm:		
- Trích từ lợi nhuận chưa phân phối Giảm trong năm:	-	-
- Sử dụng quỹ trong năm	(3.273.656.441)	(3.389.740.509)
Số cuối năm	7.736.603.050	11.010.259.491

18. OTHER LONG-TERM LIABILITIES

	Currency: VND	
	Ending balance	Beginning balance
Provision for severance pay	3,301,801,499	2,484,603,536
Other long term payables	316,868,000	821,868,000
	3,618,669,499	3,306,471,536

19. LONG-TERM LOANS AND DEBTS

	Currency: VND	
	Ending balance	Beginning balance
Long term loans from banks	10,094,849,100	-
Finance lease (*)	101,953,561	-
	10,196,802,661	-

Details of long term loans from banks are as follow:

Bank	31 December 2014		Principal due date	Interest rate per annum	Description of collateral
	VND	Original currency (USD)			
Shinhan Vietnam One Member Limited Bank	10,094,849,100	473,270	28 July 2019	2,93%	Guarantee Letter by Mr Lee Jae Eun, General Director
	10,094,849,100	473,270			

(*) This is the liability for the lease of a photocopy machine under the Contract No. B140301607 dated 24 March 2014 between the Company and Chaillease International Leasing Co., Ltd., with the term of 48 months and bears interest at 1.83%/month.

20. SCIENTIFIC AND TECHNOLOGICAL DEVELOPMENT FUND

	Currency: VND	
	Beginning balance	Ending balance
Beginning balance	11,010,259,491	14,400,000,000
Increase during the year:		
- Transfer from undistributed profit	-	-
Decrease during the year:		
- Use of fund during the year	(3,273,656,441)	(3,389,740,509)
Ending balance	7,736,603,050	11,010,259,491

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	279.865.180.000	191.000.000.000	(10.491.434.356)	9.010.799.401	-	251.602.226.132	720.986.771.177
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	85.254.560.405	85.254.560.405
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	3.803.215.799	-	(3.803.215.799)	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	32.749.178	-	32.749.178
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	-	(27.507.218.000)	(27.507.218.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.780.176.423)	-	285.279.106	(1.494.897.317)
Số cuối năm	<u>279.865.180.000</u>	<u>191.000.000.000</u>	<u>(10.491.434.356)</u>	<u>11.033.838.777</u>	<u>32.749.178</u>	<u>305.831.631.844</u>	<u>777.271.965.443</u>
Năm nay							
Số đầu năm	279.865.180.000	191.000.000.000	(10.491.434.356)	11.033.838.777	32.749.178	305.831.631.844	777.271.965.443
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	84.515.502.507	84.515.502.507
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	4.241.907.050	-	(4.241.907.050)	-
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	-	(30.224.710.450)	(30.224.710.450)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(105.123.539)	37.459.518	(67.664.021)
Giảm khác (*)	-	-	-	(7.047.838.105)	-	-	(7.047.838.105)
Số cuối năm	<u>279.865.180.000</u>	<u>191.000.000.000</u>	<u>(10.491.434.356)</u>	<u>8.227.907.722</u>	<u>(72.374.361)</u>	<u>355.917.976.369</u>	<u>824.447.255.374</u>

(*) Trong năm, Công ty đã sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình xin phê duyệt từ Hội đồng Quản trị về việc sử dụng quỹ này.

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp	279.865.180.000	279.865.180.000	279.865.180.000	279.865.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.000.000.000	191.000.000.000	191.000.000.000	191.000.000.000
	<u>470.865.180.000</u>	<u>470.865.180.000</u>	<u>470.865.180.000</u>	<u>470.865.180.000</u>

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

Vốn cổ phần đã góp	Năm nay	Năm trước
	Số đầu năm	279.865.180.000
Tăng vốn trong năm	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>279.865.180.000</u>	<u>279.865.180.000</u>

21. OWNERS' EQUITY

21.1 Increase and decrease in owners' equity

Currency: VND

	Charter capital	Share premium	Treasury shares	Other funds belonging to owner's equity	Foreign exchange reserve	Undistributed earnings	Total
Previous year							
Beginning balance	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	9,010,799,401	-	251,602,226,132	720,986,771,177
- Net profit for the year	-	-	-	-	-	85,254,560,405	85,254,560,405
- Appropriation to reserve	-	-	-	3,803,215,799	-	(3,803,215,799)	-
- Exchange rate differences	-	-	-	-	32,749,178	-	32,749,178
- Dividends declared	-	-	-	-	-	(27,507,218,000)	(27,507,218,000)
- Other decreases	-	-	-	(1,780,176,423)	-	285,279,106	(1,494,897,317)
Ending balance	<u>279,865,180,000</u>	<u>191,000,000,000</u>	<u>(10,491,434,356)</u>	<u>11,033,838,777</u>	<u>32,749,178</u>	<u>305,831,631,844</u>	<u>777,271,965,443</u>
Current year							
Beginning balance	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	11,033,838,777	32,749,178	305,831,631,844	777,271,965,443
- Net profit for the year	-	-	-	-	-	84,515,502,507	84,515,502,507
- Appropriation to reserve	-	-	-	4,241,907,050	-	(4,241,907,050)	-
- Dividends paid	-	-	-	-	-	(30,224,710,450)	(30,224,710,450)
- Exchange rate differences	-	-	-	-	(105,123,539)	37,459,518	(67,664,021)
- Other decreases (*)	-	-	-	(7,047,838,105)	-	-	(7,047,838,105)
Ending balance	<u>279,865,180,000</u>	<u>191,000,000,000</u>	<u>(10,491,434,356)</u>	<u>8,227,907,722</u>	<u>(72,374,361)</u>	<u>355,917,976,369</u>	<u>824,447,255,374</u>

(*) During the year, the Company has utilised Other funds belonging to owner's equity for its production and operating activities. As at the reporting date, the Company is in the process to obtain approval from the Board of Directors for the use of this fund.

21.2 Contributed charter capital

Currency: VND

	Ending balance		Beginning balance	
	Total	Ordinary shares	Total	Ordinary shares
Contributed by shareholders	279,865,180,000	279,865,180,000	279,865,180,000	279,865,180,000
Share premium	191,000,000,000	191,000,000,000	191,000,000,000	191,000,000,000
	<u>470,865,180,000</u>	<u>470,865,180,000</u>	<u>470,865,180,000</u>	<u>470,865,180,000</u>

21.3 Capital transactions with owners and distribution of dividends, profits

Currency: VND

Contributed capital	Current year	Previous year
	Beginning balance	279,865,180,000
Increase	-	-
Decrease	-	-
Ending balance	<u>279,865,180,000</u>	<u>279,865,180,000</u>

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

21.4 Chi tiết vốn pháp định đã góp

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.986.518	27.986.518
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.986.518	27.986.518
Cổ phiếu phổ thông	27.986.518	27.986.518
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	(479.300)	(479.300)
Cổ phiếu phổ thông	(479.300)	(479.300)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	27.507.218	27.507.218
Cổ phiếu phổ thông	27.507.218	27.507.218
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	27.507.218	27.507.218

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong năm là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2013: 10.000 VND/cổ phiếu).

22. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	750.393.164	1.048.488.916
Giảm lợi ích của cổ đông thiểu số do giải thể công ty con	(716.512.262)	-
Lỗ trong năm thuộc về cổ đông thiểu số	(33.880.902)	(297.581.191)
Giảm khác	-	(514.561)
Số dư cuối năm	-	750.393.164

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác. Công ty và các công ty con có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam và Cam-pu-chia. Tỷ lệ tài sản và doanh thu tại Cam-pu-chia chiếm dưới 10% trên tổng tài sản, doanh thu của Công ty và các công ty con. Theo đó, Công ty và công ty con được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính.

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	785.922.789.956	752.596.898.265
Trong đó		
Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm	440.627.864.776	430.624.102.292
Doanh thu thành phẩm bông	239.163.008.307	226.922.816.339
Doanh thu chăn bông	74.087.261.118	56.080.452.581
Doanh thu bán hàng hóa khác	32.044.655.755	38.969.527.053
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(4.469.540.961)	(2.094.168.369)
Doanh thu thuần	781.453.248.995	750.502.729.896

21. OWNERS' EQUITY (CONTINUED)

21.4 Shares

	Currency: VND	
	Ending balance	Beginning balance
Issued shares	27,986,518	27,986,518
Issued and paid-up shares	27,986,518	27,986,518
Ordinary shares	27,986,518	27,986,518
Preferred shares	-	-
Treasury shares	(479,300)	(479,300)
Ordinary shares	(479,300)	(479,300)
Preferred shares	-	-
Shares in circulation	27,507,218	27,507,218
Ordinary shares	27,507,218	27,507,218
Preference shares	-	-
	27,507,218	27,507,218

The par value of share in circulation during the year is VND10,000/share (2013: VND10,000/share).

22. MINORITY INTEREST

	Currency: VND	
	Ending balance	Beginning balance
Beginning balance	750,393,164	1,048,488,916
Decreases due to liquidation of subsidiary	(716,512,262)	-
Losses attributable to the minority interest	(33,880,902)	(297,581,191)
Other decreases	-	(514,561)
Ending balance	-	750,393,164

23. BUSINESS AND GEOGRAPHICAL SEGMENTS

The principal activities of the Company and its subsidiaries are to produce non-knitting, filter cloth, wool, blanket, bedding, padding, pillow, knapsack, bags, underclothing and other garment products. The operations of the Company and its subsidiaries are in Vietnam and Cambodia. The assets and sales in Cambodia account for less than 10% of the total assets and sales of the Company and its subsidiaries. Accordingly, the Company and its subsidiary are considered as one reporting segment.

24. REVENUE

24.1. Revenue from sale of goods

	Currency: VND	
	Current year	Previous year
Gross revenue	785,922,789,956	752,596,898,265
In which:		
Sales of bedding products	440,627,864,776	430,624,102,292
Sales of padding products	239,163,008,307	226,922,816,339
Sales of quilting products	74,087,261,118	56,080,452,581
Other sales	32,044,655,755	38,969,527,053
Less		
Sales returns	(4,469,540,961)	(2,094,168,369)
Net revenue	781,453,248,995	750,502,729,896

24. DOANH THU (TIẾP THEO)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	9.942.106.166	8.336.118.710
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.881.675.026	1.840.522.736
Cổ tức, lợi nhuận được chia	180.959.178	143.970.411
Doanh thu tài chính khác	563.433.004	37.943.608
	13.568.173.374	10.358.555.465

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm chăn ga, đệm	325.440.359.432	294.508.088.251
Giá vốn thành phẩm bông	138.343.006.720	133.743.143.505
Giá vốn chăn bông	35.374.540.462	30.559.304.723
Giá vốn bán hàng hóa khác	16.502.273.222	15.470.684.484
	515.660.179.836	474.281.220.963

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	2.120.543.071	1.716.445.439
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.150.980.360	3.125.134.655
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.095.563.545	-
Chi phí tài chính khác	15.858.309	-
	5.382.945.285	4.841.580.094

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	2.557.162.188	3.046.540.013
Thu nhập từ bán phế liệu	1.066.479.693	3.046.540.013
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	399.788.800	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	300.000.000	-
Thu nhập khác	790.893.695	-
Chi phí khác	(1.534.352.759)	(1.162.567.960)
Chi hỗ trợ công nhân viên	(317.678.292)	-
Chi phí khác	(164.984.475)	-
Chi hỗ trợ công nhân viên	(1.051.689.992)	(1.162.567.960)
Lợi nhuận khác	1.022.809.429	1.883.972.053

24. REVENUE (CONTINUED)

24.2. Finance income

	Currency: VND	
	Current year	Previous year
Interest income	9,942,106,166	8,336,118,710
Foreign exchange gain	2,881,675,026	1,840,522,736
Dividend income	180,959,178	143,970,411
Others	563,433,004	37,943,608
	13,568,173,374	10,358,555,465

25. COST OF GOODS SOLD

	Currency: VND	
	Current year	Previous year
Cost of bedding products sold	325,440,359,432	294,508,088,251
Cost of padding products sold	138,343,006,720	133,743,143,505
Cost of quilting products sold	35,374,540,462	30,559,304,723
Other cost of sales	16,502,273,222	15,470,684,484
	515,660,179,836	474,281,220,963

26. FINANCE EXPENSES

	Currency: VND	
	Current year	Previous year
Interest expenses	2,120,543,071	1,716,445,439
Realised foreign exchange losses	2,150,980,360	3,125,134,655
Unrealised foreign exchange losses	1,095,563,545	-
Others	15,858,309	-
	5,382,945,285	4,841,580,094

27. OTHER INCOME AND EXPENSES

	Currency: VND	
	Current year	Previous year
Other income	2,557,162,188	3,046,540,013
Income from selling scrap	1,066,479,693	3,046,540,013
Income from contract violation penalty	399,788,800	-
Proceeds from assets disposal	300,000,000	-
Other income	790,893,695	-
Other expenses	(1,534,352,759)	(1,162,567,960)
Employees assistance expenses	(317,678,292)	-
Net book value of disposed assets and costs of disposal	(164,984,475)	-
Other expenses	(1,051,689,992)	(1,162,567,960)
Other profit	1,022,809,429	1,883,972,053

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	449.906.560.605	392.580.439.413
Chi phí nhân công	125.753.755.766	124.230.225.845
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	30.286.393.382	29.598.980.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.529.069.003	67.511.917.981
Chi phí khác	18.461.144.263	29.075.230.055
	683.936.923.019	642.996.793.765

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 22% trên lợi nhuận thu được cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	110.659.195.477	116.359.232.573
Các điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại phải thu, tiền của năm trước	95.625.937	-
Doanh thu phiếu mua hàng chưa giao hàng cho khách hàng	511.113.634	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN	6.478.555.559	8.987.140.861
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền, phải thu	28.140.568	-
Dự phòng trợ cấp mất việc trích lập thêm	817.197.963	-
Các điều chỉnh khác	580.102.187	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại phải thu, tiền	-	(95.625.937)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(180.959.178)	(143.970.411)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	118.988.972.147	124.987.938.810
Thuế TNDN ước tính trong năm	26.177.573.872	31.402.253.359
Thuế TNDN phải trả đầu năm	24.701.550.643	35.119.795.728
Thuế TNDN đã trả trong năm	(27.645.558.723)	(41.820.498.444)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	23.233.565.792	24.701.550.643

28. PRODUCTION AND OPERATING COSTS

	Currency: VND	
	Current year	Previous year
Raw materials	449,906,560,605	392,580,439,413
Labour costs	125,753,755,766	124,230,225,845
Depreciation and amortisation	30,286,393,382	29,598,980,470
Expenses for external services	59,529,069,003	67,511,917,981
Other expenses	18,461,144,263	29,075,230,055
	683,936,923,019	642,996,793,765

29. CORPORATE INCOME TAX

The statutory corporate income tax ("CIT") applicable to the Company is 22% of taxable profits for the year ended 31 December 2014.

The tax returns filed by the Company are subject to examination by the tax authorities. As the application of tax laws and regulations is susceptible to varying interpretations, the amounts reported in the consolidated financial statements could change at a later date upon final determination by the tax authorities.

Current CIT

The current tax payable is based on taxable profit for the year. The taxable profit of the Company for the year differs from the profit as reported in the separate income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Company's liability for current tax is calculated using tax rates that have been enacted by the balance sheet date.

The reconciliation between the profit before tax and taxable profit is presented below.

	Currency: VND	
	Current year	Previous year
Profit before tax	110,659,195,477	116,359,232,573
Adjustments to accounting profit		
<i>Adjustments to increase:</i>		
Unrealised foreign exchange differences of cash and trade receivables of previous year	95,625,937	-
Unearned revenue	511,113,634	-
Expenses not eligible for CIT deduction	6,478,555,559	8,987,140,861
Unrealised foreign exchange losses from cash and trade receivables	28,140,568	-
Change in accrual for severance allowance	817,197,963	-
Other increase	580,102,187	-
<i>Adjustments to decrease:</i>		
Unrealized foreign exchange gain of cash and trade receivables	-	(95,625,937)
Dividend received	(180,959,178)	(143,970,411)
Estimated current taxable profit	118,988,972,147	124,987,938,810
Estimated current CIT expenses	26,177,573,872	31,402,253,359
CIT payable at the beginning of the year	24,701,550,643	35,119,795,728
CIT paid during the year	(27,645,558,723)	(41,820,498,444)
CIT payable at the end of the year	23,233,565,792	24,701,550,643

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc	Cho vay	615.759.578

Số dư cuối năm của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	Mối quan hệ	Số tiền
Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 5)	Phó Tổng Giám đốc	615.759.578
Ông Cho Yong Hwan		

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương gộp và các quyền lợi khác	16.260.194.797	15.193.145.630
	16.260.194.797	15.193.145.630

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phần.

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	84.515.502.507	85.254.560.405
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	84.515.502.507	85.254.560.405
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.507.218	27.507.218
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	27.507.218	27.507.218

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

30. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES

Significant transactions with related parties during the year were as follows:

Currency: VND

Related parties	Relationship	Transactions	Amount
Mr. Cho Yong Hwan	Deputy General Director	Loan	615,759,578

Amounts due to and due from related parties at the balance sheet date were as follows:

Currency: VND

	Relationship	Amount
Short-term investment (Note 5)	Deputy General Director	615.759.578
Mr. Cho Yong Hwan		

Transactions with other related parties

Remuneration to members of the Board of Directors and Management

Currency: VND

	Current year	Previous year
Salaries and bonus	16,260,194,797	15,193,145,630
	16,260,194,797	15,193,145,630

31. EARNINGS PER SHARE

Basic earnings per share amounts are calculated by dividing net profit after tax for the year attributable to ordinary shareholders of the Company by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

Diluted earnings per share amounts are calculated by dividing the net profit after tax attributable to ordinary equity holders of the Company (after adjusting for interest on the convertible preference shares) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year plus the weighted average number of ordinary shares that would be issued on conversion of all the dilutive potential ordinary shares into ordinary shares.

The following reflects the income and share data used in the basic and diluted earnings per share computations:

Currency: VND

	Current year	Previous year
Net profit after tax attributable to ordinary equity holders for basic earnings	84,515,502,507	85,254,560,405
Effect of dilution	-	-
Net profit attributable to ordinary equity holders adjusted for the effect of dilution	84,515,502,507	85,254,560,405
Weighted average number of ordinary shares for basic earnings per share	27,507,218	27,507,218
Effect of dilution	-	-
Weighted average number of ordinary shares adjusted for the effect of dilution	27,507,218	27,507,218

There have been no other transactions involving ordinary shares or potential ordinary shares between the reporting date and the date of completion of these consolidated financial statements

32. FINANCIAL RISK MANAGEMENT OBJECTIVES AND POLICIES

The Company's principal financial liabilities comprise loans and borrowings, trade and other payables. The main purpose of these financial liabilities is to finance the Company's operations. The Company has trade and other receivables, cash, short-term deposits and other investments. The Company does not hold or issue derivative financial instruments.

The Company is exposed to market risk, credit risk and liquidity risk.

Risk management is integral to the whole business of the Company. The Company has a system of controls in place to create an acceptable balance between the cost of risks occurring and the cost of managing the risks. The management continually monitors the Company's risk management process to ensure that an appropriate balance between risk and control is achieved.

Management reviews and agrees policies for managing each of these risks which are summarized below.

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng:

- Độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- Độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau (tác động đến vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể):

	Đơn vị tính : VND	
	Thay đổi lãi suất	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
VND	+100	(21.205.431)
VND	-100	21.205.431
Năm trước		
VND	+100	(17.164.454)
VND	-100	17.164.454

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động tài chính và đầu tư của Công ty (khi các khoản vay và đầu tư được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	Đơn vị tính : VND	
	Thay đổi tỷ giá	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
VND	5%	(1.147.870.300)
VND	-5%	1.147.870.300
Năm trước		
VND	5%	(1.319.015.459)
VND	-5%	1.319.015.459

32. FINANCIAL RISK MANAGEMENT OBJECTIVES AND POLICIES (CONTINUED)

Market risk

Market risk is the risk that the fair value of future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market prices. Market prices comprise four types of risk: interest rate risk, currency risk, commodity price risk and other price risk, such as equity price risk. Financial instruments affected by market risk include loans and borrowings, deposits and available-for-sale investments.

The sensitivity analyses in the following sections relate to the position as at 31 December 2014 and 31 December 2013.

The sensitivity analyses have been prepared on the basis that the amount of net debt, the ratio of fixed to floating interest rates of the debt and the proportion of financial instruments in foreign currencies are all constant.

In calculating the sensitivity analyses, management assumed that:

- the sensitivity of the balance sheet relates to available-for-sale debt instrument;
- the sensitivity of the relevant income statement item is the effect of the assumed changes in respective market risks. This is based on the financial assets and financial liabilities held at 31 December 2014 and 31 December 2013.

Interest rate risk

Interest rate risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market interest rates. The Company is exposure to market risk for changes in interest rate relates primarily to the Company's cash and short-term deposits, and loans and borrowings with floating interest.

The Company manages interest rate risk by looking at the competitive structure of the market to obtain rates which are favorable for its purposes within its risk management limits.

A sensitivity analysis is not performed for interest rate risk as the Company's exposure to interest-rate risk is minimal at reporting date.

With all other variables held constant, the Company's profit before tax is affected through the impact on floating rate borrowings as follows:

	Currency: VND	
	Increase/decrease in basis points	Effect on profit before tax
Current year		
VND	+100	(21,205,431)
VND	-100	21,205,431
Previous year		
VND	+100	(17,164,454)
VND	-100	17,164,454

Foreign currency risk

Foreign currency risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in foreign exchange rates. The Company's exposure to the risk of changes in foreign exchange rates relates primarily to the Company's operating activities (when revenue or expense is denominated in a different currency from the Company's accounting currency).

Foreign currency sensitivity

The following table demonstrates the sensitivity to a reasonably possible change in the US dollar exchange rate, with all other variables held constant, of the Company's profit before tax (due to changes in the fair value of monetary assets and liabilities). The Company's exposure to foreign currency changes for all other currencies is not significant.

	Currency: VND	
	Increase/decrease in exchange rate	Effect on profit before tax
Current year		
USD	5%	(1,147,870,300)
USD	-5%	1,147,870,300
Previous year		
USD	5%	(1,319,015,459)
USD	-5%	1,319,015,459

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa là nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi số như trình bày trong Thuyết minh số 4 và số 5. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

Đơn vị: VND

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	42.305.408.549	42.305.408.549	42.305.408.549	42.305.408.549
Chi phí phải trả khác và khoản phải trả khác	289.832.104	289.832.104	289.832.104	289.832.104
	42.595.240.653	42.595.240.653	42.595.240.653	42.595.240.653
Số đầu năm				
Các khoản vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán	45.627.379.899	45.627.379.899	45.627.379.899	45.627.379.899
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	2.834.077.859	2.834.077.859	2.834.077.859	2.834.077.859
	48.461.457.758	48.461.457.758	48.461.457.758	48.461.457.758

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

32. FINANCIAL RISK MANAGEMENT OBJECTIVES AND POLICIES (CONTINUED)

Commodity price risk

The Company has commodity price risk by purchasing raw materials for its production. The Company manages commodity price risk by closely monitoring all information related commodity markets to manage the time of purchase, production plan and inventory levels in a reasonable level. The Company does not use derivative instruments to ensure the prevention of commodity price risk.

Credit risk

Credit risk is the risk that counterparty will not meet its obligations under a financial instrument or customer contract, leading to a financial loss. The Company is exposed to credit risk from its operating activities (mainly trade receivables) and from its financing activities, including deposits with banks.

Trade receivables

Customer credit risk is managed by the Company based on its established policy, procedures and control relating to customer credit risk management.

The Company seeks to maintain strict control over its outstanding receivables. For major customers, the Company reviews their credit risk at the reporting date to assess whether there is a provision required for the outstanding receivables.

Bank deposits

The Company's bank balances are mainly maintained with well-known banks in Vietnam. Credit risk from balances with banks is managed by the Company's treasury department in accordance with the Company's policy. The Company's maximum exposure to credit risk for the components of the balance sheet at each reporting dates are the carrying amounts as illustrated in Note 4 and Note 5. The Company evaluates the concentration of credit risk in respect to bank deposit is as low.

Liquidity risk

The liquidity risk is the risk that the Company will encounter difficulty in meeting financial obligation due to shortage of funds. The Company's exposure to liquidity risk arises primarily from mismatches of maturities of financial assets and liabilities.

The Company monitors its liquidity risk by maintain a level of cash and bank loans deemed adequate by management to finance the Company's operations and to mitigate the effects of fluctuations in cash flows.

The table below summarizes the maturity profile of the Company's financial liabilities based on contractual discounted payments:

Currency: VND

	On demand	Less than 1 year	From 1 to 5 years	Total
Ending balance				
Short-term loans and borrowings	-	-	-	-
Trade payables	42,305,408,549	42,305,408,549	42,305,408,549	42,305,408,549
Other payables and accrued expenses	289,832,104	289,832,104	289,832,104	289,832,104
	42,595,240,653	42,595,240,653	42,595,240,653	42,595,240,653
Beginning balance				
Short-term loans and borrowings	-	-	-	-
Trade payables	45,627,379,899	45,627,379,899	45,627,379,899	45,627,379,899
Other payables and accrued expenses	2,834,077,859	2,834,077,859	2,834,077,859	2,834,077,859
	48,461,457,758	48,461,457,758	48,461,457,758	48,461,457,758

The Company assessed the concentration of risk with respect to refinancing its debt and concluded it to be low. Access to sources of funding is sufficiently available and debt maturing within 12 months can be rolled over with existing lenders.

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Đầu tư tài chính ngắn hạn	185.629.759.578	-	105.858.839.889	-	185.629.759.578	105.858.839.889
Đầu tư tài chính dài hạn	2.638.200.000	-	2.638.200.000	-	2.638.200.000	2.638.200.000
Phải thu khách hàng	139.778.008.253	(5.962.437.255)	115.960.859.621	(4.801.661.893)	133.815.570.998	111.159.197.728
Phải thu khác	2.649.366.698	(1.275.326.796)	1.353.646.529	(1.275.326.796)	1.374.039.902	78.319.733
Tiền và tương đương tiền	35.570.707.087	-	51.350.127.079	-	35.570.707.087	51.350.127.079
	366.266.041.616	(7.237.764.051)	277.161.673.118	(6.076.988.689)	359.028.277.565	271.084.684.429

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ	62.474.687.440	1.311.440.000	62.474.687.440	1.311.440.000
Phải trả người bán	42.305.408.549	45.627.379.899	42.305.408.549	45.627.379.899
Phải trả khác	606.700.104	3.655.945.859	606.700.104	3.655.945.859
	105.386.796.093	50.594.765.758	105.386.796.093	50.594.765.758

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản vay và nợ ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cho các công cụ tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ; và
- Giá trị hợp lý của các khoản nợ tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cho các công cụ tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

34. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Trình bày lại	Số đầu năm
	(đã được trình bày trước đây)		(được trình bày lại)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Phải trả dài hạn khác (*)	821.868.000	2.428.603.536	3.306.471.536
Dự phòng phải trả dài hạn khác (*)	2.428.603.536	(2.428.603.536)	-

(*) Đây là khoản điều chỉnh dự phòng trợ cấp thôi việc từ dự phòng phải trả dài hạn khác sang mục phải trả dài hạn khác.

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu

33. FINANCIAL ASSETS AND FINANCIAL LIABILITIES

Set out below is a comparison by class of the carrying amounts and fair value of the Company's financial instruments that are carried in the consolidated financial statements.

Currency: VND

	Carrying amount				Fair value	
	Ending balance		Beginning balance		Ending balance	Beginning balance
	Cost	Provision	Cost	Provision		
Financial assets						
Short-term investments	185,629,759,578	-	105,858,839,889	-	185,629,759,578	105,858,839,889
Long-term investments	2,638,200,000	-	2,638,200,000	-	2,638,200,000	2,638,200,000
Trade receivables	139,778,008,253	(5,962,437,255)	115,960,859,621	(4,801,661,893)	133,815,570,998	111,159,197,728
Other receivables	2,649,366,698	(1,275,326,796)	1,353,646,529	(1,275,326,796)	1,374,039,902	78,319,733
Cash and cash equivalents	35,570,707,087	-	51,350,127,079	-	35,570,707,087	51,350,127,079
	366,266,041,616	(7,237,764,051)	277,161,673,118	(6,076,988,689)	359,028,277,565	271,084,684,429

Currency: VND

	Carrying amount		Fair value	
	Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance
	Financial liabilities			
Short-term loans and borrowings	62,474,687,440	1,311,440,000	62,474,687,440	1,311,440,000
Trade payables	42,305,408,549	45,627,379,899	42,305,408,549	45,627,379,899
Other current liabilities	606,700,104	3,655,945,859	606,700,104	3,655,945,859
	105,386,796,093	50,594,765,758	105,386,796,093	50,594,765,758

The fair value of the financial assets and liabilities are included at the amount at which the instrument could be exchanged in a current transaction between willing parties, other than in a forced or liquidation sale.

The following method and assumption were used to estimate the fair values:

- Cash and short-term deposits, trade and other receivables, short-term loans and borrowings, trade payables and other current liabilities approximate their carrying amounts largely due to the short-term maturities of these instruments.
- Financial investments whose fair value can not be reliably determined due to the absence of an active market for these instruments are disclosed at their carrying amount.
- Fair value of financial liabilities whose fair value can not be reliably determined due to the absence of an active market for these instruments are disclosed at their carrying amount.

34. RECLASSIFICATION OF CORRESPONDING FIGURES

Certain corresponding figures on the consolidated balance sheet as at 31 December 2013 have been reclassified to reflect the presentation of the current year's consolidated financial statements.

Currency: VND

	Beginning balance	Reclassification	Beginning balance
	(previously presented)		(reclassified)
Consolidated balance sheet			
Other long term payables (*)	821.868.000	2.428.603.536	3.306.471.536
Provision for other long term payables (*)	2.428.603.536	(2.428.603.536)	-

(*) Đây là khoản điều chỉnh dự phòng trợ cấp thôi việc từ dự phòng phải trả dài hạn khác sang mục phải trả dài hạn khác.

35. EVENTS AFTER THE BALANCE SHEET DATE

(*) This represents the reclassification of provision for severance allowance from Other long-term provision to Other long term payables.



Lee Jae Eun
General Director

27 March 2015

Cho Yong Hwan
Deputy General Director in charge of finance

Nguyen Bao Ngoc
Preparer

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT / ABBREVIATION

B/D	Chăn ga gối đệm	Bedding
P/D	Bông tắm	Padding
Q/T	Bông chăn	Quilting
EPS	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	Earnings Per Share
ROA	Hệ số thu nhập trên tài sản	Return on Assets
ROE	Hệ số thu nhập trên Vốn chủ sở hữu	Return on Equity
ROS	Hệ số thu nhập trên doanh thu	Return on Sales
Everpia Việt Nam Everpia Vietnam	Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam	Everpia Vietnam Joint stock company
HĐQT / BOM	Hội đồng quản trị	Board of Management
TGD / BOD	Ban Tổng giám đốc	Board of Directors
HOSE	Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh	Hochiminh Stock Exchange
NC&PT / R&D	Nghiên Cứu và Phát triển	Research and Development
CM	Hoạt động gia công	Cut & Making
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng	Consumer Price Index
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	Gross Domestic Product
AG	Đại lý độc quyền tại Hà Nội hoặc TP. Hồ Chí Minh	Exclusive agent in Hanoi and Hochiminh city
DB	Đại lý tỉnh	Distributor in provinces
GDB	Tổng đại lý tỉnh	General Distributor in provinces

LƯU Ý NGƯỜI ĐỌC / NOTE TO READERS

- Mọi thông tin tài chính liên quan trong báo cáo này đều lấy nguồn từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2014 của công ty CP Everpia Việt Nam.

All herein financial information originated from the Audited Consolidated Financial Statement in 2014 of Everpia Vietnam JSC.

- Các thông tin về thị trường, về năng lực sản xuất đều lấy nguồn nội bộ công ty cổ phần Everpia Việt Nam. Các nhận định trong Báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra Báo cáo.

Herein marketing & production capacity information is from Everpia Vietnam's internal report. All cautiously analysed statements are appropriate as of the publication date according to our subjective assessments.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN ANNUAL REPORT 2014



Everpia Vietnam JSC.

Mọi câu hỏi liên quan đến Công ty cổ phần Everpia Việt Nam, Quý cổ đông và các nhà đầu tư có thể liên hệ theo địa chỉ sau:

PHÒNG KẾ HOẠCH

CTCP Everpia Việt Nam

Địa chỉ: Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội

ĐT: (04) 3827 6490 (Máy lẻ: 347)

Fax: (04) 3678 2030

Website: www.everpia.vn

Email: info@everpia.vn

Investors who have any questions about their investment in Everpia Vietnam or about Everpia Vietnam in general, may write to Planning Team as follows:

PLANNING TEAM

Everpia Vietnam JSC.

Add: Duong Xa, Gia Lam, Hanoi

Tel: (+84-4) 3827 6490 (ext: 347)

Fax: (+84-4) 3678 2030

Website: www.everpia.vn

Email: info@everpia.vn